

SỐ ĐẶC BIỆT HÀ NỘI

SÁNG TẠO

THÁNG MƯỜI 1958

TRẦN THANH HIỆP Ý nghĩa
MAI THẢO Quê hương trong trí nhớ
TRƯỜNG DZI Tuổi trẻ
DOãn QUỐC SỸ Tiền kiếp
VƯƠNG TÂN Về cái chết của một người bạn
TÔ THÙY YÊN Thủ đô
THANH NAM Quyền
TÔ KIỀU NGÂN Phố hàng khay
THANH TÂM TUYỀN Cuối đường
VĨNH LỘC Mưa lúc hoàng hôn
PHẠM NGUYỄN VŨ Tiếng động dưới cỏ
HOÀNG BẢO VIỆT Nước trôi về nguồn
MAI TRUNG TỈNH Trước ngày lên đường
ĐÌNH HÙNG Bao giờ em lấy chồng
NGUYỄN SỸ TẾ Mái đầu những Hà Nội

THƠ TỰ DO

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG - DUY THANH - TRẦN THANH HIỆP
THANH TÂM TUYỀN - NGỌC DŨNG - MAI TRUNG TỈNH
TRẦN LÊ NGUYỄN - VƯƠNG TÂN - DUY NĂNG - Đ. MINH

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ : 133B KÝ CON - SAIGON

25

KỶ NIỆM ĐỆ NHỊ CHU NIÊN

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 25
tháng Mười 1958

DOÃN QUỐC SỸ - DUY THANH - DUY NĂNG
ĐÌNH HÙNG - Đ. MINH - HUY TRÂM
HOÀNG BẢO VIỆT - MAI THẢO
MAI TRUNG TĨNH - NGUYỄN SỸ TẾ
NGỌC DŨNG - NGƯỜI SÔNG THƯƠNG
PHẠM NGUYỄN VŨ - TRẦN THANH HIỆP
TÔ THÙY YÊN - THANH TÂM TUYỀN
TÔ KIỀU NGÂN - TRẦN LÊ NGUYỄN
THANH NAM - VƯƠNG TÂN - VĨNH LỘC

Sáng Tạo số 25 tháng 10 - 1958

bìa: *Tạp chí Sáng Tạo*
trình bày: ***Muôn Phương***
nguồn: *Internet*

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 25
tháng 10 - 1958

MỤC LỤC

	Trang
1. SÁNG TẠO GỬI BẠN ĐỌC	11
SÁNG TẠO	
2. CHỊ TÔI	14
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG	
3. BÀI CA CỦA NHỮNG NGƯỜI - TIẾNG NÓI	20
TRẦN THANH HIỆP	
4. THÀNH PHỐ - TÊN NGƯỜI YÊU DẤU	27
THANH TÂM TUYỀN	
5. NGOẠI Ô	35
NGỌC DŨNG	
6. Ý NGHĨA	37
TRẦN THANH HIỆP	
7. QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ	66
MAI THẢO	
8. TUỔI TRẺ	87
TRƯỜNG DZI	
9. TIỀN KIẾP	111
DOÃN QUỐC SỸ	
10. VỀ CÁI CHẾT CỦA MỘT NGƯỜI BẠN	143
VƯƠNG TÂN	
11. BÀI THƠ TRONG PHỐ VẮNG	158
DUY THANH	
12. LỊCH SỬ	162
MAI TRUNG TĨNH	
13. NGUYỆN ƯỚC	165
TRẦN LÊ NGUYỄN	
14. TÂM SỰ	169
VƯƠNG TÂN	

15. THỦ ĐÔ	173
TÔ THÙY YÊN	
16. QUYÊN	183
THANH NAM	
17. PHỐ HÀNG KHAY	204
TÔ KIỀU NGÂN	
18. CUỐI ĐƯỜNG	213
THANH TÂM TUYỀN	
19. MƯA LÚC HOÀNG HÔN	233
VĨNH LỘC	
20. TÍM	261
DUY THANH	
21. NHỮNG LÁ THƯ HÀ NỘI	267
BẠN ĐỌC ST	
22. TIẾNG ĐỘNG DƯỚI CỎ	291
PHẠM NGUYỄN VŨ	
23. VẺ BUỒN CỦA TÌNH YÊU - VÀ HỘI HỌA	321
TÔ THÙY YÊN	
24. ĐIỆP KHÚC	325
HUY TRÂM	
25. NƯỚC TRÔI VỀ NGUỒN	328
HOÀNG BẢO VIỆT	
26. TRƯỚC NGÀY LÊN ĐƯỜNG	354
MAI TRUNG TĨNH	
27. BAO GIỜ EM LẤY CHỒNG	373
ĐINH HÙNG	
28. NGUỒN	377
DUY NĂNG	
29. BÀI CA HAI MƯƠI	386
Đ. MINH	

30. MÁI ĐẦU NHỮNG HÀ NỘI
NGUYỄN SỸ TẾ

390

Thư từ và bài vở gửi cho: MAI THẢO
Tiền bạc và ngân phiếu cho: ĐẶNG LÊ KIM
TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO:
133B, đường Ký Con – SAIGON

GỬI BẠN ĐỌC

Giai phẩm đặc biệt về Hà Nội phát hành nhân dịp kỷ niệm đệ nhị chu niên Sáng Tạo mang theo với nó những ý nghĩ tốt đẹp và những lời cảm tạ chân thành nhất chúng tôi muốn gửi tới bạn đọc thân mến toàn quốc.

Sáng Tạo đến nay đã có một đất đứng vững vàng, một sắc thái độc đáo, và trong ngày tới nó sẽ có đủ khả năng góp phần đắc lực và hữu hiệu vào việc dựng thành những nền tảng đầu tiên cho một nền văn học nghệ thuật mới chính vì nó đã nhận được ở lớp công chúng khởi đầu là bạn đọc, những chứng tích cụ thể

của một lòng tin yêu càng ngày càng mãnh liệt hơn.

Đối với một tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo,

quan niệm rằng: điều kiện quyết định sự phát triển cho một nền văn học nghệ thuật là bao giờ nó cũng phải nặng tính chất khám phá mở đường, luôn luôn chuyển mình hướng tới những chân trời xa, những thế giới mới,

nhận định rằng: sở dĩ nền văn nghệ Việt Nam sẽ có một tương lai rực rỡ, vì bắt nguồn từ những truyền thống dân tộc tốt đẹp, cũng đang đi vào những chân trời xa những thế giới mới ấy,

thì phần thưởng quý giá ghi nhận được, lớn nhất vẫn là sự có mặt của bạn đọc, những người đã đến, đã đứng cùng một vị trí, đã đi cùng một hướng đi với tạp chí ngay từ những khó khăn, những trở lực khởi đầu.

Với toàn thể bạn đọc, những người từ hai năm nay đã đến với chúng tôi, những người ngày mai sẽ tới, chúng tôi xin nói:

chúng tôi, những người chủ trương và những tác giả cộng tác với Sáng Tạo sẽ hết sức cố gắng kiện toàn tạp chí từ nội dung đến hình thức để có thể một mặt, dần dần đem ra ánh sáng cái kho tàng văn học giàu có của dân tộc và đồng thời biểu hiện qua những sáng tác chọn lọc, cái tính chất khám phá mở đường mà chúng ta cùng nhận thức là những tính chất thiết yếu cho nền văn nghệ mới đang thành hình,

Sáng Tạo

CHỊ TÔI

Chị tôi sinh năm 1925

ngày ông Phan bội Châu về nước

sau 5 năm tình duyên mặn nồng

mẹ tôi ngược xuôi buôn bán khắp tổng làng

cha tôi ở nhà chăn tằm kéo sợi

đọc sách ngâm thơ

nuôi mộng sinh trai đầu

Mẹ thương hại nhìn cha rồi cúi thẹn con gái

Cha ngược mắt nhìn trời không nói năng

sáng hôm sau dậy sớm thời cơm đưa mẹ

Mọi việc lại trở về nếp cũ

những ngày đầu hiu dài thương mong

* * *

Gái đầu lòng

chị tôi lớn khôn.

xinh như nụ tầm xuân

vóc người giống mẹ

nhưng mắt nhìn giống cha

những thoáng buồn xen ngời giận dữ

Mẹ bảo: giàu cho mẹ nhờ

Cha cười: giàu chi kiếp vong nô

— cho con theo học buôn học bán

— để nó ở nhà tôi dạy dỗ

Vợ chồng nhỏ to

bàn bạc những gì

đầu nào đong hết lòng mẹ cha

ai do tình thương bằng lời nói

Và chị tôi ở nhà

học chữ Nho, chữ Quốc ngữ, chữ Tây

học cả võ Tàu

Mẹ lo: gả làm sao con gái

Cha bảo: ước hẹn rồi non sông

* * *

Tôi sinh ra giữa thời bom đạn

chị muôn trùng cách xa

cha qua đời không một lời dăng dối

Cuộc đời còn chi đáng nói

một trẻ thơ

nửa mái nhà tranh

một mẹ già

* * *

Chị tôi mất năm Ất Dậu-45

60 năm sau ông Tôn Thất Thuyết

đánh úp kinh thành đưa vua xuất ngoại

Trên 20 tuổi hoa niên

tuổi của mơ vàng

hiến thân cho cách mạng

chị chưa biết mùi đời

(kể cả tình yêu tôi chắc vậy

ước gì tôi là người hiệp sĩ)

vì muốn tránh bùn nhơ tội lỗi

đã cam chịu đắng cay của bọn người phản bội

* * *

Chị tôi không còn nữa

Tất cả chỉ là một tập truyền

tập truyền của người và của tôi

nhưng thực như sự thực

Tôi vẫn hằng tự nhủ

phải nguyên rửa tất cả mọi người như tôi

không ai có năng quyền làm lịch sử

ngoại trừ trẻ thơ

và những người đã chết

Bao giờ các anh các em các con các cháu
bao giờ các người làm cách mạng
bao giờ cách mạng thành công
cho tôi về ngủ trong nghĩa trang thành phố

* * *

Hai chị em không hề biết nhau
trong phong ba lịch sử
sớm âm dương mỗi người riêng thế giới
tới biết nói năng chi
âu đành tiếc thương người
bằng tiếc thương Hà Nội

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG

BÀI CA CỦA NHỮNG NGƯỜI TRỞ VỀ

Chúng ta những người trai thế kỷ

Bóng che khuất mặt trời

Yêu thương một nhân loại vừa tới hai mươi

Quân quai hình giáo

Hành trình mãi tận hư vô

Các anh hay chúng tôi

Gọi tên nhau bằng những màu cờ

Cách mạng

Từ những miền thủ đô

Lớn lên không bỗng bề

Bài hát ra luân khúc chiến ca

Nhịp nô đùa tiếng xích chiến xa

Đứt tung dưới nhát dao du kích

Ngập ngừng trước mũi gậy tầm vông

Dù không ở Paris tung vỡ những Bastille

Ở Poznan rung chuyển tiếng hét

Ở Buda ở Pest hùng vĩ một Hongrie

Hay ở Hà Nội còn đang cầm nín

Nước Hồng Hà sôi đỏ máu oán hờn

Như giòng sông Danube không xanh nữa cầm
giận

Lao tù chiếm cả công viên

Chúng ta khởi hành từng thế hệ

Đường di dài như biết những kiếp người

Nhưng lối về ngắn chỉ một giây lâu

Để còn kịp tối quỳ bên mẹ

Nhìn nụ cười héo dưới nếp nhăn

Mờ giọt nước mắt

Chúng con đã về tiếc không đủ mặt

Với quê hương nắm chắc trong bàn tay

Xin đừng ai hỏi những người còn lại ở đâu

Vì núi đồi mặt biển đại lộ đường làng

Đã là nghĩa địa dù không một vòng hoa ngôi mộ

Hãy nghe tất cả bản thánh ca vĩnh cửu

Những người nô lệ đen trắng hay vàng

Ngợi ca giải phóng hôm nay

Những câu ca dao những bài thơ thật tự do

Bay lướt cánh đồng hay vọng lên những
khung cửa sổ

Mở toang trời xanh

Mất biếc và không có gì nữa

“Nhân loại thối giết người

Anh và em sẽ không chết”

TIẾNG NÓI

Em đã đi những chuyến thật xa

Có thể xa mãi tới đường chân trời

Quên anh hay không kịp từ biệt

Kinh hãi bọn giặc cướp giữa ngày

Hung dữ hơn bày sói

Xâm chiếm phố làng

Những tràng đạn tấn công

Em chạy trốn một mình

Kinh thành thật nhiều ánh sáng

Nhưng đêm vẫn tối đen và nhiều bóng hình
hoảng sợ

Em thiếp ngủ bờ đại lộ xanh bóng cây

Mỗi khi nắng thật vàng chỉ đẹp với người làm thơ

Hay run rẩy góc mái hiên

Mưa tuyết lạnh lẫn áo mỏng

Có dòng sông nước chảy rất buồn

Cho em bờ đá chiều ngồi khóc quê hương

Những con tàu xuôi chậm nước trắng

Hôm nay em trở về

Bàn chân rớm máu

Nhưng năm cửa ô giới nghiêm

Căn nhà cuối cùng đã bị chiếm đóng

Người lính canh hàng rào thép lười lê

Bóng đen sẫm ngả dài thành phố

Thôi em hãy tới anh bằng bó

Chúng ta còn có đôi bàn tay

Để chúng ta úp mặt

Và khóc nức nở.

TRẦN THANH HIỆP

THÀNH PHỐ

Rất nhiều khoảnh khắc, bỗng nhiên hè đường tách lìa khỏi linh hồn, rồi những mặt nhà những chòm cây xe cộ nghĩa là Thành phố đáng ghét như thù nghịch, tôi bơ vơ suốt buổi chưa hết kiếp buồn phiền. Tôi, kẻ tội đồ vượt ngục, những vách tường hắt hủi những tiếng động nguyên rủa, muốn một hồn người yêu đương mà không gặp nên thành phố là nơi đầy ải gớm ghê vì chứa chấp những cô đơn chống chọi. Ngó xuống mỗi viên gạch, nhìn lên mỗi cây đèn đủ thấy sự khinh ghét lạnh lùng.

Tôi trốn chạy. Ngoại ô thì gây yếu, ngõ xóm rối rắm hơn lòng mình và những vuốt

nhọn mơn trớn.

Mỗi giọt lệ là một lời buộc tội

Mỗi nụ cười là một lần xảo trá

Tại sao Thượng Đế cử bắt buộc phải làm Thượng Đế? Những con chuột chù bắt buộc phải làm những con chuột chù? Ngoại ô chơi với bên dòng giầy điện mỏng con đường hẻm cụt và chuyển xe già. Mưa trôi xuống bùn nhơ, không còn linh hồn để khép kín, mọi vật rã rời, chẳng biết có nên thương tiếc chẳng?

Một người đàn bà đẹp chít khăn tang — cái đẹp của khăn tang trên khuôn mặt sầu muộn — cầm tay rủ tôi bỏ đi. Về những đôi cỏ may hoang vu nằm với nhau, chẳng dám trông vào mắt nhau. Mùa hạ trời cao dưới chân đồi bát ngát màu đất xám, nổi cô đơn dần nhỏ lại hóa tôi thành thứ rễ cây kỳ lạ. Tôi khiếp hãi hỏi: Nàng nghe thấy gì không? — Một thứ hương thơm mới tỏa ra từ thân thể chàng — Không

phải — Chiếc khăn tang trên tóc em quấn lấy cổ tay chàng, tiếng hát xa vời của kỷ niệm. Tôi la lên: Không phải, nghiêm khắc nhìn người đàn bà. Cái nhìn độc ác ấy giết chết người đàn bà, nàng vẫn còn đẹp khi sáu muện. Tôi đắp nắm mộ nàng bằng vòm trời yên tĩnh lấy của mùa hè đang có đấy, liệm xác nàng bằng cả đôi cỏ may êm ái vô cùng. Tôi nói: Hỡi em! Em không nghe thấy gì thật sao? Lời rên siết của những thành phố tro trọi hơn chúng ta. Hỡi em! Em sung sướng biết chừng nào, em nằm đây da thịt nở lên cây cỏ, của anh, anh phải quay về héo mòn cùng gạch ngói.

Tôi trở vào thành phố thấy thành phố nhớ thương tôi. Tôi đi bên phía trái, những thanh sắt nhọn xuyên lưng ngực, người ta muốn dày xéo tôi cho đỡ chướng mắt. Tôi vẫn rùng rùng và bắt đầu người ta run sợ. Tôi bảo mọi người: Hãy đi sang bên này, chối bỏ những thói quen ngu muội của các người, chúng ta sẽ gọi bên này là bên phải. Không ai dám cười tôi, nhiều

người muốn băng qua nhưng còn sợ chết chẹt giữa đường. Mặc họ dù thế nào tôi vẫn tiếp tục đi bên phía trái. Thân và hồn tôi nặng nề những kim loại. Và tôi đau dớn nhớ người đàn bà chít khăn tang trên đôi cổ may hoang vu dưới trời cao mùa hạ.

9-54

TÊN NGƯỜI YÊU DẤU

1— Trên đỉnh đèo Hải Vân

Nếu nhớ quê hương

Muốn chết

Vũ đạo Ánh

Chiến tranh vẫn còn (đến khi nào)

Đồn đóng sườn núi

Ngó biển không

Chiều chẳng mặt trời

Một mình rừng

Mây lỏa thể

Vũ đạo Ánh

Đập cụt cổ chai bia

Lấy súng bắn lên không

Dạn chì sẽ ghim ngực tao lép

Vũ đạo Ánh

Chim én vẫn bay đầy đàn trên trời chiều đường
phố ở Sài Gòn

2— Khóc đi Nguyễn

Mùa này gió biển thổi điên lên lục địa

Trời thành phố ngục tù

Màu xanh thoảng tiếng cười của kỷ niệm băng
quơ

Canh bạc về khuya

Viên đạn lăn đã mới

Chiếc đĩa quay không ngừng

Rồi đó bệnh tật và nghèo đói

Trở về căn nhà chúng ta

Chăn chiếu héo khô

Giống chiếc quan tài của Thoại

Khóc đi Nguyễn

Trong giấc mộng hằng đêm

Sân khấu lặng thinh

Mưa dột trên sàn gỗ

Mồ hôi giữa ngực và lưng

Những hàng ghế thăm muốn hỏi

Sao không một ánh nến

Không người nào

Mang một vòng hoa

Ném lên nhà mồ ấy

Khóc đi Nguyễn

Khi tỉnh dậy

Chẳng một ai ôm mình

Đêm dài tiếng kèn thê thiết

Thổi trên môi ung độc người nhạc sĩ đen

Tội lỗi nhét đầy hai con mắt ngây ngô

Kể lẽ toàn chuyện tình vô vọng

Với một mình cầu lấy tóc mình

Phương ơi

Khóc đi Nguyễn

8-58

THANH TÂM TUYỀN

NGOẠI Ô

Người bước đi cúi đầu
Thành phố từ giã nhau
Mênh mông mênh mông lạ
Và đêm và đêm thâu
Khép cửa ngời chờ đợi
Bóng tối đi bên ngoài
Âm thanh buồn chơi với
Trời mưa trời mưa mau
Mỗi người chia tay nhau
Mang theo một thành phố

Khuôn cửa ôm lòng tay

Buồn ơi chiều đại lộ

Núi rừng đi gặp gỡ

Gió buồn bay lang thang

Trời mưa trời mưa đổ

Ý nghĩ nhiều quê hương

NGỌC DŨNG

Ý NGHĨA

TRẦN THANH HIỆP

PHÚC không bao giờ tin rằng mình còn trở lại với nghề đánh đàn ở tiệm khiêu vũ. Nhưng đêm nay chính Phúc đang ngồi trước chiếc dương cầm trong một tiệm khiêu vũ. Phòng nhảy rộng lớn, người và ánh sáng tạo nên một không khí hơi tức nghẹt khiến đêm có nhiều vẻ giả tạo. Tay Phúc đập xuống hàng phím đàn rồn rập theo nhịp điệu mambo. Từ máy phóng thanh tiếng người nữ ca sĩ trườn xuống rì rầm rồi lại vươn cao “Hé mambo...Mambo Ital...” Dưới sàn nhảy có giọng say lè nhè họa theo: “Hé mambo . . .”

Phúc lơ đãng nhìn các bạn đàn của mình. Lợi đang gò mình bên chiếc đại hồ cầm. Quỳnh nhún nhảy với chiếc phong cầm. Lê và Phát nín bóp hai chiếc kèn bạc sáng lóe. Thiện gật gù gõ trống. Tiếng nhạc khí quyện tiếng hát rộn lên một thứ tiếng nói của bắp thịt. Từng cặp người nhảy diễn qua mặt Phúc như hình bóng trong một chiếc đèn kéo quân. Thiện nheo mắt ra hiệu cho Phúc. Vừa đánh đàn Phúc vừa gật đầu mấp cười trả lời vì Phúc hiểu rằng Thiện nháy mắt là có ý nhạc Phúc tham dự. Anh em trong nghề thường trách Phúc có thái độ kênh kiệu mặc dầu họ rất mến tài Phúc.

Vào nghề đã lâu rồi mà Phúc luôn luôn vẫn cảm thấy rằng mình chỉ là kẻ đứng ngoài là cuộc sống mỗi đêm ở tiệm khiêu vũ. Có những người muốn Phúc làm đã phải nói thẳng với Phúc rằng đây là nơi làm ăn, khách hàng không ưa thích ngó một bộ mặt nghiêm nghị khắc khổ của nhạc sĩ. Cần phải khiến cho họ

thấy mình đang say đắm và muốn lồi cuốn họ cũng say đắm. Phúc không phản đối gì quan điểm ấy, có điều Phúc không thể gượng gạo “đóng kịch” và tự hỏi tại sao mình lại như vậy nhất là không có gì bó buộc Phúc phải trở lại làm nghề đánh đàn thuê. Trái lại chính Phúc đã chọn nó — trong khi Phúc có đủ điều kiện để chọn nhiều nghề khác — để có nhiều tự do. Tiếng âm nhạc dứt. Đám người vừa kh-iêu vũ tản mát ra ngồi các dãy bàn bốn phía. Trong một giây lát sàn nhảy trống. Đèn bật sáng tiếng nói rì rào. Thỉnh thoảng có tiếng cười lớn. Thời gian lúc này như ngưng đọng.

* * *

Lần đầu Phúc vào nghề cách đây chừng bảy năm. Phúc ở hậu phương hồi cư, về Hà Nội. Việc đầu tiên là phải ghi tên vào trường Đại học theo học trường Luật để đền bù lại sự chậm trễ hàng năm năm, tuy chưa biết rằng nếu học xong sẽ làm gì. Nhưng việc thứ hai

khó khăn hơn là phải tìm cách sống để đi học. Phúc chán ngấy cái nghề làm gia sư mà Phúc thường gọi mĩa mai là làm “gia súc”. Phúc cũng không muốn làm công chức vì dù sao cũng vẫn chưa gột hết mặc cảm tội lỗi của những người kháng chiến trở về thành.

Một buổi chiều Phúc đi lang thang bờ hồ bỗng gặp Khải, người bạn thân học cùng lớp nhưng bỏ ngang theo nghề đánh đàn.

Gió lành lạnh, mặt hồ xanh ngát. Hai người ngồi trên ghế đá. Khải cho Phúc biết vừa nhận thành lập một ban nhạc khiêu vũ và rủ Phúc cùng làm. Sự thật chưa bao giờ Phúc nảy ra ý nghĩ sẽ đi đánh đàn thuê; Phúc rất ham thích âm nhạc và có khiếu về các loại đàn dây. Nhưng Phúc chỉ mới là người được xếp vào loại tài tử. Phúc còn nhớ thừa nhỏ vì mê nghe đàn, đứng thập thò ngoài cửa một tiệm khiêu vũ, không may Thầy Phúc bắt gặp. Thế là về nhà. Phúc bị một trận đòn thâm tím

cả người và bị mắng chửi tàn tệ. Chính Phúc cũng không hiểu vì sao mình bị đánh mắng. Hình như Thầy Phúc có nói những câu: “Mới rút mắt ra mà đã hư” và “đàng điểm, trụy lạc” v. v... Phúc không nhớ hết, nhưng Phúc vẫn tin chắc là Phúc vô tội vì lúc đó Phúc chỉ nghĩ tới âm nhạc. Bây giờ Thầy Phúc không còn nữa và Phúc cũng đã khôn lớn, không có ai ngăn cấm. Tuy vậy lời đề nghị của Khải cũng khiến cho Phúc phân vân. Nhưng kết cục Phúc nhận lời.

Khải đưa Phúc đến một tiệm may ở Phố Huế, may cho Phúc một chiếc áo sa tanh đỏ, lại có thêm cả một chiếc khăn quàng màu xanh nhạt. Đêm khai mạc, Phúc bắt đầu nghề nhạc sĩ với “đồng phục” ấy. Trong thâm tâm, Phúc ngượng ngượng vì chắc là mình trông rất hài hước. Phúc có cái vẻ dẹt dẹt của một người vừa bước chân vào một thế giới xa lạ, vì là lần đầu Phúc lui tới tiệm khiêu vũ. Còn Khải thì khác hẳn. Chỉ trông đáng điệu. Khải

đeo chiếc phong cầm là đủ thấy cốt cách lão luyện của tay nhà nghề. Ban nhạc gồm có sáu người, Phúc đánh contrebasse và thỉnh thoảng độc tấu guitare.

Càng về khuya khách vào nhảy càng đông, phần lớn là quân nhân thuộc quân đội viễn chinh Pháp. Họ đủ loại binh chủng. Có người còn mặc nguyên cả bộ quân áo trận lấm bùn và đeo súng lục bên hông. Nhưng bên quầy rượu họ thật hiền từ. Nhiều người đổ sâm-banh vào mũ sắt rồi quây quần hát và mức uống. Phúc thấy trong lòng phảng phất một chút gì bị tổn thương khi nghĩ rằng Phúc phải mưu sinh bằng thực tại này. Mỗi ngày nào, còn đang chĩa súng vào nhau và Phúc kiêu hãnh làm một chiến sĩ . . .

Đối diện Phúc vũ nữ ngồi dài một dãy ghế chạy theo bề rộng phòng nhảy. Họ mặc các kiểu áo Tây phương, Trung hoa, Việt nam. Cười nói huyền thuyên môi đỏ chói.

Nhạc vừa hết một bản. Khải đứng bên một thiếu nữ, gọi Phúc và đưa một bản nhạc:

– Đệm piano hộ bài này cho Kim Linh hát.

Phúc mở bản nhạc: “Les feuilles mortes” và ngồi xuống trước đàn. Phúc thoáng nghe thấy thiếu nữ ấy hỏi Khải:

– Sao anh Đường lại không đánh đàn? Em chịu thôi, không hát với người lạ đâu.

Tiếng Khải:

– Cứ yên chí. Mới, nhưng tay cừ đấy.

Phúc hơi bực mình, có lẽ vì chạm lòng tự ái. Nhưng Phúc trấn tĩnh ngay, đặt tay xuống đàn, kết mấy hợp âm liên tiếp và dạo nhạc. Đàn vang lên lạnh lạnh. Một vài cặp đưa nhau ra sàn nhảy và nắm tay nhau. Tiếng trống jazz thì thầm nấp sau tiếng đàn. Ánh sáng vừa bớt thì tiếng hát bắt đầu. Với Phúc âm điệu bản

nhạc rất quen thuộc nhưng chính cái giọng hát của Kim Linh đem lại cho bản nhạc một bản sắc đặc biệt. Căn phòng như phút chốc được lấp đầy bằng những u uẩn. Lại còn thêm tiếng kèn trompette e-dè đi những bước thật chậm có lúc vang lên nức nở. Bản nhạc chấm dứt như một chiếc lá rơi. Khi Phúc trở về chỗ Kim Linh còn đứng với Khải. Phúc đứng khen Kim Linh, nàng vui sướng cảm ơn. Phúc thấy có thiện cảm với Kim Linh, giọng hát của nàng hay có lẽ sự hiện diện của nàng lúc này khiến Phúc đỡ cô đơn trong đám đông người ấy.

* * *

Đêm nhảy đã tan. Mọi người trong ban nhạc đã về. Riêng Khải và Phúc còn ở nán lại mấy phút thu dọn các bản nhạc. Một người khách cuối cùng say như, ly rượu còn dở, đang nói chuyện với cô thu ngân.

Đã hơn 12 giờ khuya. Phúc bắt tay từ giã Khải khi hai người ra khỏi cửa tiệm khiêu vũ.

Phúc nhảy lên xe đạp về ngã Hàng Dẫy để về phố Hàng Bột. Gió đêm lạnh buốt, Phúc quấn thêm một vòng khăn quàng cho ấm cổ. Nhà hai bên phố cửa đã đóng kín. Trên vỉa hè thỉnh thoảng lại có một hàng cà phê hay phở gánh khói um. Người ta ngồi đứng xung quanh. Khách đêm này chỉ có vũ nữ, phu xích lô đạp và các nhạc sĩ, ca sĩ. Họ là những người thức khuya nhất của thành phố.

Con đường nhựa nằm bất động. Một vài chiếc xe xích lô đạp hết tốc lực trên chỗ lính Tây ôm đàn bà Việt Nam, cười ngật ngèo, mùi nước hoa bay vương. Bộ mặt đêm Hà Nội buồn rười. Phúc cầm đầu đạp xe rẽ vòng Quốc Tử Giám. Đằng xa, bên vệ đường một quân nhân ngoại quốc đang ngăn một chiếc xe xích lô và lôi một thiếu nữ ngồi trên xuống đường. Người thiếu nữ kháng cự kịch liệt mồm kêu cứu. Nhưng quân nhân ấy một tay đẩy anh phu xích lô ngã còng queo dưới đường, một tay ôm ngang lưng người thiếu nữ dẩy dụa kéo đi vào

phía cổng Văn miếu. Phúc vừa tới nơi. Nghe tiếng kêu rất quen, nhìn kỹ thì người thiếu nữ kia chính là Kim Linh. Trong trí tưởng tượng của Phúc bỗng sống lại những hình ảnh của những vụ hãm hiếp thường xảy ra hàng ngày khắp các làng xóm có hành quân. Dưới mắt Phúc, lúc đó Kim Linh chỉ là một người đàn bà Việt Nam, dù Phúc vừa biết người đàn bà ấy lần đầu tiên mà lại ở một tiệm khiêu vũ. Phúc không kịp tính toán, cân nhắc sức vóc mình với ngoại nhân. Sẵn chiếc guilare trong tay Phúc cầm giáng mạnh xuống đầu tên này và hy vọng nếu không kết thúc ít nhất cũng khiến hắn phải buông tha Kim Linh. Nhưng bỗng Phúc nhận được mấy trái đấm vào mặt vào ngực và vào bụng. Miệng Phúc có nước gì mặn mặn nóng trào ra. Có lẽ là máu. Phúc chỉ còn kịp liên tưởng tới việc mình sẽ phải vào bệnh viện. Thế rồi Phúc ngã vật xuống bãi cỏ và không còn biết gì nữa.

Buổi diễn giảng về dân luật vừa kết thúc. Các sinh viên vỗ tay rào rào. Người giáo sư rời khỏi diễn đàn qua cửa ngách đi vào hành lang. Phúc nổi đuôi các bạn rời giảng đường ra sân. Một tiếng gọi làm Phúc giật mình:

– Anh Phúc.

Kim Linh chờ Phúc từ lúc nào. Ngạc nhiên vì cuộc viếng thăm bất ngờ này nhưng Phúc cũng niềm nở mỉm cười chào Kim Linh:

– Kia, cô đến từ bao giờ đó. Chờ tôi có lâu không?

Không đợi Kim Linh trả lời, Phúc cùng với Kim Linh rảo bước. Dưới chân tiếng sỏi lạo sạo. Phúc nghe đằng sau lưng có những tiếng xì xào bàn tán về Kim Linh và chàng. Nhưng Phúc tảng lờ như không biết và ra vẻ rất thân mật với Kim Linh để nàng khỏi ngượng với sinh viên. Hai người sánh vai bước xuống bậc thềm. Đằng sau, nóc trường Đại Học cao vút

hắn lên, nguy nga giữa rừng cây.

– Tại sao tôi lại có hân hạnh được cô thăm thế này?

Phúc phá vỡ sự im lặng vừa lâu chừng mấy phút.

– Em muốn tìm anh để cảm ơn anh và nhất là để hỏi thăm về sức khỏe của anh. Em không biết nhà, anh Khải bảo em vào giờ này cứ ra trường Luật đón thế nào cũng gặp. Em đến có làm phiền gì anh không?

Hai người cùng băng qua đường. Phúc dừng lại bên đường chờ Kim Linh. Nàng đến gần Phúc. Gặp đôi mắt Kim Linh, tự nhiên Phúc thấy bối rối. Từ mái tóc cho đến dáng người, tiếng nói của Kim Linh đối với Phúc đều có một sức quyến rũ. Phúc cảm thấy Kim Linh đẹp và sung sướng có một người đẹp ở bên mình. Kim Linh chắc cũng nhận thấy Phúc đang ngắm mình. Nàng cười.

– Cô cẩn thận quá. Cô đừng bận tâm. Tôi khỏe lắm rồi, chứng cứ là cô thấy tôi đã đi học ...

– Nhưng anh chưa đi làm. Kim Linh vội ngắt lời. Thật em nghĩ hối hận quá! Hôm nọ chưa được biết anh, thấy anh đánh đàn em lại trách anh Khải. Chút nữa em không hát đấy. Nhưng sau mới biết anh đánh đàn hay lắm và cứ ước ao được hát với tiếng đàn của anh.

Phúc chuyển câu chuyện sang hướng khác:

– Nhà cô ở đâu để tôi đưa cô về

Kim Linh tươi hân lên:

– Em đang có ý định mời anh về nhà chơi để Mẹ em được gặp anh. Bà cụ nghe kể chuyện cứ bắt em phải dẫn đến nhà anh, nhưng em lại không biết chỗ anh ở. Nhà em trước ở ngõ Văn Hương, vừa mới dọn xuống Kim Liên được mấy hôm nay.

– Nếu thế thì tiện lắm. Chúng ta đi thẳng con đường này rồi về Kim Liên, nhưng phải chờ gọi xe chứ.

– Thôi đi bộ cho vui anh ạ.

Mấy tiếng sau cùng Kim Linh nói bằng một giọng cầu khẩn. Nghe giọng nói ấy Phúc linh cảm thấy người đàn bà này cố che giấu một sự thực mà sự thực ấy chỉ có thể là một đau khổ. Quãng đường đi chung sẽ dài hàng mấy cây số. Phúc và Kim Linh sánh bước như quen nhau đã từ lâu. Sự thân mật đến với họ rất mau chóng và tự nhiên. Phúc mở đầu:

– Cô đi hát như vậy đã lâu?

– Em đi hát đã hơn một năm nay. Một lần cách đây chừng hai năm, một buổi tối nhà em và em vào một tiệm nhẩy. Nhà em quen anh Khải nên bảo em lên máy phóng thanh hát vì thường ngày nhà em vẫn nghe em hát chơi ở nhà. Khi nhà em nói rằng em có thể trở thành

ca sĩ em không tin. Mãi tới bữa gặp anh Khải em mới thấy hy vọng. Anh Khải khuyến khích em đi hát và chính anh Khải đã dìu dắt em trong những bước đầu.

– Thế ra cô đã lập gia đình rồi. Ông nhà ta...

Phúc chưa nói hết câu, Kim Linh đã trả lời:

– Ở bên Pháp và cũng chưa biết ngày nào mới trở lại.

Mắt Kim Linh chớp mau. Nhưng Kim Linh đã quay sang hỏi Phúc:

– Em vẫn thắc mắc không hiểu vì sao anh lại phải đi đánh đàn Anh có bằng cấp, xin đâu mà chẳng được việc làm khá. Tội gì thức khuya cho hại sức khỏe.

Phúc kiểm ngay câu trả lời rất giản tiện:

– Tại vì tôi yêu âm nhạc.

Kim Linh tỏ vẻ đồng tình:

– Em cũng vậy. Thân gái mà đi làm nghề này nhiều lúc cực lắm. Nhưng sung sướng nhất là những lúc giọng hát của mình được nhiều người chú ý nghe. Chỉ một điều ấy cũng đủ làm em quên hết mọi phiền phức khác.

Một tiếng còi xe hơi khiến Phúc và Kim Linh ngừng bước. Kim Linh lại tiếp tục:

– Trường Đại Học đẹp quá anh nhỉ. Học ở đó chắc vui lắm. Thầy em khi còn sống vẫn nói với em rằng sẽ cho em đi học tới khi vào trường Đại Học. Bây giờ thì việc ấy chẳng bao giờ thành nữa.

– Cụ nhà ta mất hồi nào?

– Em vừa đoạn tang thầy em được mấy tháng nay.

Hà Nội vừa lên đèn. Con đường Hàng Cỏ vắng lặng. Một người xích lô hãm xe lại mời hai người nhưng Kim Linh lắc đầu. Họ sắp tới đường Hàng Lọng. Từ đằng xa một đoàn xe nhà binh chạy tới rầm rầm. Mặt đường rung chuyển dưới bánh xe. Những khẩu đại liên nòng đen ngòm chìa ra nhiều phía. Một người lính lê dương thò đầu ra khỏi xe huýt sáo vẫy Kim Linh rồi cười thô bỉ. Phúc và Kim Linh ở trên vỉa hè. Phúc ghé tai Kim Linh cho tiếng nói không bị tiếng rít của đoàn xe che lấp:

– Một người bạn tôi bảo rằng có hai thứ có thể làm hỏng được đời người: là chiến tranh và đàn bà. Cô nghĩ thế nào?

Kim Linh dí dỏm:

– Chiến tranh thì chắc rồi, còn đàn bà thì không chắc đâu. Chả lẽ anh lại bảo rằng em cũng giống những chiếc xe đang chạy kia hay sao?

Cả hai cùng cười. Dây phố đã được trả lại yên tĩnh sau khi đoàn xe đã khuất sau một đám bụi. Kim Linh chỉ cho Phúc mặt đồng hồ Ga Hàng Cỏ.

– Gần bảy giờ rồi kia. Có lẽ phải mau lên mới kịp giờ đi làm.

Rồi họ cùng rảo bước. Chuyển tàu điện Kim Liên lướt tới tiếng chuông leng keng, đằng sau treo đầy quang gánh của những bà đi chợ về. Kim Linh rủ Phúc lên tàu điện, đi nốt một quãng đường nữa cho đỡ mệt. Rồi họ xuống và rẽ vào một ngõ hẻm.

– A, maman đã về.

Đứa nhỏ reo lên trước thêm một căn nhà nhỏ của sơn màu xanh.

Kim Linh cái xuống hôn con và nói:

– Con chào ông đi.

Con bé kháu khỉnh chìa tay cho Phúc:

– Bonjour ông.

Phúc bế nó, theo Kim Linh vào nhà. Có tiếng từ phòng trong vọng ra:

– Con đã về đấy à, gớm cả hai đứa cứ khóc mãi, mẹ chờ không được phải cho con bé ăn sữa đây.

Kim Linh vừa kéo ghế mới Phúc ngồi vừa trả lời:

– Có anh Phúc lại chơi Mẹ ạ. Mẹ để đấy, con vào ngay.

Bà cụ mẹ Kim Linh ra chào Phúc:

– Chào ông ạ! Thật là phúc đức quá, nghe cháu kể chuyện tôi cứ bắt cháu đi tìm nhà ông để tới cảm ơn ông nhưng cháu nó lại không biết. Còn tôi thì thật là mù tịt không biết đường

nào với đường nào. Vả lại xe nhà binh nó chạy hoa cả mắt ông ạ. Mời ông ngồi chơi.

– Mẹ tiếp anh Phúc hộ con nhé! Để con làm cơm mời anh Phúc xơi nhân thể.

Phúc định từ chối nhưng lại thôi. Bà cụ đặt tách nước trước mặt Phúc, giọng run run:

– Mời ông xơi nước. Nhà tôi thật vô phúc quá ông ạ. Không biết có phải là tiền oan nghiệp chướng hay không mà ba năm trước cả gia đình tôi bị Tây bắt ở Đông Triều, trong một cuộc hành quân. Hồi ấy ông nhà tôi còn sống. Một thằng Tây nó lôi con bé Linh đi, ông nhà tôi mắng nó thế là nó quay súng lại bắn ngay vào ngực ông nhà tôi chết liền. Bà cụ nghẹn ngào:

– Đã hết khổ đau ông. Con Linh lại còn phải nuôi đứa bé con nữa chứ. Gia đình tôi xưa kia cũng không đến nỗi nào. Con Linh từ ngày về Hà Nội đành phải lấy một người

Quan Hai nhưng chồng nó lại về Pháp, thành thử lại thêm một đứa con nữa.

Phúc bắt đầu hiểu tại sao giọng hát của Kim Linh lại buồn. Kim Linh dưới bếp vừa chạy lên dọn bàn. Nhìn mắt mẹ đỏ hoe Kim Linh đoán biết câu chuyện vừa được kể. Nàng nói với Phúc qua một giọng đượm buồn:

– Mẹ em già cả thành lẩn thẩn lắm anh ạ. Cả ngày cụ chỉ khóc. Thôi để mới anh xơi cơm. Ăn cơm xoàng ấy mà. Anh đã định đi làm chùa, các anh ấy mong anh lắm đấy. Hay là chờ em cùng đi một thể cho vui.

Một lần thứ hai, Phúc được nghe lại hai tiếng “cho vui”. Phúc có cảm tưởng rằng sự có mặt của mình trong căn nhà này có lẽ không đến nỗi thừa. Đứa nhỏ đứng tựa cửa phòng nhìn Phúc không chớp mắt, những con mắt rất trong và vô tội.

Phúc đi làm vừa về tới nhà thì chị Phúc hỏi ngay:

– Thế nào, em lại đi làm à?

– Vâng!

– Chị thật không hiểu em định liệu về tương lai em ra sao.

Phúc thường tránh sự tranh luận với chị mình.

– Em có biết rằng em làm như vậy là tui vọng linh Thầy không? Nhà ta từ xưa đến nay có ai phải làm cái nghề ấy. Các cô các chú sẽ nghĩ thế nào nếu biết em đi đánh đàn thuê ở tiệm nhẩy?

Phúc không muốn nhường chị nữa:

– Chị nhắc tới Thầy nhưng không hiểu Thầy. Xưa kia Thầy có ý định cho em học hành

để sau này trở thành những người có địa vị, nhưng không bao giờ Thầy muốn em chỉ là một tên nô lệ giá áo túi cơm, dù bất cứ dưới hình thức nào. Nếu Thầy còn sống, chắc em cũng được sự đồng ý của Thầy.

Chị của Phúc kể lể:

– Chị tưởng tìm em là để xem tình hình em làm ăn ra sao, rồi về quê thu xếp đón thằng Thiện và con Loan hồi cư đi học. Nếu biết em trái tính như thế này thì chị cũng chẳng ra làm gì. Nay mai rồi chị cũng về và cũng chẳng cho chúng nó ra nữa. Thà là sống rau cháo với Mẹ ở nhà quê còn hơn.

Phúc cần tiến lên một bước:

– Chị có thể cho nghề của em làm là xấu. Nhưng thà em chọn nó còn hơn là phải đem bán rẻ nhân cách mình để đổi lấy chút ít danh lợi. Các em ở nhà quê hãy còn nhỏ. Em sẽ không từ nan nếu phải lo cho chúng ăn học.

Chị đừng bắt chúng nó phải theo định kiến của chị. Hãy để chúng khôn lớn rồi chúng lựa chọn và chịu lấy trách nhiệm về hành động của chúng.

Chị Phúc không trả lời, nhưng Phúc biết chắc chị mình sẽ không thay đổi ý kiến.

Cuối năm 1954. Cuộc sống của Phúc không có gì thay đổi ngoài việc Phúc đã đậu được hai chứng chỉ Luật khoa. Nhưng cuộc sống ở Hà nội đang rung chuyển, sau những năm bị ứ đọng vì chiến tranh. Hiệp định Genève ra đời như một trái bom phá vỡ cái vỏ sống ấy. Người ta xoay quanh vấn đề ở lại Hà Nội hay di cư vào Nam.

Sự quyết định đã đến với Phúc từ lâu nhưng mãi tới đêm đi làm cuối cùng của mình Phúc mới bàn với Kim Linh:

– Chúng ta sẽ vào Nam. Em phải bám lấy

cơ hội này mà thay đổi số phận. Anh cũng sẽ không phải làm nghề này nữa đâu. Chúng ta sẽ xóa nhòa dĩ vãng bằng một tương lai tươi đẹp.

Kim Linh buồn rầu:

– Đó là điều em mong ước nhưng có lẽ không bao giờ thành sự thật. Mẹ em chỉ muốn được trở về quê. Mấy năm đi làm để dành được ít tiền em đã mua cho cụ ít ruộng. Sáng mai, em xuôi chuyến tàu sớm để đi bốc mộ cho Thầy em.

– Nhưng em có chắc rằng Mẹ em được sống yên ổn với những mảnh đất ấy không. Và các con em sau này nó sẽ ra sao?

– Lúc này em không chắc chắn một thứ gì cả. Nhưng em không thể đưa Mẹ em dự vào một cuộc phiêu lưu nào nữa. Bà cụ già rồi, chỉ được muốn ở gần ngôi mộ của Thầy em mà

thôi. Còn các con em thì em cũng đã thu xếp để cho chúng nó về Pháp. Sau đó em sẽ nghĩ tới việc em.

Không hiểu sao Phúc thấy gió đêm lạnh quá. Kim Linh đi sát người Phúc và hỏi một câu bâng quơ:

– Có bao giờ anh nghĩ rằng anh và em sẽ không còn được gặp nhau nữa không? Em thì em tin rằng thế nào em cũng còn gặp anh.

– Anh vẫn nghĩ rằng có một ngày anh có thể nghe em hát ở Hí viện một nước độc lập, và chắc chắn là bên em sẽ có anh. Nhưng ngày ấy không tự nhiên đến, em cần phải đi, chúng ta cần phải làm một việc gì.

– Anh hiểu cho em. Dù thế nào cũng không thể bỏ Mẹ em một mình. Riêng em được sống với niềm tin tưởng rằng nhờ có anh một ngày kia em sẽ có được tất cả những điều mơ ước, em có thể chịu đựng hết.

Và cho đến khi tới nhà Kim Linh, hai người không nói gì thêm nữa. Trở về, Phúc quên hết trong một giấc ngủ mệt nhọc. Phúc giật mình thức dậy khi trong đêm vắng một hồi còi xe lửa vang tới. Trên chuyến tàu ấy Phúc chắc có Kim Linh. Dư âm tiếng còi làm cho Phúc thấy như vừa mất đi một thứ gì vào hư vô.

* * *

Đêm càng khuya theo tiếng kèn Saxo rời rạc và mệt mỏi của Phát. Phúc bật dây đại hồ cầm không cảm giác. Bản nhạc cuối cùng sắp hết để buổi nhảy tan. Bên ngoài trời mưa lớn.

Có tiếng gọi Phúc từ sàn nhảy:

– Lát nữa anh Phúc chờ em về với nhé!

Phúc sẽ nhích đôi lông mày để trả lời cho xong chuyện vì Phúc đã dự định sẵn chốc nữa mình sẽ đi đâu.

Mọi người từ trong tiệm nhẩy kéo ủa ra ngoài. Họ còn đứng trú mưa dưới mái hiên. Tiếng xe hơi rồ từ nhiều phía và cửa xe đập mạnh.

Phát vỗ vai Phúc:

– Đi một tua Chợ Lớn đã. Lên xe đi.

Đó là thường lệ. Mỗi khi đánh đàn xong Phúc và Phát còn vào Chợ Lớn đến một tiệm khiêu vũ khác uống rượu. Để khi trở về trong đêm thật khuya có thể khám phá sự vật qua một màu sắc khác lúc thường, nhờ sức rượu và lãng quên. Đêm nay Phúc không theo thói quen ấy vì muốn nhớ thật rõ mọi việc và nhìn thật rõ mọi vật. Phúc không muốn lẫn trốn vào một thứ bản ngã giả tạo. Phúc đi bộ dưới cơn mưa như trút. Gió tạt nước đầy mặt thấm cả mấy lần áo. Nhưng Phúc vẫn rảo bước. Lúc này mưa đối với Phúc như là cả sự thật tràn đầy. Bên tai Phúc như có tiếng của Kim Linh vang lại từ một thế giới khác: « Mẹ em đã chết

và cũng không còn một khoảng đất ruộng nhà nữa để mà chôn. Em không bao giờ hết tin tưởng được gặp anh và được hát ở Hí viện ».

Tiếng nói ấy cũng thâm thúy như tiếng nói của chị Phúc: « Em sẽ không bao giờ gặp được Mẹ ».

Phúc liên tưởng tới Hải lúc này còn tại ngũ đã tình nguyện xin đi Bến Hải, đến Hiền, Quý v. v... còn nằm trong khám đường hay ở các trại huấn chỉnh.

Phúc nhìn rõ lòng mình: cần một ý nghĩa để gắn liền vào đời sống của mình dù đời sống đó hiện là tự do. Như những người đã chết. Mưa càng lớn. Phúc tưởng như đang nghe những lời nguyện rửa phẫn bội.

TRẦN THANH HIỆP

QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ

MAI THẢO

THỜI đại chúng ta là thời đại con người vươn tới những sắc cảm, những tư tưởng phóng lớn. Chúng ta chối từ cái nhỏ chật, thù ghét cái vụn vặt, phá bỏ những kích thước cũ. Đi những bước đi bầy dậm. Và đi trên những con đường chân trời. Hình ảnh con người những thế kỷ xa xưa cúi đầu buồn phiền dưới bóng một hoàng thành, sống tối tăm cô đơn trên một khoảng vườn đất cách biệt, nhỏ bé, run rẩy trước thiên nhiên thần thánh, nhường chỗ cho con người mang trên tay những quyền lực vạn năng, đứng vĩ đại giữa những đại lộ những ngã tư thế giới, đòi

hỏi được giải quyết những vấn đề của toàn thể vì ý thức thân phận số mệnh mình gắn liền vào thân phận số mệnh toàn thể. Chung cái sống, chung cái chết. Chung một tương lai.

Tiếng chuông vàng của một kỷ nguyên mới đã gióng lên. Chuyển đi của những hành tinh nhân tạo trên những ngã đường không gian bát ngát, những cửa ngõ thú nhất mở vào cái hư vô của những thượng tầng vũ trụ vừa cởi bỏ khỏi tiềm thức chúng ta những giới hạn cuối cùng. Trái đất nhỏ chật lại. Tâm hồn người muốn lớn rộng như ý thức, như tư tưởng, như những phát minh những khám phá khoa học, như vũ trụ. Sự xao động lớn lao chưa từng thấy trong lịch sử loài người cũng là sự xao động lớn lao chưa từng thấy trong nội giới mỗi con người thế kỷ chúng ta, buổi sáng hôm nay thức dậy, không chỉ thấy mình đứng trong một góc phố, một đầu ngõ, dưới một mái nhà, một cổng làng, mà qua những chùm cây, những hàng mái, những bờ tường

còn là cái kiến trúc toàn thể của một thế giới ở gần, cái thế giới chúng ta định đoạt được cho nó là một thiên đường hay một địa ngục, xây dựng nó lộng lẫy nguy nga, hay phá hủy cho thành cát bụi. Buổi sáng nghe thấy tiếng chim kêu trên đầu mái nhà và nghe thấy tiếng sống trầm trầm của nhân loại cũng gần cũng rõ như tiếng chim kêu.

Chiếc áo mới may với những kích thước dài rộng như biển như trời, chúng ta mặc vào, tự thối mình bay lên, chúng ta đi vào một hội đời bát ngát hơn xưa, nhìn thấy những cái chưa từng nhìn, biết những cái chưa từng biết, làm chủ những công trình sáng tạo thuở nào là quyền lực riêng của Thượng đế, và nhìn trở lại mình, chúng ta tự hỏi: con người, tình cảm chúng ta có vì thế mà thay đổi? Những giá trị bây giờ đã thay thế cho những giá trị hôm xưa, mỗi sự kiện đều như kêu gào một định nghĩa mới, mỗi ý niệm đều như chứa đựng một ý nghĩa khác, chúng ta có còn trong lòng chúng

ta cái ý niệm ngày trước về quê hương?

Bởi vì tư tưởng đi xa tới đâu tình cảm lại mở những cửa ngõ tâm hồn tới đó. Biến cố lịch sử đẩy người dân Hung đi tìm một chỗ dừng chân một mái nhà ấm trên những ngã đường Châu Âu, đất nước chia cách để hàng trăm ngàn người Hà Nội chúng ta thương xuống những khu phố, những nếp sống, những con người Sài Gòn, thì đâu là nhà riêng đâu là quán trọ? Những chiến tuyến tư tưởng vượt khỏi những biên thù quốc gia kéo dài từ đầu đảng này đến đầu đảng kia trái đất, tạo nên những người khác biệt xứ sở, khác biệt lịch sử thành những người bạn đường, những đồng chí, thì những ràng buộc có còn nằm trong một dòng máu, một dòng họ? Tâm hồn con người thời đại hôm nay đã vươn tới đã bắt gặp những đỉnh tình cảm mới, đã dựng vừa bằng nhân loại bên trong, thì đâu là giới hạn? Nỗi xót thương gửi đến một người dân Triều Tiên ở miền Bắc vĩ tuyến 38 cũng là nỗi xót

thương chúng ta gửi về cho những người thân yêu còn ở lại trong lòng năm cửa ô Hà Nội, chỉ trông thấy trên màn ảnh cái cảnh một bà mẹ Hung gia Lợi, khuôn mặt hiền hậu, chan hòa đau đớn trước nấm mộ dựng giữa một cảnh tượng phố phường phá hủy của đứa con vừa ngã xuống, cũng khiến chúng ta xúc cảm đau đớn như khi tưởng nhớ đến những người mẹ người chị khăn xô trùm đầu còn ở bên kia với kỷ niệm những người đã chết, thì đâu là biên giới cho tâm hồn người đứng lại, thì đâu là đất khách quê người, thì đâu là quê hương? Và có phải quê hương chỉ là một vấn đề địa điểm, diện tích?

Con người đi tới một quan niệm mới: chỗ nào có tự do quê hương ở đó. Có đúng như vậy không? Sài Gòn hôm nay có thay được cho tôi Hà Nội? Paris có là Budapest cho người dân Hung đã sống đã ở đã yêu mến Paris? Người sinh viên Đức đặt chân xuống Sài Gòn hôm nào, khi tuyển bố: không khí tự do ở đâu cũng

là một, có tìm thấy sự hòa hợp với Sài Gòn như với Berlin? Hàng triệu con người hôm nay còn lang thang trên những ngã đường thế giới, tình cảm và tư tưởng họ có phóng lớn, có dài rộng như con đường họ đi, để có thể coi cả trái đất còn đau đớn quần quai này là quê hương, hay chỉ là hàng triệu cái cây mất rễ, hàng triệu dòng nước mất nguồn, hàng triệu đứa con mất mẹ, mà những ngày tháng còn lại chỉ là sự kéo dài cuộc sống héo hon?

Nếu quê hương được định nghĩa như sự kết thành với những ràng buộc dĩ vãng thì tình cảm và ý niệm chỉ là một vấn đề thời gian và tháng ngày? Sinh hoạt và trạng thái thời đại đã đẻ ra những quan niệm mới. Tình bằng hữu huynh đệ, quan niệm bốn bể năm châu một nhà, cái ý thức đại đồng của một nhân loại ngày mai đang san phẳng những hàng rào dây thép gai, đập đổ những biên giới, hiện tượng sinh hoạt mới của thế kỷ trong sự tổ chức nhiều quốc gia thành một tập thể cộng

đồng, cái cao đẹp của người lính tình nguyện chết dưới lá cờ chiến đấu cho một xứ sở xa cách quê hương y hàng ngàn cây số, sự thực hiện một lý tưởng đẩy những người chưa từng gặp nhau, không từng một lần xiết tay, khác biệt từ ngôn ngữ từ tập quán, thành những kẻ cùng sống chết dưới một bóng cờ, thì quê hương trong ý thức và tư tưởng của con người thời đại, chỗ nào là giới hạn? Quê hương có là một bóng cờ?

* * *

Tôi tự đặt cho tôi những câu hỏi này mỗi khi tưởng nhớ về thành phố yêu dấu, tôi vẫn muốn coi như quê hương duy nhất của tôi là Hà Nội. Vì sao? Vì cái lòng nhớ thương Hà Nội của tôi vẫn còn, nỗi mến yêu vẫn sâu nặng, Hà Nội trong trí nhớ vẫn hiện lên bằng những hình ảnh ấn tượng đậm thắm, nhưng tưởng chừng như cái lối nhớ thương đã đổi khác ở một điểm nào. Nó không giản dị, nó không như trước nữa.

Cách đây bốn năm, đặt bước chân đầu tiên của người tỵ nạn xuống phi trường Tân Sơn Nhứt, tâm hồn thể xác quắt héo lại như một thân cây đứt rễ, cội lòng thì là các bể đựng đầy nước mắt Hà Nội và tôi chỉ muốn về rõ những xót thương ấy xuống phố phường Hà Nội. Mỗi tình cảm là một Hà Nội. Mỗi ý nghĩ là một Hà Nội. Mỗi phút giây là mỗi phút giây Hà Nội. Mỗi bước đi là đi vào cái Hà Nội vô hình nhưng phủ kín và đè nặng xuống. Hà Nội ngự trị trọn vẹn trong tôi. Hết thấy đều là Hà Nội. Hơi thở, không khí, âm thanh và sắc màu, nhịp tim đập vào nhịp máu chảy. Và bởi vì Hà Nội ở xa, tâm sự tỵ nạn là tâm sự của một người đã chết. Tôi nhớ tất cả, nhớ từ ngọn cỏ đường nhớ đi. Cái gốc cây phượng vĩ nghiêng xuống mặt đường Quan Thánh chỗ xế chùa Trấn Quốc, tiếng chuông tàu điện leng keng qua vườn hoa Hàng Đậu, giọt mưa thu đầu mùa bay nghiêng trên ngã tư Hàng Quạt; ánh lửa hàng rong chập chờn dưới vòm cửa Ô Quan Chưởng, cái ngõ Gia Ngư nhiều kỷ

niệm, khu xóm Hạ Hồi nhiều yên tĩnh, màn sương trắng đục từ Giá Nứa chiều chiều phủ kín chân cầu Long Biên, cái mặt đồng hồ lớn trên nóc ga Hàng Cỏ. Tôi tưởng tôi đứng ở Gia Lâm nhìn sang Hà Nội. Những mái nhà chập chùng. Tôi tưởng tôi đứng từ Yên Phụ nhìn xuống, Hà Nội khởi đầu bằng những cây xanh. Từ Văn Điển nhìn lên, Hà Nội sáng dần bằng những ánh lửa Kim Liên. Từ Cầu Giấy nhìn về, Hà Nội mang theo cái không khí làng xóm Ngọc Hà.

Tôi nhớ, tôi nhớ. Thành phố quê hương đứng bàn thạch trong trí nhớ bén nhọn, đau xót cái hình ảnh huyền hoặc thần thánh. Mỗi hình ảnh gọi lên chỉ chạm nhẹ vào hồn đã là một mũi dao một vết thương. Hồn tôi nức nở xuôi dòng cuốn về Hà Nội. Nhìn đâu cũng là nhìn Hà Nội. Chỉ nguyên hai chữ Hà Nội đọc lên đã nghe như một bản nhạc buồn. Và Hà Nội không nhìn thấy thì không nhìn gì nữa. Và Hà Nội đã ở xa thì mang cái tâm trạng đi

đây. Và Hà Nội mất rồi thì mình cũng mất.

Tình cảm chỉ là những cái não nuột óng chuốt của những sợi chỉ lụa thương nhớ. Ban đêm tôi đi khỏi Sài Gòn, dọc theo con đường Số Một đồ có cảm tưởng về gần, dù là một quãng đường, với Hà Nội. Nhìn lên vòm trời Sài Gòn, kiếm một ánh sao Hà Nội. Đón giữa những ngày nâng lớn một ngum giỗ mất để tạo thành cái mùa thu tưởng tượng của Hà Nội. Tôi mang cái tâm trạng của dòng sông Hồng Hà cạn dòng, cái khô cái chết từ những bờ bãi thấm lắng xuống tận đáy. Và Hà Nội đã ở bên kia vĩ tuyến rồi thì tôi cũng chôn xuống quanh hồn tôi những hàng rào dây thép gai, đặt nó thành tháp ngà, thành biên giới, cấm địa.

Trong thương nhớ và tưởng vọng quá độ, thành phố trở nên một thế giới, một thứ thiên đường mất, cái kho tàng đã chìm xuống đáy biển tôi mỗi công mò tìm không thấy, những

cái đẹp đầu tiên và cuối cùng cộng lại đã thành khối thành sương. Lâu dần quê hương trong trí nhớ đông kết lại như cái ung cái nhọt, vững chắc cái vững chắc vô hình của một thứ mặc cảm. Những ngày đầu, có thể nói tôi bị ám ảnh dày vò bởi Hà Nội. Sức nặng choáng váng đến mệt mỏi đến tuyệt vọng. Như khi yêu mà không được yêu. Như khi người ta thất tình.

* * *

Cơn khủng hoảng trầm trọng đó chấm dứt lúc nào? Cuộc sống mất thăng bằng ấy tìm lại được cái thế quân bình mới lúc nào? Bao giờ cái cây đứt rễ cách đây bốn năm ngã đổ xuống phi trường Tân Sơn Nhứt bắt được cái rễ mới vào đất đai sự sống? Không nhớ được. Chỉ biết một ngày nào đó, các sức nặng của hàng nghìn mái nhà Hà Nội cộng với cái sức nặng của ký ức bỗng nhẹ dần đi, cơn sốt rét cũng nguôi và cái hình dáng ngọt ngọt của Hà Nội tối tăm sùng sững trước mắt cũng tránh

dẫn về một phía. Cái trì trệ cái bất động của tâm hồn như một bánh xe bấy lâu ngừng quay lại lăn những vòng vui.

Một ý niệm mới về quê hương đã có. Hà Nội còn đó với những cái đẹp không thể tìm thấy ở một đô thị nào khác, nhưng nó đã hết thành một thứ độc quyền chiếm cứ trọn vẹn xúc cảm tư tưởng người. Sự tiến triển biến chứng của tình cảm tới một đầu cực đoạn nào đó đã từ cái trạng thái cực đoạn ấy trở nên tuần tự, trở nên đều hòa. Bỏ cái đỉnh thương nhớ ngời ngời bằng tuyết giá buốt, con người Hà Nội trong tôi tìm xuống với đồng bằng.

Tôi có phụ bạc, có phản bội Hà Nội? Tưởng rằng không. Vì nếu Hà Nội chỉ là đối tượng của những giọt lệ và cái tâm sự thở than nức nở thì người Hà Nội vô hình chung mới phụ bạc, phản bội Hà Nội. Yêu thương các lỗi yêu thương gục đầu nhắm mắt là yêu thương của cái xác chết. Mà chết trong đời sống còn nghìn

vạn lần chết hơn kẻ đã nằm yên dưới mộ. Tôi không muốn thế. Tôi đã có một ý niệm mới về quê hương. Anh yêu em vô cùng, anh yêu quê hương vô cùng, dòng chữ cuối thư của Tâm trong Bếp Lửa tôi muốn hiểu nó biểu tỏ tình yêu vẫn gửi lại cho những cái gì đã để lại, đã có, vì những lượng yêu thương mới cũng vừa được nhen lên. Cái lượng yêu thương mới ấy nuôi dưỡng cho tình thương yêu quê hương nếu khởi đầu hãy cứ tạm cho quê hương là một khoảng đất một vùng trời với những tình cảm có từ dĩ vãng, hoặc là những liên lạc máu mủ ruột thịt. Bởi vì tôi dám chắc không có những lượng yêu thương mới ở một nơi nào ngoài Hà Nội, một ngày không xa tôi sẽ quên đứt Hà Nội, cho dầu lòng mình bây giờ còn như lửa đỏ. Tôi dám chắc tất cả những người Hà Nội, ký ức rồi cũng phai nhòa dần dần hình ảnh Hà Nội, nếu trên cái nền sống chỉ có những hình ảnh Hà Nội in lên. Cái vốn tình cảm nào không hao mòn dần nếu không có những tình cảm mới để con người vẫn là cái nguồn vô tận

của rung động. Để có thể yêu thương cả hiện tại cả dĩ vãng, gửi được cả tình yêu ấy về với tương lai.

Tôi không lý thuyết. Đây là một nhận định trên kinh nghiệm. Một khoảng thời gian kéo dài không biết bao lâu ở đây, đã mất Hà Nội, tôi lại không chịu sống với Saigon, tôi đã ngã vào cái trạng thái mù lòa của một người cứ chăm chú nhìn mãi một chỗ, đến nỗi mắt hoa lên, trí nhớ mờ yếu cho đến khi chỉ còn là cái bóng bênh của một biển khói nghi ngút làm nhòe chìm tất cả những bóng hình Hà Nội. Hoặc là có một mảng trời, ít nhiều góc phố được gọi lại thì khó nhọc và cũng què cụt lỏng chổng, không một chút lửa sinh khí. Tới khi tôi bắt đầu thấy mến yêu Sài Gòn, tưởng rằng Hà Nội sẽ mất hẳn, ai ngờ lớp sương mù tan đi và Hà Nội lại đầm thắm hiện ra. Thì ra sống thực với cái gần, cái xa cũng tới. Bây giờ tôi nhìn thấy Hà Nội, rõ lắm. Kỷ niệm đi theo sự sống về gần. Sống chân thực mãnh lực thì dĩ

vãng về hợp mặt cùng hiện tại như sự thu hút của đá nam châm.

Ý niệm về quê hương lại như một ngọn lửa trong tâm tưởng càng ngày càng hồng càng lớn khi tôi sống càng ngày càng tha thiết với hiện tại, với Sài Gòn. Những lúc tôi vui tin vì đời sống ở đây thì cái lượng tưởng nhớ cũng chan chứa vui. Hà Nội gần, tưởng như sờ mó thấy. Gặp lúc bi quan sầu thảm, nhớ về Hà Nội với cái tâm trạng sầu hoài cũ, thì dầu lòng xuống, tĩnh tâm đến đâu cũng chỉ thấy một Hà Nội gạch ngói, một Hà Nội tĩnh vật, một Hà Nội bức tranh, nó lững lờ nó cảm nín một cách hã hùng. Thì ra cái mạnh cái yếu của lòng người gửi cho quê hương tôi đã nhìn thấy nó lên nó xuống theo cái mạnh cái yếu đối với đời sống.

Bởi vậy quê hương không chỉ là vấn đề diện tích, địa điểm, cái nơi cái chốn sinh trưởng. Nó đã hết điển hình một hình ảnh cố định.

Nó mang chứa một ý niệm sinh động, trừu tượng. Nó là phản ảnh uyển chuyển của một thái độ sống. Nó ở trong lòng người. Người đất Sở ngày nào mang cái tâm trạng kỳ quái cười khóc trước ngọn cỏ cái cây đất khách, đứng dừng trước ngọn cỏ cái cây quê nhà, chỉ vì thực ra y chẳng gắn bó chẳng yêu thương một ngọn cỏ một cái cây nào hết. Người lữ hành xê dịch như một vì sao, thản nhiên nhìn từng sân ga từng bến tàu đi qua, mang cái tâm trạng thiếu quê hương, chẳng phải vì y chưa muốn dừng chân mà vì y không có một chút tình với một sân ga một bến tàu nào hết. Đi để tự in ủi, tự đánh lừa cái nghèo nàn của tâm hồn chứ giá có dừng chân vĩnh viễn một nơi nào cũng chẳng bao giờ thấy được quê hương.

Cho nên quê hương còn hay mất, ở gần hay ở xa, có hay không, là tùy cái thái độ cái ý niệm của người. Tôi tha thiết, tôi gắn bó với đời sống, thì ở đâu và bao giờ tôi cũng có được cái cảm tưởng ấm áp nằm trong vòng tay dịu

hiên của đất mẹ, nghe thấu được tiếng hát lời ru xuất tự gốc nguồn. Trái lại, có nằm ngay trên sào đất hương hỏa cũng là nằm trên một thước đất lạnh mà thôi.

Những người Hà Nội ở xa Hà Nội, những người Hưng gia Lợi ở xa xứ sở Hưng gia Lợi, những người Triều Tiên ở xa đất nước Triều Tiên, cuộc sống còn là bông hoa, còn là mặt trời, thì vẫn có thể nói: « chúng ta có quê hương, chúng ta đi mang theo quê hương », không phải vì đã ghi tạc được sâu đậm trong xương tủy trí não những hình ảnh những kỷ niệm cũ, không phải vì đã cất giấu được một bức bản đồ thành phố, mang theo được một cục đất tượng trưng, mà vì cái sức sống dạt dào nó khiến cho con người ở đâu cũng không hề cảm thấy mình là chỉ cây đút rễ, dòng nước mất nguồn. Từ một ý niệm mới về quê hương hàng triệu con người đang di chuyển trên những ngã đường trái đất hôm nay, trong số có những người Hà Nội tự do

chúng ta, bỏ một thôn xóm một thành phố cũ, vẫn cứ là những kẻ có quê hương, được quyền nói tới quê hương mà không bao giờ là những kẻ vong bản.

Kẻ chiếm Hà Nội là chiếm cái Hà Nội thành phố, chứ còn cái Hà Nội quê hương nó chẳng chiếm được. Những người Hà Nội còn ở lại Hà Nội cũng là ở lại với cái Hà Nội thành phố nếu họ không thể yêu thương cái không khí cái nếp sinh hoạt bấy giờ của Hà Nội.

Chúng ta nói chúng ta vẫn còn Hà Nội, một ngày nào chúng ta sẽ về khôi phục Hà Nội, chẳng phải vì đã chế tạo được khẩu đại bác bắn tới Hà Nội, cầm được ngọn cờ giải phóng lên mình Hà Nội, mà vì cái ý niệm mới về quê hương vẫn khiến cho chúng ta cùng với Hà Nội là một. Hà Nội đập cùng nhịp máu, thở cùng nhịp thở. Cái phần tinh hoa, cái chỗ vĩnh cửu của Hà Nội là hình ảnh quê hương vĩnh cửu trong tâm hồn người, cái phần đó

vẫn nằm tròn trong chúng ta với ý nghĩa một sức sống chỉ ở được với người mãnh liệt sống, một tình yêu chỉ ở được với người biết yêu.

Thành ra, đặt Hà Nội thành vấn đề, thì vấn đề ở đây, chẳng phải ở ngoài đó. Chúng ta vẫn là kẻ chủ động, vẫn nắm giữ vận mệnh Hà Nội, định đoạt tương lai Hà Nội.

Đốt cháy trong hồn tôi lòng yêu mến quê hương tôi đã tìm thấy ánh lửa ấy, trong sự sống Sài Gòn và ngày mai, có thể bất cứ ở một nơi nào khác. Ý Niệm quê hương nhờ một độ sống mạnh mẽ nhập hẳn vào cái phần vĩnh viễn của bản thể. Tự đó lối nghĩ lối nhớ Hà Nội đã đổi khác. Nó nhẹ hơn cái phần Hà Nội thành phố, lại nặng hơn về cái phần đời sống Hà Nội, con người Hà Nội. Nếu cái không khí nhiễm độc của Hà Nội cần phải giải tỏa, nếu những người Hà Nội hiện đang sống trong Hà Nội mà như nằm trên gai trên lửa, chỉ muốn đập đổ tan tành Hà Nội tìm một lối thoát, chỉ

muốn trốn chạy khỏi Hà Nội, nếu cái Hà Nội sa mạc, Hà Nội nghĩa địa phải được ném vào những lượng ánh sáng những lượng sống mới – giải phóng, khôi phục Hà Nội phải hiểu theo ý đó – nếu như chúng ta trở về Hà Nội là để cởi bỏ hộ cái tâm trạng tủi hờn quê hương bây giờ, đem về lối yêu một người thành yêu cả nhân loại, lối thương một thước đất mà thành thương cả trái đất, thì cuộc sống của những người Hà Nội chúng ta phải thật khỏe, thật hùng vĩ. Không thể chỉ là những sợi tơ lụa thương nhớ óng chuốt. Không thể chỉ là những giọt lệ. Phải là những trái núi.

Tôi muốn được làm người Hà Nội có những tư tưởng dũng cảm, hàng đầu. Hàng triệu người Hung, Đức, Trung Hoa, Triều Tiên đang lớp lớp di chuyển trên các ngã đường thế giới, hàng trăm ngàn người Hà Nội đang tỏa đi trên các ngã đường miền Nam, tôi muốn được nhìn thấy là những con người giác ngộ một tinh thần quê hương mới, cho nên đến

đâu cũng là người sứ giả của quê hương. Kẻ thù không sợ chúng ta ở xa hay về gần. Điều nó sợ là ở xa hay ở gần mỗi chúng ta vẫn cứ là một khối sống rục rở. Cho nên đi hay ở đã không thành vấn đề. Đi không phải là tỵ nạn là mất gốc. Những cái mà tôi mà anh, những người Hà Nội, hiến dâng, góp phần vào cho sự sống ở Sài Gòn, ở khắp nơi hôm nay mới chính là Hà Nội, cái phần tinh hoa, cái phần quý giá nhất của Hà Nội. Chúng ta đi mang theo quê hương, chúng ta đi mang theo Hà Nội là thế. Mà cũng chính là trong lối sống mà chúng ta đang chiến đấu, đang bảo vệ cho Hà Nội, để vẫn là những người Hà Nội.

MAI THẢO

TUỔI TRẺ

TRƯỜNG DZI

KHI Sài Gòn có những ban đêm tối chậm, Âu không thể nào ngủ được. Nhìn ra cửa sổ ngoại ô đang chìm xuống, phố lên đèn và lối đi chan vào những vùng tối muộn màng. Máy thu thanh nhà hàng xóm bắt đầu bằng những điệu nhạc thánh thót lẫn với tiếng rè rè của làn sóng điện. Họ cũng bắt đầu buông xuôi công việc. Ngoài trời có thể mưa sau một ban ngày nóng âm u.

Mặc quần áo ngoài và xuống đường để bước vào một lối đi hun hút không vĩa hè, Âu muốn mình không bắt gặp một ý tưởng nào

phá rối đầu óc. Có thể đi mãi. Như những lúc về mang theo vui buồn chất đầy, vì sau những lúc gặp mặt là tâm sự đón nhận. Có thể sẽ ngủ lại nhà bạn nếu hôm sau là chủ nhật. Và một đêm, một giờ cũng như những lúc có mặt hoài. Âu ngại đốt điều thuốc, cảm thấy thiếu thiếu nếu ánh lửa tắt đi không chụm lại giữa hai khuôn mặt gần nhau.

Đường đi về thành phố phải qua một cầu nhỏ, Âu thường chạm mặt người lính gác và sông nước mênh mông như tiếp nhận nếu một đêm nào say sưa. Bóng cuốn theo dòng trôi dưới cầu. Âu thích từ giã ở quãng này vì qua đầu cầu đường dốc là mất hút bạn. Điệu ca ồ ạt từ máy phóng thanh một ngã tư và Âu nhận thấy ngay quán nước đã hẹn.

– Anh ơi . . .

Tiếng gọi lẫn vào tiếng chửi rửa và giờ phát thanh cải lương buổi tối. Âu không nhìn lại, bước vô quán chọn một chỗ gần quầy hàng.

Cô chủ quán bận tíu tít. Ở trong mỗi người khách có một sự bức mình về ý thích mình. Âu không để ý đến âm nhạc hay những người khách hàng muốn mở đài khác hoặc ứng cuộc truyền thanh tiếp tục. Âu nghĩ: nếu có một máy hát chắc họ sẽ bỏ quán về gần hết vì ý nghĩ của họ. Cô chủ quán phải cười qua đôi mắt khách. Tóc buộc đuôi ngựa sau gáy tro làn da cổ trắng. Hai bàn tay không giấu được. Buổi tối đẹp hơn ban ngày vì hơi lạnh toát mờ trên cổ mát rượi. Tuyết tới bàn anh và ngồi xuống ghế tự nhiên. Tuyết cầm theo một ví nhỏ học trong khăn tay thơm nước hoa. Khó chịu về sự bạo dạn của nàng Âu nói:

– Đáng lẽ anh ngủ quên để mai tới thăm Nhi.

Tuyết cười ngây thơ:

– Anh tốt quá nhỉ.

– Chẳng có gì. Hơn là Nhi lo suốt mấy

tháng nay.

– Em hỏi thật nhé, thế ai là bố đứa bé?

Âu im lặng một lát, nhìn thăm dò mắt Tuyết. Nàng đưa cốc lên môi suýt soa hơi đá lạnh, môi mở ngỏ bám lấy thành thủy tinh. Âu bảo:

– Tuyết đừng ngờ Nhi hư đến thế. Nhi cũng chỉ nhẹ dạ thôi!

– Anh muốn nói em tinh ranh. Em phải nói dối bà cụ tới đây và chả mấy tháng nữa em lấy chồng

Đôi mắt Tuyết lạng lẽ đến độc ác. Và Âu cũng nghĩ tới:

– Bà cụ chỉ có Tuyết là gái lớn. Kể nghiêm như thế cũng phải.

– Nhưng như thế này thì sao?

Âu đứng lên ngó ra ngoài, hình như có vài đôi mắt lạ nhìn nhau.

– Anh muốn dẫn Tuyết tới Lạc.

– Mai em muốn đi thăm Nhi,

Hai người ra khỏi quán, bước chậm. Nàng như ngượng ngịu và đi sát bên Âu hơn. Đại lộ có vẻ hoạt động rời rạc, bóng những cây lớn đổ dài xuống đường. Âu nghĩ đến người gái nhỏ trong lúc này. Tuyết mãi theo những ý tưởng hồi nãy. Tuyết thủ thủ:

– Dễ Nhi bằng tuổi chị em. Em nghĩ nếu Nhi là chị em...

Âu cười nhìn xuống mặt Tuyết càng trong ánh sáng:

– Nhi đã không khổ. Nhưng đừng nhắc đến người chết lúc này, nhất là Minh có những kỷ niệm trong anh nhiều lắm.

– Chị Minh không kể chuyện với em bao giờ.

– Đạo ấy Tuyết mới mười sáu. Tuyết nghĩ cũng đúng, Nhi có những cử chỉ giống Minh.

– Nhưng Nhi hình như có đi nhảy một đạo?

– Sau này thôi. Trước kia Nhi làm ở một công sở rồi xin thôi. Nhưng đi nhảy có hại gì không Tuyết?

Câu hỏi không thể trả lời vì Tuyết không biết những chuyện ấy. Tuyết nắm tay Âu qua ngã tư như Minh. Hai bên phố thu nhỏ lại trong tối và dặng cây. Trước kia Âu thường quàng ngang lưng Minh và hôn khi chia tay. Ngực Minh đập mạnh thảng thốt. Dưới cột đèn có những dấu phấn và tiếng trẻ nô đùa xa dần. Âu muốn Tuyết là Minh bây giờ. Tuyết im lặng sau lúc ấy và đuổi theo những ý nghĩ về các bạn đang lao đầu trong đau khổ không

cùng. Tuyết bắn khoản tại sao họ không chọn lấy một đường thoát. Để tự do lựa chọn. Thoát những sa đọa tinh thần về tình cảm đầu tiên khi biết nhau. Tuyết định hỏi Âu nhưng khuôn mặt Âu nghiêm nghị quá, hai vầng mắt trũng những bóng tối. Nếu trước đây Minh còn sống liệu Âu có về ở với nàng không?

Hai người im lặng trên một quãng đường dài, đại lộ dẫn về một ngoại ô thanh vắng. Tiếng giầy Âu gõ nặng nề phá yên tĩnh của dãy phố bên đường. Buổi tối ngọn cây cao tí, chết đứng. Tuyết cảm thấy lạnh lạnh và ghê sợ đêm tối thăm thẳm. Những ánh đèn đường đổ xuống dò xét khi bóng ngả dờ dẫm trên mặt đá xanh trần. Tuyết ngó gằm xuống mặt đường tránh nhìn những khối hình trước mặt, mỗi ngã tư bày một cảnh tượng đen trắng. Đêm nay Tuyết đi với một người đàn ông, hôn thê đã chết trước khi cưới. Âu phải có một trách nhiệm về Minh. Âu phải có một phản ứng sau cái chết ấy, dù trong trắng, dù khoác những

tin yêu đầu lòng người thân trao gửi. Tuyệt sợ rằng Âu đã quên. Vì hôm nay là Tuyệt nhưng Tuyệt không thuộc về Âu. Suốt thời gian chưa xanh mộ kẻ nằm xuống. Âu phải nhận những thảng thốt như đêm ngày có những cơn giông. Thế mà mình chưa thấy Âu tỏ vẻ buồn khổ bao giờ. Tuyệt nắm bàn tay Âu:

– Em mệt quá. Hãy đứng lại một lát thôi anh. Nhà gì mà ở xa thế!

Âu nhìn quanh, không có một nơi nghỉ chân nào. Bên cạnh là cây lớn và sập báo bỏ không trần mặt kẽm. Âu chụm hai bàn tay đánh lửa đốt thuốc. Tuyệt vẫn đứng lặng bên gốc cây, hình như không phải Tuyệt mệt. Tuyệt nhìn qua dặng cây:

– Tội nghiệp cho Nhi. Các anh có nghĩ tới một người cứu giúp Nhi không?

Âu im lặng. Khói thuốc trôi qua mặt nàng làm thành những vòng xám quện lấy nhau.

Tuyết muốn quay về. Tuyết nói:

– Đàn ông các anh thương đàn bà như Nhi thật, nhưng vẫn có ý nghĩ khinh bỏ.

– Châu. Châu sẽ lấy Nhi tháng sau vì hắn đã ra ở nơi khác rồi. Đằng Quyền chỉ còn hai ba người.

– Liệu Châu có bao giờ chán ghét Nhi?

– Tuyết bị ảnh hưởng lối sống của người ngoài quá. Hãy nghĩ là Châu yêu Nhi nhưng hắn bị những chật vật ràng buộc cuộc đời nhiều.

– Anh không ghét Quyền ghét Cầu chứ. Kể cả Nhi?

– Không. Anh không ghét họ. Anh nghĩ đến một quan tòa, nếu bây giờ anh muốn nói những ý nghĩ sâu xa với Tuyết.

Hai người gặp một đường tàu có chuyến xe lửa đi qua lần vào đêm tối. Tuyết nhận thấy mắt người cha và trên khoang tàu và ánh đèn đỏ chạy mãi hun hút. Âu đếm bước đi trong trí và cảm thấy lần đầu tiên đường lối về nhà lạc dài vô tận. Âu tiếp:

– Anh vứt bỏ cái ý nghĩ quan tòa trong đầu óc Tuyết nếu Tuyết nghĩ quan tòa là người cầm cân pháp luật hay thượng đế, là linh mục hay hòa thượng. Khi có thiên kiến như thế anh sợ rằng em thương Nhi thương anh hoặc một người khác đều có ý nghĩa giả dối và tàn ác. Nếu em phải sống những giây phút tối tăm của một người khác, em sẽ thấy lương tâm hoàn toàn giả dối và bị phủ nhận. Chính vì những ràng buộc sự có mặt người khác trong hành động của mình. Tại sao. Nhi không tự do để ra khỏi sa đọa?

– Những mù trùm và hoàn cảnh xã hội?

– Hoàn cảnh xã hội ở trong đó một phần.

Mụ trùm thì không vì Nhi đã ra khỏi quyền hành hẳn. Các anh dự vào sự sa đọa ấy và phải chịu trách nhiệm hành động của mình khi nghĩ là đã lợi dụng được Nhi. Người con gái như Nhi bị tước bỏ gần hết quyền hành của mình và đi nhiên là phải trả thù. Em có bao giờ nghĩ rằng khi đánh đi họ đã nghĩ là mình trả thù được thân phận không? Nếu những đứa con gái trên đời này nghĩ mình khác những thân phận khổ nạn kia, hay chính vì nó nghi ngờ trình tiết của nó. Anh phải nhận rằng, hành động không bao giờ có lý ở tuổi mình như sự bày trắng mặt những phi lý ở chung quanh, ở trên cái đại lộ này.

Âu quảng mẩu thuốc xuống mặt đường, ánh lửa dúm vào đêm tối. Âu hỏi:

– Tuyết có biết rằng mình chỉ diễn lại tấn kịch ấy một cách phiêu lưu hơn không. Nhân vật không bao giờ nghĩ mình ở sân khấu và màn sẽ buông đèn sẽ tắt. Tuyết có nghĩ rằng

Nhi định phá thai?

Tuyết cắn môi. Cổ nghẹn ngào một tiếng nấc phải vì thương xót phải vì hết nghĩa nghĩ tới Minh:

– Nhưng đứa bé là con Châu ?

– Anh không biết. Cả Châu cả Nhi cả anh bị dẫn vạt vì hành động của Nhi nhưng may là đã kết cuộc. Đứa bé phải sống. Anh không muốn biết để làm gì.

Tuyết nhìn trại lính bên kia đường và hàng quán ở xung quanh.

– Anh ơi, sao lâu tới thế.

Hai người đi xuống một hẻm dốc sâu vào những bóng tối, bờ cỏ cao rậm dưới chân. Những mái nhà trong hẻm là xuống che lấp ánh đèn. Sự im lặng trầm tĩnh như bóng tối. Âu có thể nhận căn nhà Lạc ở bộ ghế đặt giữa

lối đi vào và tấm màn vải buông cửa vào buồng trong. Ngọt ngọt những màu và bóng tối.

Người con gái lạ mặt ngồi bên cạnh Lạc ở trong phòng ngượng ngịu vì có khách. Lạc khó chịu về sự có mặt của hai người đàn bà mà Ngọc là gái điếm. Âu nhìn lên khuôn mặt bạn bảo nhỏ:

– Tuyết, Tuyết sắp lấy Xuân đấy.

Tuyết nhìn người con gái có mặt trong phòng và đoán ngay nghề nghiệp cô ta. Cả hai không biết nói với nhau thế nào. Lạc mỉm cười:

– Cậu không ngăn trở việc ấy à?

Âu nhìn bạn:

– Tôi có quyền gì. Bà cụ đã muốn thế, nhất là hẳn có tương lai.

– Ít ra cậu cũng là anh rể Tuyết nếu Minh còn sống. Tôi không tin cậu lại quay mặt bỏ qua thế.

– Hừ, tôi muốn hỏi cậu điều ấy.

Ngọc nhắm mắt, hai bàn tay buông trên đài và thấy mình ra khỏi phòng này. Ngọc ngờ vực về sự hồ thẹn của mình vì Ngọc có thừa những cử chỉ để tỏ mình dạn dĩ. Tuyết nhìn hai người nói chuyện thâm thì. Khuôn mặt Ngọc căng xanh bần thiêu. Ngọc đứng lên:

– Anh Lạc, em về nhé.

Lạc nhìn mắt Ngọc muốn khóc. Ngọc thấy cử chỉ mình có vẻ giận đối Lạc.

– Mai em lại anh ngay. Ngọc hứa.

Nàng ấp úng chào hai người khách và bước ra cửa. Lạc bảo Âu:

- Tôi có thể nói điều ấy với Tuyết chứ?
- Bây giờ tôi thấy quên Minh nhiều rồi.

Lạc lên tiếng:

- Cô vẫn đi học?
- Em bỏ một tháng nay rồi.
- Tôi là bạn Xuân và Minh. Lạc thấy cần phải nói thế.
- Vâng, anh Âu vẫn nhắc đến anh.
- Hay nói xấu tôi.

Âu nói với Lạc:

- Châu nhờ tôi một việc với cậu đấy. Hân lại xuống Hậu Giang rồi.

Lạc đứng lên:

– Cậu và hấn túng lắm hấn.

Ba người ra khỏi nhà và đi ngược lại đường vừa tới. Tuyết nghĩ đến người con gái làm tiền bỏ về, hấn có một phản ứng đối với những thân phận nhận mình tinh khiết hơn. Nếu Tuyết hỏi được hấn một lời. Âu và Lạc đi sát bên nhau, tiếng giày gõ rời rạc trên mặt hè. Những chùm ánh sáng trên cao lấp ló sau dặng lá. Tiếng hai người nói chuyện lạc đi trong gió. Âu ngó sang Tuyết và hỏi sát tai:

– Tuyết có chán đi chơi thế này không?

Tuyết mím môi nhìn lên mặt Âu:

– Sao anh lại hỏi thế. Em thích đi chơi mà.

– Lát nữa Tuyết sẽ thấy ngán ngay.

Cả bọn đi vào ngõ một đường rộng hơn. Ngọn đèn điện lủng lơ rọi lối. Bóng Lạc lẫm lẫm đi trước. Họ dừng lại ở một căn nhà treo

mảnh sát tới thêm. Phòng có bộ ghế mới và tủ gương soi ra đường. Lạc chào người đàn bà đứng tuổi bằng cô. Chừng bà cũng quen mặt Âu. Lạc nói:

– Cô cho mượn đỡ một ngàn. Có người bạn mới sinh chưa chạy được tiền phòng.

Người đàn bà ngó lên không đổi sắc mặt.

– Của cậu hay cậu Âu đấy. Bà nói rõn như quen thuộc.

Lạc mỉm cười:

– Dạ không.

Bà quay vào nhà và một lát mang tiền ra. Bà giao hẹn:

– Vẫn tính như cũ.

Mặt Lạc nhăn lại nhưng Lạc vẫn cầm tiền.

Người đàn bà nói đùa một cách thản nhiên:

– Chùng nào vợ cậu đẻ, tôi sẽ không tính lãi.

Ba người bước ra và Tuyết liếc thấy trong màu sắc tối bóng những kẻ nghèo nàn trong gương. Họ quay lại lối cũ, đi qua hẻm có những mái hiên nhỏ khép hẹp đường đi. Bóng nhỏ dài ngoằn ngoèo theo những thềm nhà không có lối. Âu và Lạc đi sát bên nhau. Họ đốt điếu thuốc lá thứ nhất. Tiếng Lạc cứng rắn cảm động nhưng Tuyết không nghe rõ. Âu ném mẩu thuốc xuống đường và nói lầu nhầu:

– Tôi không dính vào chuyện chúng nó. Cậu xem, chúng mình ở với nhau biết nhau nhiều, tôi có hèn hạ đến thế không?

Lạc nhún vai:

– Tôi không muốn nói có những thằng ngộ đến thế, hay cậu hèn. Tại sao lại nghĩ đến

sự trốn tránh hay tự ái. Ở đây không có hèn hạ hay độ lượng.

Âu cười gằn:

– Tôi sẽ lo cho chúng nó. Nghĩa là giữa chúng nó và mình không có liên hệ gì hết.

Lạc im lặng. Ba người dừng lại một ngã tư. Bên kia đường, ánh đèn tiệm nhảy lừng lẫy chói sáng bên này. Khuôn mặt họ nhìn nhau. Mắt Lạc gằn hơn. Lạc bắt tay Âu.

– Tôi về tìm Ngọc.

Chiếc xe hơi đứng lại gần họ và những thân hình nhảy ra từng bùng. Đường trở lại yên tĩnh nặng nề. Lạc vội vã chào quay đi. Tuyết nhận thấy Lạc muốn nói một điều gì nhưng im lặng.

– Anh đưa Tuyết về nhà.

Âu vẩy taxi đi ngang qua và cả hai cúi người chui vào. Trong xe Âu không nói chuyện nhìn nghiêm về phía trước. Những khối hình đêm và ánh điện xô vào nhau cuộn cuộn. Hơi thở trong bóng tối nghẹn ngào. Tuyết cảm thấy nghẹn thở như khuôn mặt Âu gần hơn. Chiếc xe lao vào một cuộc hành trình phiêu lưu. Thỉnh thoảng gió thoảng lùa vào khoang xe. Những mặt đường ngoại ô mờ trong ánh điện và ở đó Tuyết lớn hẳn lên. Tuyết dụi vào cuộc chạy đuổi của bạn bè, gánh chịu lấy hình ảnh thử thách. Ít ra Tuyết cũng đau khổ, những đau khổ của người chết trút lại và thoát khỏi gia đình. Chiếc xe chợt dừng lại đột ngột, tiếng bốn bánh cọ sát mặt đường mạnh mẽ. Một chiếc xe vừa vượt trái đường. Khuôn mặt nghiêng căng lên, người tài xế lăm bắm chửi rủa. Chiếc xe lại lao mạnh. Âu ngả người ra đằng sau. Xe gặp một ngã tư. Tuyết vội vã chỉ tay về trước mặt:

– Ông đỗ phía cầu kia. Chúng tôi xuống đây.

Âu nhìn Tuyết im lặng. Hai người ra khỏi xe và Âu trông thấy dòng sông dưới cầu trôi lặng lờ trong đêm. Tuyết đưa bàn tay khép tà áo bay lên. Gió từ mạn dưới cầu thổi mạnh. Mặt Âu đan những nét nhăn và mắt ẩn vào bóng tối. Âu đốt thuốc rồi ném tàn lửa xuống cầu. Đêm ở trên trời với hàng ngàn tinh tú nhấp nhánh, hình khối vật thể sừng sững. Tuyết hoảng hốt nắm tay Âu:

– Mai em muốn đến thăm Nhi.

Mắt Tuyết lạc lõng và thân hình bỗng nhỏ hẩn đi. Âu cười:

– Tuyết giống chị thật.

Tuyết buông tay nhìn đi chỗ khác

– Em không muốn có hình ảnh của chị Minh. Em không muốn khổ.

Âu cười nhìn lên khuôn mặt Tuyết hiền

hậu. Đêm chung quanh mắt những hào quang ngày xưa, chốn này ngày xưa. Tuyết lên tiếng:

– Tội nghiệp cho Nhi. Đến hôm nay bạn bè còn ghét bỏ nhau và độ lượng.

Âu đưa hai bàn tay nắm thành cầu, mắt xuôi dòng nước. Âu bảo:

– Tuyết vẫn thắc mắc về những câu chuyện vô nghĩa ấy. Dù sao, khi Tuyết thương Nhi, Tuyết muốn dự phần vào đau khổ của Nhi, Tuyết vẫn nghĩ mình ra khỏi tình cảnh ấy. Nhưng chính Tuyết cũng chịu những đau khổ ấy. Có ai nghĩ đến tội nghiệp cho Tuyết không?

Tuyết đưa bàn tay đặt lên gò má nhìn lạc lõng xuống những vì sao in trên dòng nước. Sắc đêm và đáy nước gặp nhau đen thẫm. Tuyết lắc đầu:

– Em không nghĩ đến ích kỷ khi không

thương mình hay thương mình.

– Anh nghĩ đến Minh. Khi Minh mắt có dần lúc hấp hối: Minh yên lòng. Anh không nghĩ là Minh bỏ được đau khổ hay đau khổ đã dành trong đời Minh. Cho nên không bao giờ anh dám nghĩ đến Minh, tự hỏi còn thương Minh không. Người chết không bao giờ đặt một tội nghiệp cho người sống để nghĩ đến anh chung tình. Nhưng Tuyết đã thấy, có khi nào anh bỏ quên hình ảnh Minh không?

Tuyết im lặng. Những ánh sáng thừa trên cầu rớt trên mắt Tuyết, những giọt lệ trào ra khỏi tâm hồn. Tuyết cắn môi; cổ nghẹn ngào. Âu buồn mầu thuốc trong kẽ tay xuống nước, tiếp:

– Tuyết sắp lấy chồng. Anh không ngăn trở như anh muốn ra khỏi tâm hồn Tuyết. Tuyết biết không?

Tuyết xoay người lại phía Âu:

– Nhưng em yêu anh, anh biết chứ?

Những giây phút im lặng, cuộc đời im lặng, tuổi trẻ im lặng; dòng sông im lặng và đêm của những vì sao. Âu ngó vào mắt Tuyết:

– Em sắp lấy Xuân. Nhưng anh biết nhiều về Xuân. Hắn là một thằng hèn trụy lạc. Anh không muốn nói sợ em hiểu lầm. Nhưng bây giờ anh nghĩ rồi. Anh sẽ đến nói với mẹ về Xuân. Anh không muốn Tuyết ở cuộc đời hắn hay anh.

Vòng tay hơi thở nghẹn ngào. Âu nhìn lên trời người chết. Tuyết mỉm cười, rồi tiếng cười rõ hơn, tiếng cười nghẹn ngào đau buồn. Khi Tuyết quay bước trở về lối đưa tới nhà, thân hình lớn lên bó sát trong áo dài.

Âu nghĩ đến ban đêm có những hiện tượng kỳ lạ làm Âu không thể ngủ yên.

TRƯỜNG DZI

TIỀN KIẾP

DOÃN QUỐC SỸ

*Đêm qua mưa bụi gió bay,
Gió rung cành bắc gió lay cành vàng.
Em với anh cùng ở khác làng.
Nào em có biết ngõ chàng ở đâu
Một thương hai nhớ ba sầu,
Cơm ăn chẳng được ăn trâu ngậm hơi,
Thương chàng lắm lắm chàng ơi,
Biết đâu thanh vắng mà ngồi thở than
Muốn than mà chẳng được than,
Kìa như đá đổ bên ngàn lau lầy.
Đá đổ còn có khi đầy.
Thương chàng biết thuở nào khuây hỗi chàng.*

(Ca dao Việt Nam)

Trước mỗi biến cố đau thương của dân tộc, Tâm lại ngồi ôm mặt đối

trong bóng tối. Đã từ lâu, lâu lắm rồi, chàng có thói quen đó. Không phải Tâm ngồi như vậy để khóc hoặc để gặm nhấm nỗi đau khổ của mình. (Tâm đâu có hèn thế các bạn nhỉ? Chúng ta đâu có hèn thế các bạn nhỉ?) Tâm vẫn nghĩ rằng người dân của bất cứ nước nào cũng mang trong hồn những đức tính cao quý của dân tộc họ, và nói rộng ra đã là người, đều mang trong hồn những đức tính cao quý của nhân loại. Kẻ nào sa đọa phản bội, những đức tính đó không mất mà chỉ tản mát ra ngoài. Việc Tâm ngồi ôm mặt trong bóng tối chính là vì chàng khao khát những mong với thái độ chí thành của mình họa có kết tinh được phần nào những gì là cao quý. Việc kết tinh đó chẳng khác gì việc phụ một hồn khác lên cho nhập vào với hồn mình. Phụ đồng thì phải hát;

Tâm không hát nhưng chàng ngâm thơ, ngâm rất khê để thu hút sự kết tinh chứ không phải để xao động. Chàng thường ngâm câu Kiều:

*Tiếc thay trong giá trắng ngần,
Bắt phong trần cũng phong trần như ai.*

hoặc một vài câu trong bài ca dao trên:

*Đá đổ còn có khi đầy,
Thương chàng biết thuở nào khuây hỡi chàng.*

Và những lúc đó sao mà Tâm ao ước được gặp tiền thân. . .

— Gặp tiền thân? — Thừa vâng, có lẽ đúng là tiền thân, Tâm muốn tin rằng thế. Lần đầu tiên chàng gặp tiền thân vào vụ đói năm nào. Trước đó mấy ngày, một buổi trưa qua Bờ Hồ, Tim thấy cả một phường nhạc bát âm ngồi tấu nhạc ở ngay bến xe điện Bưởi – Bạch Mai để xin tiền. Họ ăn mặc tề chỉnh: quần trắng, áo

the dài, chít khăn. Họ tấu những bản Hành vân, Lưu thủy và những bản nhạc thờ khác. Mấy ngày sau ban nhạc biệt tích, Tâm chắc họ đã đi về các cửa ô rồi chết đói dần mòn hết cả để gom vào cho đủ số hai triệu đồng bào trong dịp quốc nạn này. Chao ôi, con người khi còn sống đi đứng hiên ngang khi phách, khi chết bên đường, xác không cao hơn ngọn cỏ may. Mang bản nhạc thờ thần ra tấu ở bến xe điện tuy chua xót thật, nhưng Tâm thấy cái đáng chua xót cho nhân loại chính là lũ tây đầm thực dân thủ phạm đã mất tình người vẫn phê phỡn đủ đờn nhảy nhót ở những khách sạn Splendid, Métropole.

Mấy ngày sau để tránh nạn phi cơ oanh tạc, trường Tâm chuyển xuống Hà Đông. Ngay buổi đầu đi học, trên đường thẳng tới trường, giữa bao nhiêu khuôn mặt ngơ ngác đây đó, Tâm chú ý đến một em bé nằm khuất sau một gốc cây bên một đồng rác lẩn nhiều vỏ ốc. Tội nghiệp, em nằm cuộn tròn trong

manh chiếu rách, đầu và một tay thò ra ngoài, mắt nhìn mọi người mà chẳng còn chút tinh thần. Tâm đặt nắm cơm xinh xẻo — bữa ăn trưa của chàng — vào giữa bàn tay em, em hơi nhúc nhích. Khi tan học trở lại chỗ cũ, Tâm thấy nắm cơm lẫn khuất dưới túp cỏ rậm gần đấy. Em bé đã chết, em yếu quá không đủ sức đưa nắm cơm lên miệng.

Đêm đó, trở về quê. Tâm gục mặt trên bàn học mặc cho hồn tan thành tiếng gió thổi dài qua các lùm cây ngoài vườn. Tâm chợt thấy một thanh niên ăn mặc theo kiểu xưa mở cửa xích vào nhìn Tâm, mặt buồn rười rượi rồi đưa một ngón tay lên miệng cắn. Người đó tự cắn mình mà sao Tâm thấy nhói buốt trong tim? Khi bừng tỉnh dậy nhớ lại khuôn mặt người trong mộng hao hao giống mình, không hiểu sao Tâm nghĩ là mình đã gặp tiền thân, đúng là tiền thân!

Có lẽ vì lòng luôn luôn ghi nhớ ơn nặng

đức dày của ông cha nên Tâm tha thiết nếu lấy niềm tin là gặp tiền thân, điều chứng minh kiếp trước Tâm đã được góp phần mồ hôi, xương máu bên ông cha trong việc gây dựng và gìn giữ đất nước này.

Sau sáu năm kháng chiến rồi tới một ngày kia tỉnh ngộ mà lòng đau như cắt! Tâm chẳng tự hiểu vì quá vô tình hay quá thực thà, chỉ biết khi tỉnh ngộ thì đã quá muộn, nhưng dù quá muộn còn hơn không. Chiến dịch cuối cùng chàng dự là chiến dịch Đông Triều cuối mùa hạ 1951. Để sửa soạn đường hành quân cho chiến dịch, hai tiểu đoàn đi trước một tháng, chặt tre nứa mở lối hẻm dưới rừng và đào sẵn rồi ngụy trang hai hàng hố cá nhân trên những quãng đường trống. Phi cơ địch theo sát đến nỗi chỉ một lần hai chiến binh nhóm lửa nướng con marm, chút khói vương lên, chiếc phi cơ thám thính bay qua, lát sau một đoàn B.26 xuất hiện tự chân trời rầm rộ lướt tới, không hề chúc mũi, điềm nhiên rồi

bom xuống như những kẻ đăng trí đánh rơi vật gì mà không hề biết. Số người chết bao nhiêu Tâm chẳng rõ chỉ biết trong số có một chính ủy trung đoàn. Khi bộ phận Tâm qua đó các mảnh thịt vương trên cành cây đầu dây đã rửa nát và thối khẳn ai nấy choáng váng cổ bịt mũi miệng, nén thở mà còn muốn nôn oẹ.

Tối khu tác chiến Tâm ở lại bộ tham mưu chiến dịch, Lam — bạn chàng, một người bạn độc nhất còn sót lại, ra đi công đồn. Mười giờ sáng hôm sau Tâm được tin điện thoại từ ngoài mặt trận báo về rằng chỉ huy trưởng — bạn chàng — bị thương nặng. Mãi tới quá trưa mới cảng được Lam về quân y xá nhưng Lam đã chết tự giữa đường. Khi Tâm đến, xác Lam còn nguyên trên cảng tre, đầu ngẹo sang một bên, hai mép phôi nước rãi trắng xóa như bột xà phòng.

Tâm thương Lam vì chàng biết Lam cũng như chàng, cả hai không sợ chết nhưng đã

bắt đầu biết sợ chết như một con vật đơn giản dùng làm công cụ thí nghiệm cho một cái gì trừu tượng tai ác, yêu ma không một chút thích hợp với nếp sống rất nhân đạo của dân tộc.

Lần nào ra đi chiến dịch cả hai cũng cầm bằng là chết và luôn luôn phải tự dối lòng là chết cho đất mẹ. Tới đó mọi người đã mắc kẹt khá sâu vào khe răng cửa của kháng chiến mất rồi.

Lần này thì Lam chết thật, thể xác Lam tuy còn kia, đầu ngẹo sang một bên, mép phòi bọt trắng xóa nhưng Lam đã “lọt khỏi kẽ tay” của Tâm để rơi vĩnh viễn vào cái vô cùng vô cực bên kia thế giới.

Đêm đó Tâm cũng gục đầu trên chiếc bàn tre ở bộ tham mưu chiến dịch: tiền thân Tâm mở cửa bước vào ngôi đối diện và nhìn Tâm yên lặng, tiếng thở nghe lẫn với tiếng gió hoảng hốt chạy trốn bên ngoài. Tâm mơ

thấy mình theo tiền thân lên thăm lại ngọn đồi trọc kia, nơi chàng và Lam đã phải lấy xác bạn đồng ngũ làm thành để bám lấy lưng chừng đồi sau một đợt xung phong. Từng suối máu nóng hồi còn như thấm đẫm áo chàng và loang rộng dưới chân. Vẫn theo tiền thân, Tâm đi vào đám sương mù trắng ngập cánh đồng, màu trắng của bột xà phòng phôi bên mép Lam. Rồi chàng và tiền thân ngồi nghỉ trên một đỉnh núi bên dưới có con sông nước đỏ uốn cong. Tâm nhìn tiền thân yên lặng, trù mến gửi vào cả nỗi thống khổ kết tinh, đồng thời chàng thấy nỗi đau khổ hiện tại như vội đi rất nhiều.

Cái gì đã kết tinh khó mà mất, không còn nhờ nhệch, vô hình, mình quảng nó ở đâu nó cũng sống, vũ trụ từ thể vân tinh quay cuồng đau khổ bao nhiêu mới kết tinh thành những giọt đau khổ biêng biếc là những vì sao!

Xác Lam đã được chôn vội vĩa bên mép bờ

ruộng tiền tuyến, gần một làng nhỏ không còn một bóng người vì dân chúng đã tản cư hết. Cái chết của Lam chỉ còn một tác dụng quất mạnh vào tâm tưởng Tâm khiến chàng ráng sức một lần quyết định vùng khỏi khe răng cửa siêu hình của guồng máy chiến tranh mà người ta đã vô cùng xảo quyết, vô cùng điều ngoa gần cho nó cái chiêu bài: cuộc kháng chiến dân tộc.

Đã từ bao lâu thứ chính trị đầu cơ kết bè lập đảng hẹp hòi đã làm nhor bẩn mọi dự định tinh khiết nhất của nhân loại và gieo nghi ngờ vào những khối óc hồn nhiên nhất của người dân quê, rộng lượng nhất của trí thức, Tâm bỏ cộng sản về thành (Hà Nội) vào đúng năm mà những nhor bẩn đó đạt tới tối cao độ của nó.

Đá đổ còn có khi đây,

Thương chàng biết thuở nào khuây hời
chàng.

Về Hà Nội, Tâm ở phố Ngõ Huyện sát nách nhà thờ lớn, nơi đây sáng nào cũng có hai bố con người bán phở rong, gánh từ Kim Mã — ngoại ô Hà Nội — tới bán. Người bố tuy mới bốn mươi tuổi mà già sạm sạm như đã trên năm mươi. Vợ ông nghe đâu đã bị đội Lê Dương trong đoàn quân viễn chinh Pháp hiếp chết tại đầu làng ngay từ năm 1947, năm đầu chinh chiến. Đứa con giai hiện theo ông mới chừng tám tuổi, nó giúp ông trong việc đi sâu vào các ngách phố rao phở. Nếu có ai gọi ăn nó chạy về báo cho bố làm rồi bùng lại. Nó hay bị các khách ăn quen trêu. Người ta giả vờ khát chịu vài hôm, có người đưa ra tờ giấy năm trăm bảo nó: “Cậu trả lại tiền đi nếu không thì... hãy chịu vài hôm!” Hể nghe ai nói “hãy chịu vài hôm!” như vậy nó rầy nẩy như đĩa phải vôi rồi vừa nước mắt chạy quanh vừa lớn tiếng cãi lại nằng nặc đòi tiền bằng được. Nó thương bố làm ăn vất vả và sợ người ta ăn quýt. Tâm thường chép miệng nghĩ thầm: “Tội nghiệp thằng bé, nó có biết đâu cả dân tộc ở cả

hai phe đương bị ngoại nhân cùng mấy tên tay sai cầm đầu ăn quýt xương máu”.

Trên các ngã đường Hà Nội vào dạo này tấp nập những xe bóng loáng. Đó là xe của lũ xu thời hèn mặt cam thiếu nhân cách để được thừa quyền hành. Chúng đi đi lại lại trưng diện với nhau để gián tiếp xỉ nhục cuộc sống xác xơ, thiếu an ninh của dân chúng. Tâm thấy chúng ngu muội thô thảm như lũ chó con tranh nhau những khúc xương của chính mẹ chúng, và trở trên bỉ ổi như lũ con tranh nhau gia tài, bán cả chiếc áo quan để chia nhau tiền tiêu trong khi cha già nằm hấp hối trên giường bệnh. Tâm hồn Tâm như thường xuyên bị bóng rầy, một hạt bụi lơ lửng trong không khí chạm phải cũng khiến chàng nhói buốt tâm can. Nhìn những xe đó lướt qua chàng có cảm tưởng chúng tiếp nối nhau đè ngang lên ngực mình. Đã tới mức chàng gần phát điên thì may sao một hôm đi xem chiếu bóng gặp phim thời sự ôn lại quá khứ thánh Gandhi trong đó có

một cảnh vị thánh Ấn Độ được tiếp đón cực kỳ trọng thể rồi an tọa trên một chiếc xe mịn bóng lướt nhẹ trên con đường giải nhựa cũng mịn bóng. Thốt nhiên Tâm thấy chiếc xe như có linh hồn để biến thành một con ngựa già hay một con voi già có nghĩa, con đường nhựa như có linh hồn để biến thành con huyền long linh thiêng vươn mình vun vút, luôn luôn nâng đón lấy bốn bánh xe.

Chẳng ai khinh được máy móc khi máy móc có linh hồn! Ngồi trên chiếc xe lướt nhẹ đó vị thánh Ấn Độ, hiện thân của Đạo đức, đã thổi linh hồn vào cho máy móc.

Rồi tới một buổi chiều ánh đèn phường phố vừa bật, qua Hàng Buồm Tâm tạt vào một hiệu tạp hóa nhỏ mua sỉ mấy điều thuốc lá thơm. Chàng đưa bà hàng tờ giấy năm đồng và nhận tiền trả lại ba đồng năm hào – “ba đồng năm các”, nói theo tiếng đồng bào miền Nam – bằng nhôm. Chẳng hiểu thứ nhôm pha

thế nào mà sao nhẹ thế, nhẹ đến nỗi thà cầm mảnh giấy mỏng Tâm còn thấy là mình đang cầm một cái gì nặng hơn.

Đứng sát cột đèn góc phố Tâm xòe tay ra ngắm kỹ đồng hào: một bên có hình bông lúa – lúa mì thì phải — hai chữ INDOCHINE FRANÇAISE xếp thành hình vòng cung bên trên và hai chữ 20 CENT lớn hơn một chút xếp ngang bên dưới. Lật sang mặt kia là hình bán thân một “bà đầm” tay cầm nhánh cây – chẳng biết có phải là hình nữ thần tự do – với hàng chữ vòng cung trên đầu: RÉPUBLIQUE FRANÇAISE. Xung quanh cạnh đồng hào nhẵn thín một cách vừa cầu thả vừa vô duyên. Tâm nắm tay lại, miệng mím và nghĩ thầm: “đồng hào quả đã thể hiện rất đúng tinh thần gian xảo điêu ngoa của thực dân, đồng hào cũng nhẹ bồng, rỗng tuếch và vô giá trị như lũ tay sai của chúng.”

Chợt qua một chỗ có đèn đỏ. Đó là quăng

đường Sở Lục lộ đang sửa dở: một cái nắp cống còn đặt lệch sang bên, phía dưới thấp thoáng màu bùn đen kịt và mùi hôi thối rờn rờn bốc lên. Tâm vung tay ném mạnh ba đồng năm các xuống đúng khoảng sánh bùn hồi đó. Cả cái chế độ xảo quyệt của thực dân trá hình, của độc lập giả dối, của lũ bù nhìn tranh quyền cố vị chỉ đáng có thế! Kể từ đây Tâm thường xuyên bị cái cầu thả, cái vô duyên, cái nhẹ bồng, cái rỗng tuếch của đồng năm các ám ảnh và lấy nó làm đơn vị đo lường để sót thương kẻ này, căm phẫn kẻ nọ.

Một đêm kia chàng ngủ đỗ tại nhà bạn ở phố Bờ sông, sớm hôm sau khi vừa thức giấc, chàng chú ý đến bóng một người đàn bà nhà quê có mang gần đến tháng để mặt mũi hốc hác vì nghèo đói. Quần áo bà mặc bằng vải chéo go đen đã bạc màu. Chân đi đất, vai khoác một cái bị lớn, bà đi chậm chậm mắt chăm chú nhìn xuống chân hàng rào... Chợt bà dừng lại khom người xuống và lách tay qua hàng rào

giây thép gai. Thì ra bà đi kiếm những hộp sữa đã hết mà người ta vứt ở khắp nơi, chắc rồi bà sẽ đem bán chúng ở các cửa hiệu làm đồ trẻ con chơi tại phố Hàng Thiếc. Chỉ còn hơn một tháng nữa là tết Trung thu mà!

Chẳng biết cả một ngày lang thang như vậy — Tâm tự hỏi thăm — bà nhặt được bao nhiêu ống bơ và liệu có kiếm được mười đồng bạc tức hai mươi đồng năm các khốn nạn, cầu thả, vô duyên, rỗng tuếch — để nuôi thân, nuôi con chăng?

Hình ảnh nhỏ mọn và thương tâm của người đàn bà chữa bỏng hiển hiện thành hình ảnh nhẩn nại của toàn dân trong việc xây dựng và gìn giữ đất nước qua bao biến cố lịch sử.

Tâm đã đi lang thang qua chợ Đồng Xuân, quan sát những người đàn bà nhà quê hiền lành, tự những nơi làng mạc xa xôi gánh hàng đến bán. Hẳn các bà cũng như hàng triệu những người dân quê khác đương sống trong

cảnh trên đe dưới búa, ban ngày thì quân đội thực dân tới xục xạo, càn quét, ban đêm thì cán bộ cộng sản tới giở trò xảo trá, ve vuốt đấy, khùng bố đấy. Củ su hào lớn từng kia, chiếc cải bắp lớn từng kia, quả đu đủ chín lớn từng kia, kết quả của bao công phu vun giồng tưới bón, tưới bón bằng mồ hôi, nước mắt và máu với bao hy vọng gởi gắm mà nay bán đi đổi lấy tám đồng bạc tức là mười sáu đồng năm các khốn nạn, cầu thả, vô duyên, rỗng tuếch!

Tâm đã gặp một người đàn ông búi tóc, râu tóc xác xơ bước vội trong bóng chiều đương đổ mau, hai đầu đòn gánh lủng liểng chừng mười mười hai chiếc bánh chưng bán ế; Tâm vẫn thấy ông cụ già gầy đét hom hem ngồi mài dao thuê dưới gốc bàng góc phố; có lần nghe hiệu chuông rung, Tâm gọi mua chiếc kem của một cụ già hom hem hơn và chăm chú nhìn cụ cho đồng năm các vào túi, bịn rịn đứng nán lại một giây có ý chờ xem chàng có mua thêm chẳng, rồi tiếng chuông run rẩy

nhịp với bước chân đói khát xa dần... Tất cả những hình ảnh nghèo túng mà Tâm đã gặp như thốn thức dưới mắt, mỗi khi chàng tự nêu thẳm câu hỏi: “những người đáng thương đó hằng ngày kiếm được bao nhiêu đồng năm các khốn nạn, cầu thả, vô duyên, rỗng tuếch, mà nuôi thân nuôi gia đình?”

Có lần tránh mưa, Tâm đã vào trú trong một túp lều ngoại ô, chủ nhà là người thợ rèn, bốn đứa con ông đương vác bát ăn cơm. Ở góc bát của mỗi đứa chàng thấy có miếng đậu rán cắt đôi còn nguyên. Chắc là trước khi ăn người cha đã chia khẩu phần cho từng đứa. Chúng chỉ gắp rau chãm tương dưới mâm mà để dành miếng đậu, chúng và cơm rất gọn và sau cùng vét bát thật sạch không còn sót một hạt. Trong thăm thẳm tâm linh, tiếng lòng Tâm nhủ thẳm: “Con nhà nghèo vét bát bao giờ cũng sạch.”

Đời chỉ là một canh bạc bịp mà người thua

luôn luôn là đám dân hiền không tên không tuổi. Càng gặp nhiều những người cùng khổ Tâm càng thấy ở họ kết tinh những gì là nhân nhục cao quý. Chàng kính mến họ như kính mến những vị đại diện của Thượng Đế, và thực tình chàng muốn thu hết sức mạnh của lòng khinh bỉ gom lại thành hỏa diệm sơn để khắc vào mặt những tên buôn bán đau khổ nhân loại cùng là tội tớ rồi bỏ của chúng.

Trong những giấc ngủ ghệt ngào Tâm mơ thấy biết bao điều khi thì khủng khiếp, khi thì sâu não. Có một giấc mơ không bao giờ chàng quên, chàng mơ thấy khắp nơi đều cháy kể cả những nơi không nhà cửa: cháy giữa vườn hoa, cháy giữa hồ Hoàn Kiếm, cháy giữa hồ Tây, nơi nào có lửa cháy là có bóng người dân tươi tắn và có xác trẻ con chết trần truồng, nhiều khi đầu một nơi mình một nẻo; có đầu lâu em bé bị xẻ ra làm đôi, mùi máu tanh lợm khắp nơi nơi. Kể đó Tâm thấy mình đi câu, câu ở sông, rồi ở ao, sau cùng ôi kinh tởm,

chàng thả câu vào một hố nước cống màu đen kịt; cái phao không nổi trên nước mà mắc vào một khe đất nẻ. Làm sao mà có cá ở vũng cống này? Có chẳng một đàn bọ gậy! Giả sử bọ gậy biết cắn câu thì làm sao cái phao mắc vào khe nẻ kia động đập báo cho chàng biết?

Khi sực tỉnh Tâm vùng ra sân thở hít sương khuya và tìm ánh sáng tri kỷ để an ủi nỗi lòng ở mấy vì sao cũng ra chiều cô độc trên vòm cao.

Tối một chiều kia, sau bữa ăn mẹ chàng lên tiếng:

– Buôn bán khó khăn lắm con ạ, hết tháng này mẹ dọn về quê cày cấy.

Tâm chỉ còn biết đáp lời mẹ:

– Mẹ nghĩ chí phải, trong tình trạng này con nghĩ rằng nhà nào cũng nên có một người đi tu để cứu lấy linh hồn kẻ khác và một người

đi cày để khi bưng bát cơm lên không thấy là mình ăn cắp.

Rồi Tâm ôm đầu tì hai khuỷu tay lên bàn vui ý nghĩ vào hư vô, khi ngừng lên bóng chiều bên ngoài đã xẫm màu, không khí nghẹn ngào u uất, báo hiệu một trận mưa lớn.

Có tiếng cười khúc khích:

– Anh ấy khinh người ghê lắm! Bước vào nhà, em chào hai lần mà anh ấy không thèm trả lời.

Tâm quay lại, Dung cười lớn hơn và chào như riều:

– Lạy anh ạ!

Dung là cô gái hàng xóm, bạn thân với Thịnh, em gái Tâm. Ngày ngày Dung vẫn sang chơi với Thịnh chẳng kể sớm tối, có khi làm cơm giúp. Nàng vừa đến tuổi dậy thì đẹp một

vẻ đẹp sao mà hiền hậu. Tâm chẳng dám rẻ rúng tình yêu kia nhưng nghĩ mình đương chỉ là một thứ kết tinh của chán chường, khinh mạn chàng nữ nào đem nhuộm lấy màu chán chường khinh mạn đó sang tâm hồn quá trong trắng của Dung. Tâm biết nếu Dung đừng sớm buồn về chuyện yêu đương thì khuôn mặt nàng hoàn toàn giữ được vẻ tươi mát của một thôn nữ thuở thanh bình nào trong ca dao:

Anh về hái đậu, trẩy cà.

Để em đi chợ kéo mà lỡ phiên.

Dung vội vã ra về trước khi trời đổ mưa. Tiếng mưa rơi thoát nhẹ sau rả rích như một nỗi sầu không bao giờ nguôi. Tiếng súng liên thanh tự một đồn nào đó ở ngoại thành vọng về, kế tiếp là tiếng đại bác câu đi rất xa. Cảnh thời tản cư cộng độ những trẻ thơ, gồng gánh những quần áo, chăn chiếu, nồi niêu, chạy giặc dưới mưa rầm gió bắc mùa đông hay giông tố

mùa hạ, lại được dịp khơi dậy quần quai trong ký ức Tâm. Chàng mở khế radio, có tiếng giới thiệu một chương trình chèo cổ. Tiếng ca của đất nước đến xoa dịu lòng chàng lúc này thực hợp thời chẳng khác ngọn gió Nam đến với vua Thuấn ngày xưa: “Nam phong chi huân hê khả dĩ giải ngô dân chi uấn hê...” Chương trình mở đầu bằng điệu “Nôi niêu” dí dỏm mà thuần phác, nhịp đàn sát với lời ca, tiếng nhị như riều cọt, đôi khi như biến thành một nhân vật bông lòn nhưng tốt bụng. Tiếp đến điệu “Đường trường sa lệch” dịu dàng, tha thiết đượm chút u sầu mà không phải là ai oán, đó là thứ ngậm ngùi nhẫn nại bao dung — (thứ nhẫn nại của những hình ảnh nghèo nàn Tâm đã gặp); — tiếng trống lúc ròn lúc đục, tiếng phách nhấn vào những dịp mạnh, tiếng nhị, tiếng hồ kẻ lể, tiếng tiêu như vắng theo gió chiều tự động nội tràn vào. Điệu “Thề nguyện” gợi cảnh đôi trai gái dắt tay nhau đi vào mùa xuân của đời, đi vào mùa xuân của vũ trụ có bướm bay như hạnh phúc, có hoa nở như tình

yêu; họ đi trong một thế giới quân bình giữa tình cảm với lý trí, họ vui nhận cuộc đời, hòa mình với sự sống rộng lớn, bàng hoàng tha thiết như Kim Trọng gặp Thúy Kiều bên dòng nước trong veo.

Bỗng có tiếng đàn bầu làm Tâm ôm mặt gục xuống bàn. Chàng không hiểu là bài gì, tiếng đàn thánh thót nỉ non gợi lên một cái gì vô cùng đau thương nhưng cũng vô cùng đạo đức như hình ảnh một em bé mồ côi cha, dắt bà mẹ lòa qua một khu rừng khuya. Dù rừng nhiều yêu ma, dù rừng nhiều thú dữ, dù rừng dày đặc hơn đêm, khúc khuỷu hơn núi, mênh mông hơn đại dương, thì em bé chí hiếu vẫn dẫn được mẹ thoát khỏi rừng tìm thấy ánh sáng. Tâm tưởng mình dường đi như bay như biển giữa một cánh đồng lúa xanh thơm ngát, chân xéo lên những khuôn mặt xảo trá khiến chúng ngã gục vào hư vô. Tâm muốn thét lên: “Ôi, dòng sông, cánh đồng năm ngàn năm của chúng ta, mênh mông thanh thản dưới mắt

nhân loại kẻ nào mà làm hoen ố nổi?”

Cửa mở . . . Tâm gặp lại người quen: tiền thân của chàng lần này mặc áo võ biên và dìu chàng xuống cùng thuyền. Nhìn ra phía trước, nhìn lại phía sau để có tới năm chục thuyền chiến như vậy đương cùng tiến vào một cửa sông. Đi được một quãng thì sông mở rộng ra như một cái vịnh. Có tiếng thì thào: “Lục đầu giang! Lục đầu giang!”, Tâm nhớ ra rồi, đây là một trong năm đạo quân của vua Quang Trung tiến ra Thăng long đại phá quân Thanh năm Kỷ Dậu.

Đoàn thuyền vẫn tiến, có chỗ thuyền chạm phải khúc sông bồi mắc cạn, cả đoàn quân trên thuyền nhảy ủa xuống cột chèo vào thuyền rồi kéo. Nửa người ngâm dưới nước lạnh mà ai nấy điềm nhiên cong lưng đỡ người về phía trước cho thuyền nhích lên theo bước tiến của họ. Nhìn tiền thân trong đám quân nhân cứu quốc mà Tâm thấy thơm lây mặc dầu Tâm có

rùng người vì cảm thấy nước lạnh dưới sông như đương cắt thịt mình ra từng miếng ở trên này. Sau đó tiền thân thoát dẫn Tâm vào một thế giới kỳ lạ ở đó chàng bị chém làm hai mà không đau đớn...

. . . Tựa hồ có tiếng gậy của càn khôn.. Không, đó là tiếng vặn tắt radio. Tâm bừng tỉnh, Dung đã đứng ngay bên nhìn trách móc:

– Làm sao mà anh cứ để radio rồi gục đầu ngủ vạ ngủ vật trên bàn làm việc?

– Tôi ngủ quên đấy cô Dung ạ, tôi vừa mơ thấy tiền thân.

– Anh mơ thấy tiền thân?

Tâm gật đầu:

– Tôi được tiền thân dẫn vào một thế giới trong đó mình bị chém làm đôi mà không đau đớn rồi được lắp sang một thân mới khiến

tôi đi đứng nhẹ nhàng hơn, thân cũ của tôi lắp sang một pho tượng sống khác, mắt pho tượng đương xanh bỗng đỏ ngầu: pho tượng bắt đầu nhìn đời dưới một ánh sáng khác.

Dung lắc đầu, vẫn buồn bã như nụ cười của nàng:

– Em chẳng hiểu anh nói gì.

– Tôi cho rằng giá mình nuôi hồn bằng những tình cảm cao khiết thì mình đổi sang một thân khác nhẹ nhàng hơn, nếu nuôi hồn mình bằng những tham vọng hèn hạ thì mắt mình sẽ đỏ ngầu và nhìn đời qua một biên máu trào ra tự chính lòng mình.

Tiếng Dung thở dài:

– Em biết lời anh có lý nhưng sao anh cứ mơ về tiền kiếp mà không chút lưu tâm đến hiện tại?

Thấy Tâm im lặng Dung nói:

– Em về anh nhé.

Tâm ngừng đầu nhìn Dung gật đầu:

– Em về!

Lần đầu tiên Tâm gọi nàng bằng em. Khi cánh cửa đã khép, Dung đã về, Tâm chợt hối hận không giữ Dung lại để dạy nàng bài ca dao: “Đêm qua mưa bụi gió bay...” Trong đêm khuya, Tâm nhắm mắt lại để thấy nơi mình ở biến thành vùng quê với mái tranh hiền lành, với nền đất thơm mát, với nếp sống thủy chung. Có tiếng văng đưa kéo kệt và tiếng người thôn nữ — tiếng Dung tiếng Dung — ru lòng mình dưới bóng tre:

Đêm qua mưa bụi gió bay,

Gió rung cành bắc gió lay cành vàng.

Em với anh cùng ở khác làng,

Nào em có biết ngõ chàng ở đâu.

Giấc mơ tiền kiếp hình như lần này đem thanh thoi lại cho tâm hồn Tâm. Quả thật phần cao quý giới đã phân phát đều cho mọi người, kẻ nào phí phạm phần đó kẻ khác lượm lấy chẳng mất đi đẳng nào. Giả trị con người theo Tâm là nơi con người tự xây dựng lấy bằng vốn đó. Chẳng ai làm bản được mình cũng như mình chẳng thể làm bản được ai dù mình nắm trọn quyền hành. Chỉ những hiện thân của u tối, của thiện cận mới tưởng rằng nắm được quyền hành là nắm vững lòng người.

Hãy quay trở về với chính mình – Tâm nghĩ vậy – vun xới tâm hồn mình là chuốt lọc danh dự cho dân tộc, là gieo hương hạnh phúc cho đồng loại. Những tên khát máu không dìm được dân tộc – một đơn vị nhỏ của nhân loại – vào biển máu, những tên nham hiểm không chụp được dân tộc vào mưu cơ gian xảo của chúng, những tên bất tài vô liêm sỉ ưa bạo dòn hót nhưng muốn lịch sử ghi vào hàng vĩ nhân không làm bản được ai, không phá hoại

được năng lực sáng tạo của dân tộc thì việc gì ta phải hần học, găm thét với những bản thủ bên ngoài?

Giá trị của một dân tộc — hay của nhân loại — đặt mốc ở những gương chói lọi mà dân tộc đó đạt được. Đại diện cho người Việt đời Trần là Trần Hưng Đạo, là Trần Bình Trọng chứ đâu có là Trần Ích Tắc? Đại diện cho dân Ấn là Gandhi chứ đâu là tên hung đồ đã ám sát Gandhi? Đồng tiền cũng vậy, tự nó không có giá trị gì hết, giá trị của nó chính là ở lòng hy vọng lớn lao, ở niềm tin cao quý mà người dân gửi gắm vào người đại diện như người đi biển gửi gắm vào người thuyền trưởng. Cái vinh hạnh được quy tụ nơi mình những hy vọng, những niềm tin đã khiến bao vị thuyền trưởng sống chết với con tàu, cố sao làm tròn sứ mệnh. Cánh đồng và dòng sông năm ngàn năm của chúng ta kẻ nào mà làm hoen ố nổi?

Thế rồi . . .

Việc đến đã đến!

Trước ngày dời cố đô Hà Nội đã có một lần Tâm toan dùng chiếc áo lót mình rách vừa thay để lau chân, sực nhớ lời mẹ dặn chớ nên phạm điều bất nghĩa dù nhỏ đến mấy nên thôi. Sau này chàng còn mặc chiếc áo đó xuống tàu di cư.

Cầu hàng không, cầu hàng hải đi đi lại lại không ngớt, thoát đã 80 vạn người ra đi... Họ ra đi và mang theo tổ quốc vào Nam. Những người bị ghèn hoặc buộc lòng phải ở lại bèn thu tổ quốc ủ vào trong cùng thẳm của trái tim.

Ở mọi nơi, ở mọi hoàn cảnh tổ quốc vẫn không hề bị xúc phạm. Đúng như ý nghĩ vững vàng tha thiết của Tâm: “Cánh đồng và dòng

sông năm ngàn năm của chúng ta kẻ nào mà
làm hoen ố nổi?”

DOÃN QUỐC SỸ

VỀ CÁI CHẾT CỦA MỘT NGƯỜI BẠN Ở PHI TRƯỜNG BẠCH MAI

VƯƠNG TÂN

BƯỚC chân lên con đường nhựa lòng
tôi xốn sao lạ thường, trên đỉnh ngọn
cây trắng hạ huyền đỏ cách, gió đêm xào xạc
lạnh. Trong cái cảm nín lặng lẽ của đêm trường
thỉnh thoảng một hồi súng nổi lên lẻ loi đơn
độc nghe buồn thấm thía, lòng xốn sao nao
nức của tôi dài mãi theo quốc lộ số một.

Tôi đi vào đám cỏ may mọc ở bên vệ
đường như thuở bé tôi vẫn làm thế để về nhà

bị mắng và có việc làm thích thú là nhặt cỏ may bám trên gấu quần. Mới xa những con đường nhựa và Hà Nội có ba năm trời mà tôi thấy tất cả có vẻ như khác hẳn đi, con đường đá trắng nhựa đầy bóng tối vẫn là con đường những ngày nghỉ học tôi đạp xe đạp xuống Tía, xuống Lịm về làng chơi, vẫn con đường quen thuộc nhưng bây giờ thì có vẻ như đây mới lạ.

Xa xa Hà Nội sáng rực lên, một vùng ánh sáng đầy quyến rũ, tôi cúi đầu đi nghĩ tới trận đánh hàng Dầu, chợ Đồng Xuân, những ngày sống trong Liên khu một. Đơn vị xung kích 48 vẫn lặng lẽ bước đều, bốn tiếng đồng hồ hành quân không ngừng nghỉ, chúng tôi chưa ai cảm thấy mệt. Từ căn cứ địu ở một dãy núi miệt Hà Đông ra đi chúng tôi ai nấy lòng tràn đầy hân hoan. Những bức tường, những mái nhà, những góc phố tuy chỉ là của ngoại ô Hà Nội, cũng làm tôi xúc động và có cảm tưởng như một cái gì rất thân yêu của mình. Bốn

cái cột cao vút của sở vô tuyến điện Bạch Mal sừng sững đằng xa, ánh sáng của thành phố hình như sáng hơn, bầu trời vẫn đục sương mù có vẻ cao hơn lên (so với lúc chúng tôi mới khởi hành). Con đường nhựa tự nhiên rung chuyển, nghe đất chuyển động tôi xúc cảm mạnh, ở phía trước một chiếc xe tăng nào đó băng qua đường đã vô tình gắn liền tôi vào quốc lộ.

Quãng đường nhựa theo chiến lược chúng tôi phải đi qua đã bắt đầu hết, chúng tôi rẽ xuống cánh đồng và sửa soạn bước vào những giây phút quan trọng của đời người. Con đường bờ ruộng lầy lội như hoang vắng, một cảm giác trống trơ đầy hồn tôi. Đội mở đường đã trở về, họ ngồi nghỉ tất cả bên vệ đường số một, nhìn những người lính bạn ngồi trên đám cỏ may tôi thêm thương được như họ quá. Anh bạn đồng ngũ của tôi đi đằng trước đang bước nhanh bỗng chậm lại, tôi vẫn bước đều.

– Cái gì đấy Hoài?

– Tao nhớ Hà Nội quá Nam ạ.

Tôi im lặng nghĩ đến những ngày nghỉ hè rồi thành phố về làng quê, nhớ nhà, nhớ đàn chim sẻ riu rít trên mái ngói nâu, nhớ nắng trên đường nhựa, nhớ cái im lặng của buổi trưa đường Quan Thánh. Tôi vẫn cúi đầu đi, trăng hạ huyền vẫn tỏa ra một thứ ánh sáng đỏ nhạt, gió đêm như có vẻ thêm lạnh, cây súng trên vai tôi bỗng có vẻ nặng trĩu. Chúng tôi đã đến gần phi trường Bạch Mai, thấp thoáng hàng rào thép gai và những ngọn đèn điện hàng trăm nến sừng sững hiện lên. Một cảm giác gai gai chạy khắp người tôi, rồi hàng rào thép gai lóe ra trăm nghìn tia sáng, trông to lớn đến ghê khiếp rùng rợn. Tôi vẫn bước đều tay mân mê bóng súng, máu tuổi trẻ, máu tuổi mười tám bốc lên mặt tôi rùng rục, tôi nghĩ đến Vân, người con gái ở đầu phố, ngày hai buổi đi học về tôi đi qua nhà nàng và trao

đối với nàng những cái nhìn rất dài. Vân đã rời Hà Nội trước tôi rất lâu, tôi đã chiến đấu ở nhà Văn cho đến lúc căn nhà này chỉ còn là một đồng gạch vụn. Một loạt đạn xanh đỏ bắn lên trời, tôi chỉ còn kịp nghĩ tới mất Vân thì lệnh sửa soạn chiến đấu đã bắt tôi xa Văn.

Một loạt tiếng nổ lớn vang lên, tôi vượt qua hàng rào thép gai nằm bên bờ tường, nhiều đám cháy bốc lên sau tiếng nổ, những chiếc phi cơ to lớn nổ tung, những con vật vô tri giác tàn nhẫn mà tôi hằng khiếp sợ trong cuộc đời cầm súng, tất cả đang làm môi cho lửa. Mùi ét-xăng cháy bốc lên, một cảm giác mạnh tạt vào người tôi. Tôi và Hoài nằm nép vào bờ tường mắt đăm đăm hướng về phía đồn trung ương của địch, nhất là các lỗ châu mai. Vài bóng người lính bạn chạy thoáng qua mắt tôi rồi những ổ súng trong đồn trung ương của địch khác đạn, lửa toé ra từ những lỗ châu mai, con người thật cảm thấy cô đơn và bé nhỏ tầm thường. Thuốc súng cháy toát

ra một mũi hăng hăng, máu trong người tôi lưu thông hấp tấp, cái giá lạnh của không khí nửa đêm về sáng đã đi đâu từ lúc nào tôi cũng không biết nữa, người tôi nóng ran như muốn bốc cháy. Những bóng người vạm vỡ từ đồn trung ương của địch lao ra, tôi bấm cò súng, khẩu súng giật mạnh, tiếng nổ làm tôi choáng váng, tôi chợt để ý đến bãi cỏ xanh rờn phía trước mặt mà lửa đang liếm tới gần, người lính đối phương bị tôi bắn trúng đạn ngã sấp xuống bãi cỏ. Hoài vẫn nằm im, tôi chắc Hoài đang nghĩ đến mấy người anh bỏ Hà Nội đi lên miệt biên giới hồi nào. Các anh Hoài đi Vĩnh Yên, Phú Thọ căn cứ của những đảng quốc gia đối lập. Một loạt đạn rồi nhiều loạt đạn bắn về phía chúng tôi, tôi và Hoài nằm bẹp xuống đất, trên không gian đạn bay vèo vèo vẽ lên những tia sáng nhằng nhịt như chớp. Hoài ghì súng trên vai và có vẻ như đang khóc, tôi chắc Hoài đang buồn gia đình Hoài hình như ở lại Hà Nội, ở hậu phương Hoài chỉ có độc nhất một người thân là cô gái em một người bạn trai

của chàng. Hoài yêu người con gái này trong những ngày chàng theo trường chạy bom Nhật về Hà Đông. Đạn réo lên trước mặt chúng tôi, những đám cháy tàn dần, thấp thoáng đằng xa có nhiều bóng đen tiến về phía chúng tôi. Hoài nổ súng, phát đạn của Hoài bắn khiến tôi bàng hoàng cả người. Khẩu lệnh rút lui ban ra rồi có tiếng nổ rất lớn trên đầu chúng tôi, tôi thiếp đi.

* * *

Chuyến tàu điện Yên Phụ — Kim Liên đánh thức tôi dậy, đã lâu lắm tôi mới được ngủ một giấc tràn đầy. Ngoài sân nắng nuột nà sắc vàng điệp lấp lánh trên luống cải xanh một màu xanh mát rượi, màu sắc hòa hợp trông thật ngon mắt. Tôi tung chăn choàng dậy và quơ chân xuống dưới gầm giường tìm đôi guốc mộc đi vào chân, trên mái nhà đàn sẻ riu ra riu rít, tôi bước một mạch ra bể nước mưa, vục chậu thau vào bể mức nước rửa mặt. Hơi

nước mưa mát lạnh thấm vào khăn mặt ướp lấy làn da khô cằn của tôi, khiến tôi nghĩ có nhẽ đêm hôm qua mình thức khuya, một cảm giác êm dịu dàng lên trong người, tôi tin hôm nay là ngày chủ nhật.

Chủ nhật tôi sẽ qua nhà Vân và chúng tôi sẽ sóng đôi nhau đạp xe đạp lên Voi phục. Tôi mặc quần áo và trịnh trọng dắt xe ra đường để đi đến nhà Vân. Con đường ngắn ngủi từ nhà tôi đến nhà Vân tôi có cảm tưởng như mới lạ, đường nhựa bóng trơn lá rụng đầy, gió sớm mai dịu mát thoảng hương hoàng lan cốm mới. Bên lề đường những cô gái làng Vòng óng chuốt trong bộ quần áo nâu sồng thôn ố, dáng đi mềm dịu, nhẹ nhàng quẩy đôi thùng nhỏ xinh xắn với chiếc đòn gánh đặc biệt một đầu cong vút. Dáng đi duyên dáng uyển chuyển của cô hàng cốm khiến tôi nghĩ tới những hạt cốm đầu mỏng manh xanh màu lá lúa, thơm mùi dòng dòng, một cảm giác thềm thuồng những hạt cốm xôn xao trong người tôi.

Khi gần đến nhà Vân thì tôi gặp nàng, hai đứa chúng tôi bỏ ngõ nhìn nhau và gửi gắm cho nhau những nụ cười cởi mở. Vân đến tìm tôi, tôi đi tìm Vân, hai kẻ tìm nhau gặp gỡ ở ngoài đường.

Chúng tôi sóng đôi đạp xe lên Voi phục. Đường ra ngoại ô lấp lánh ánh nắng sớm mai, nắng sớm mai khiến người ta có cảm giác khỏe khoắn. Gió rì rào trên cột dây thép, tiếng chuông tàu điện leng keng, hai bên đường đồng ruộng tấp nập người canh tác, những con sáo sậu sáo đen riu rít trên lưng trên cổ mấy chú bò vàng

Đến Voi phục chúng tôi chọn một gốc cây nhiều bóng mát cạnh dòng nước chảy lờ lững và rải giấy ra đất ngồi trò chuyện. Những chuyện nhớ nhung những lời tình tự phơi bày hết ra. Gió thổi nhẹ trên ngọn cây, vài chiếc lá khô xào xạc rụng chao đi chao lại trong không khí rồi lác đác rơi xuống mặt nước, mặt nước

phẳng lặng xanh một màu xanh rêu xao động. Nhìn xuống mặt nước tôi rùng mình, người ngồi cạnh tôi không còn là Vân nữa, một người hoàn toàn khác lạ, Hoài. Hoài đang ngồi khóc bên tôi, thời gian lúc ấy là một buổi chiều, dòng nước chảy biến thành con đường nhựa, gốc cây là một góc tường xém lửa. Tôi cảm thấy tức giận, phần nộ đầy ngực. Trời nhiều mây xám, không khí như tức thở, xa xa hình như có nhiều đám cháy, trên trời giữa những đám mây xám có một chiếc tàu bay lượn vè vè. Tôi cúi đầu nghe Hoài kể lễ.

Hoài nhớ đoàn chim sẻ ngập ngừng riu rít, Hoài nhớ tới mái nhà bốc lửa, chàng băn khoăn không biết đàn chim bé nhỏ sẽ lưu lạc đi đâu. Cha mẹ Hoài còn ở Hà Nội, lũ em bé dại, bà mẹ già nua, Ông bố yếu đuối, tất cả ra sao, chắc khổ sở lắm. Các anh Hoài lưu lạc tha phương trên mạn biên giới có nhẽ đến chết hết cả. Hoài muốn sống, sống trọn tuổi hai mươi, chàng nhớ mãi những đêm cuối

cùng của tháng mười một năm 1946, những đêm gặp gỡ Tâm. Hoài hiên ngang như một vị anh hùng, Tâm yếu đuối như một tiểu thư khuê các. Nguồn tin Tâm bị rơi vào tay quân đội Pháp trong một cuộc hành quân nào đó đã làm Hoài buồn thêm rất nhiều. Hoài ước mong cuộc chiến tranh vô lý này chóng chấm dứt, chàng hy vọng mình còn được sống đến ngày tàn chiến tranh. Những tà áo màu bay, những nụ cười tươi vui, những ánh mắt hớn hở tất cả vắng bật đâu hết.

Một tiếng nổ kinh hoàng bụi bốc mù mịt đầy trời, tôi tối tăm cả mắt mũi và cảm thấy cô đơn cùng đau ê ẩm khắp người. Sự mệt mỏi nặng chiuu người tôi, nhưng thật kỳ dị tôi lại có cảm giác mình như bồng lơ lửng bay trên không trung. Rồi bỗng tự nhiên tôi bị ngã một cái ngã hoàn toàn vô lý và vô cùng đau đớn. Tôi mở mắt ra và chẳng nhìn thấy gì hết, chung quanh tôi bao phủ một thứ ánh sáng chập chờn như mù mờ, không khí nặng chiuu

mùi ê-te và cồn. Ô, tôi nằm trong lòng đất, tôi ở một thế giới cách biệt với loài người, tôi thấy đầu đầy văng vẳng có tiếng động. Tôi im lặng hồi tưởng lại những giây phút vừa qua, tôi nhớ đến Hoài, Hoài đâu rồi, tôi vừa chiến đấu cạnh Hoài ở phi trường Bạch Mai tại sao bây giờ tôi lại nằm đây. Tôi quá hoang mang, một cảm giác rờn rợn ghê sợ xâm chiếm trí não tôi, sự đau đớn lại dày vò giằng xé những thớ thịt những khớp xương của tôi, tôi nhớ tới những chiếc tàu bay bốc lửa, bốn chiếc cột của sở vô tuyến điện cao vút, vùng ánh sáng chói chang, Hà Nội. À có nhẽ tôi bị thương. Mắt tôi đã nhìn rõ hơn trước, tôi thấy bao bọc chung quanh tôi là đất, bốn bề đất ẩm, tôi nằm trong một cái hầm chật hẹp, không khí khản khản mùi mốc, chung quanh tường đất cao vút như chiếc huyết độ nào tôi nhìn thấy ở nghĩa trang Hợp Thiện, hình ảnh thành phố thân yêu lại rõ mồn một trong trí não tôi. Tôi nằm im, tinh thần dần tỉnh táo, tôi nhớ tới Hoài, cái chết vất vưởng quanh tôi. Tôi bỗng tiếc hận là

mình không được chết, nếu tôi được chết bên bờ hàng rào dây thép gai, tôi được nằm xuống trong cái vinh quang của người chiến đấu cho xứ sở, gục ngã nơi quê hương thân yêu. Mùi gió Hồ Gươm, mùi cốm vòng, nắng thu nhàn nhạt một màu vàng huyền ảo, con đường xào xạc lá rụng, những tà áo nữ sinh tung bay, tất cả bóng dáng thân yêu của Hà Nội thuở nào đẩy hồn tôi. Một tiếng động khẽ vang lên mơ hồ đâu đây, từ một ngách hẻm có người xuất hiện, tôi mở mắt to.

– Ô Nam đã tỉnh.

Người chỉ huy của tôi xuất hiện, bộ mặt râu rầu của anh như thoáng vui. Tôi vẫn im lặng, tôi cảm thấy không khí như có vẻ nặng trĩu buồn, sau mỗi lần chiến đấu hàng ngũ lại vắng mặt một số người, tôi thường cảm thấy không khí như vậy.

– Mình cứ tưởng cậu cũng đi đứt như Hoài.

Tôi đã mất Hoài mất Hà Nội, mắt tôi mờ đi, quang cảnh trận đánh phi trường Bạch Mai chợt hiện cả dưới mắt tôi, bãi cỏ xanh lửa xém, người lính đối phương ngã gục lên trên, màu xanh nhuộm đỏ. Hoài đã trở về với Hà Nội trong sự vinh quang, tôi thềm được như Hoài, sự cô độc gồm ghiếc chiếm ngự tôi... Một cảm giác nặng nề đè lấy tôi, tôi cảm thấy tức ngực và khó thở, các mạch máu trong người tôi như ngừng chảy, mắt tôi hoa lên . . . Một phút trôi qua, thời gian thật màu nhiệm, tôi cảm thấy mình đổi khác, gió ngào ngạt hương cốm vòng pha lẫn mùi hoa soan, hoa bưởi, bóng cây vẫn mát rượi chum lầy đôi lứa chúng tôi. Tôi cúi đầu xuống mặt Vân, đôi mắt to và đen nhìn tôi ngẩn lẹ, thoáng trong không gian có tiếng chim gáy, buổi sáng thật im lặng, tiếng cá đớp bèo dưới ao nghe như mơ hồ. Tôi đã không hôn Vân một cách rất vô lý. Vân kể lể và rồi vặn hỏi tôi về sự vắng mặt của tôi ít lâu nay. Trời nắng hoe vàng. Tôi nghĩ tới những tia nắng trên tháp rùa, những đám mây trắng

bay lang thang trên nền trời xanh. Tôi quàng tay qua lưng Vân, Vân đi đâu mất rồi, tay tôi đang vòng qua một gốc cây sần sùi, chỗ tôi ngồi có vẻ như lún xuống, lún mãi xuống . . .

Đằng xa trên một con đường cao nhiều gió, tôi thấy Vân ở cuối tầm mắt, nàng đi một mình tà áo trắng tung bay, dáng Vân thon nhỏ nghiêng nghiêng. Tôi đứng lên, cổ vùng đứng lên nhưng thật kỳ lạ, có một bàn tay nào đó đẩy tôi xuống, đẩy rất mạnh, một bàn tay lông lá, cái hố chôn tôi có vẻ sâu thêm mãi, Vân khuất khỏi tầm mắt tôi. Bỗng thoáng qua có bóng người nào như bóng Hoài đi trên đầu tôi. Hoài đi với rất nhiều người, hình như những người thân yêu của Hoài thì phải, tất cả cười nói xôn xao. Tôi chợt nhận ra mình bị người lính đối phương gục ngã trên đám cỏ xanh ở phi trường Bạch Mai đang chìm xuống. Đầu tôi nặng trĩu.

BÀI THƠ TRONG PHỐ VẮNG

anh đi hoang vu trên con đường ướn lạnh

và nhớ em em biết không tiếng dương cầm
còn thánh thót bên tai

anh yêu bàn tay nhún nhảy những ngón nhỏ
thon dài

trên phím ngà từng âm thanh ca múa

mưa rơi mênh mong mưa đầy đường phố

trên hè gạch băng khuâng anh bước một mình

trời xám cô đơn hàng cây buồn rũ rượi

những mảnh tường hoang nem nép tâm tình

sao mưa Sài Gòn lại lên màu Hà nội

sao muôn người không nhớ lại nhớ một mình
em

nhớ miên man từng giọt nước nhỏ bên thềm

nghe xao xác trận gió lùa nghiêng ngả

anh đứng dưới mái hiên mà lòng sao buồn quá

cửa người ta đóng mà mình cứ u hoài

trong tâm tư bao quá khứ đi dài

về hiển hiện theo những giọt mưa buồn tí tách

anh nhớ em em biết không bây giờ anh chỉ
trách

sao nước ta chia sẻ để chúng mình phải xa
nhau

khoảng thời gian lâu quá là lâu
đến bao giờ thì gặp nhau em nhỉ
mưa vẫn rơi hoài như tiếng đời thủ thỉ
nhưng anh mỉm cười và nhớ lại ngày xưa
một ngày xưa trời cũng khóc và tình cờ
mình gặp gỡ và yêu nhau liền có phải
ô ngày xưa giọng cười em đuổi mãi
với tiếng đàn mê mãi rót âm thanh
ôi bàn tay nhún nhảy không nhớ mãi sao đành
còn chi nói là bóng ai đầy khoé mắt
em Hà Nội bây giờ tin hẳn bật
anh Sài Gòn mưa nắng vẫn thương em

ngày tháng qua đi kỷ niệm cũ êm đềm
còn gợi nhớ trên những nẻo đường đan díu
buồn chi lắm buổi chiều hoang lạnh lẽo
cơn mưa dài từng ý nhớ rơi rơi
sầu không gian dang dặc bốn phương trời
anh tự hỏi em vẫn là em trước
anh tự hỏi bao giờ thì đất nước
sẽ không còn ngăn cách một dòng sông
ta lại nhìn chung một dáng mây hồng

DUY THANH

LỊCH SỬ

Tôi mở mắt và nghe mình rõ lệ

Những trận giặc kéo dài qua nhiều năm

Nhân loại đau buồn kể lẽ

Thành phố bị chiếm tiêu điều

Làng mạc héo khô trong cơn điên cuồng tàn bạo

Tôi mở mắt nhìn

*Anh là người hậu chiến hồn hắt hủi bơ vơ ngoài
phố*

*Thương bằng hữu bỗng trở thành những kẻ tử
tù*

Hay chết giữa công trường một sớm mai

Sớm mai hồng miệng còn muốn nói

Lời ca ngợi mặt trời

*Và những bộ mặt hãi hùng hiện lên trong giấc
mơ*

(cho xin thêm niềm phần nộ)

Em là người hậu chiến

Mất nhiều hy vọng

Tìm tuổi trẻ ngác ngơ như kẻ dọn chiến trường

Quán rượu từng trận buồn đổ xuống

*Những cuộc tình duyên không dám nghĩ bao
giờ*

Lông ngực gầy vội vàng hơi thở

Em là bóng ma hay tiếng vang

Đâu con đường dài thơ ấu

*Bóng mát hàng cây sông nước mặn mà ruộng
vườn trinh khiết*

Như tuổi thơ như cánh hoa như chút sương

Ôi đau thương như nàng!

Một sớm mai tôi sức tỉnh bàng hoàng

Nghe cuộc đời mình gánh chịu

Định mệnh nằm trong tay

Tôi nhận niềm đau vô lý ấy

MAI TRUNG TĨNH

NGUYỄN ƯỚC

Cho tôi những ngày niên thiếu

ngõ hẹp

hai nhà nhìn nhau

Cho tôi như không bao giờ mất được

một con đường Dakao

Cô bé lạc loài không mẹ

nhìn sao

một đêm Sài Gòn rất cũ

Cho tôi căn nhà sàn Bến Cỏ

một người vợ

một người chồng

một đứa con

bên dòng sông

Hạnh phúc không còn

khi người đàn ông đi con đường định sẵn

người đàn bà yếu đuối

đứa nhỏ thơ ngây

Tôi níu làm sao được còng sắt lạnh

Lòng cát nước ròng

Những chân cừ cô quạnh

Cho tôi chiếc hôn mặn chát

Nước mắt hay nụ cười

Tình yêu hay tội lỗi

Nếu có Chúa cho tôi quỳ đêm nay

Người đàn bà sám hối

Ai cấm người ta yêu một lần trong đời

Căn gác thánh đường

hai tín đồ khóc vì quên cầu nguyện

Cho tôi những song sắt lạnh

màu tro trời hoang đảo

của thằng bạn không cùng niềm tin

chung một tình yêu oan trái

Những xích xiềng có thật

Những xích xiềng không hình

Cho tôi linh ảnh

một hồn người tạt nguyên

đi một thân người tàn phế

và đứa trẻ lớn khôn

đi trên xác tôi-bóng-tối buổi mai

TRẦN LÊ NGUYỄN

TÂM SỰ

Con đường vắng buổi trưa

Mái nhà và cửa sổ

Lá rơi đầy hè phố

Mây trắng bay bơ vơ

Những đêm của lịch sử

Một mình rét căm căm

Ngã tư buồn máu đổ

Trời lạnh lẽ không trăng

Tiếng chuông tàu điện vui

Áo màu như phấp phới

Năng lên tuổi trẻ cười

Hôm nay ngày Hà Nội

Buổi chiều không lời gọi

Lốp lốp người đứng lên

Những đứa con thành phố

Ngang tàng hơn sóng biển

Đại lộ cũng run run

Không nghĩ mình sỏi đá

Góc phố với bờ sông

Tâm sự đầy bao la

Người con gái e lệ

Mắt buồn cửa sổ hoang

Hàng cây cao gục đổ

Hè phố như chịu tang

Đàn chim sầu bã ngô

Mái hiên và người quen

Mưa rơi hơn lệ đổ

Nước chảy sông bình yên

Thành phố lên hương cốm

Cúi đầu tâm sự bay

Ngọn cây chơi với nắng

Buổi sáng trời nhiều mây

Đại bác mưa thành phố

Lịch sử những giờ câm

172 | Sáng Tạo số 25 _ 10.1958

Người chết người thương nhớ

Bâng khuâng và buồn dâng

VƯƠNG TÂN

THỦ ĐÔ

TÔ THÙY YÊN

HOÀN cảnh kinh tế phồn thịnh chỉ mới là điều kiện cần thiết chứ chưa là đầy đủ để một thị trấn trở thành một thủ đô. Thủ đô đúng nghĩa phải mang trên mặt nó những đường nét bằng kim thạch do lịch sử ghi tạc dần dà thế kỷ lại thế kỷ mà cả những nhà điêu khắc, những kiến trúc sư, những chuyên viên thành phố dù họ có tự cho, với tất cả kiêu hãnh thường tình của nghệ sĩ, đã kiến tạo nên những công trình to tát, huy hoàng ấy đi nữa thực ra cũng chỉ là những người thông dịch được cái nền nếp tâm tình cổ truyền của dân tộc trong đó pha hợp lẫn lộn các nỗi vui buồn, lòng thiết tha, niềm tin tưởng.

Bãi tha ma Campo Santo ở Pise còn làm chứng cho cái cao vọng của miền Địa trung hải đã bị những chiến thuyền của thành Genes chế phục; cái đà rướn hoa mắt của Manhattan biểu lộ cho sức sống sôi réo và háo thắng của Hiệp Chúng Quốc còn đương tuổi dậy thì; London với những ngân hàng khu City, những cầu tàu ở East End, những cung điện vàng son Westminster tượng trưng phần nào sinh hoạt nước Anh.

Hơn nữa, thủ đô không chỉ hằn là bấy nhiêu di tích hoang phế của nó thôi, không chỉ hằn là thứ dĩ vãng khô héo như đóa hoa ép giữa hai trang sách, như cánh bướm ghim trong hộp kính mà phải còn là một cuộc sống từng bừng kêu cầu dĩ vãng để tiếp tục sống lâu thêm, phải còn là một sự đồng lõa huyền bí giữa các quyền năng của con người với khí hậu thổ ngơi mà con người làm quen lâu năm chầy thảng để kết trở sai oằn, phải còn là những cơn giận dữ và những phép nhiệm màu của lịch sử

bất trắc, phải còn là một sân khấu tấp nập mà ở đấy con người tự ý hân hoan trao thân cho cuộc trình diễn lớn lao mà người ta gọi văn minh,

Thủ đô phải vừa là ngọn đuốc đủ sức soi sáng các khoảng nhá nhem của lịch sử, vừa là nẻo đường hướng về tương lai còn đương thời khẩn phá. Khối óc không phải là tất cả thân thể; thủ đô không phải là tất cả xứ sở nhưng nó phải là ý thức của xứ sở. Nó phải thôn tính sạch về nó những năng lực của dân tộc để nung đúc lại rồi phân phát ra bốn phương, đơm cho chúng một nguồn sáng mới. Nó phải là trái tim mà tất cả máu huyết xứ sở cần tụ tập lại để lọc rửa màu đen của thán khí rồi luân lưu về các tỉnh, đồ thăm, phổng dưỡng khí.

Paris đóng được trọn vẹn vai trò thủ đô gương mẫu. Nó không là thành phố rộng lớn nhất, đông đúc nhất thế giới. Nhưng không một thành phố nào khác sử dụng bằng Paris,

một khả năng thu hút những địa phương lân cận, không để chúng kháng cự lại. Du khách có thể tự hào biết nước Thụy Sĩ dù chưa đến Berne; biết nước Đức không cần đến Berlin; và Milan, Vérone, Venise, Florence, Sienne, Pise cũng cho phép du khách quay về của Ý Đại Lợi, một gánh hình ảnh chói mắt, bề bộn. Du khách có lẽ không bỏ qua New York nếu đã đến Hiệp Chúng Quốc nhưng thành phố với những giá đạu của thiên thần ấy chưa phải là thủ đô chính tông của Hiệp Chúng Quốc và cả dân cư New York cũng sẵn sàng đồng ý; Hiệp Chúng Quốc còn Washington, Broadway, Chicago. London dù là thương khẩu, ngân hàng của thế giới, dù là chính điện của lịch sử Anh Cát Lợi thực ra cũng không thu gồm tóm tắt ở nó các nét sinh hoạt quốc gia còn rải rác ở Oxford, Cambridge, Edinburgh chẳng hạn. Một tờ nhật báo lớn vào bậc nhất nước Anh xuất bản tại Manchester. Ngược lại, khó mà quan niệm một tờ báo Pháp ngữ xuất bản tại Bordeaux, tại Lille có thể hơn là một cơ

quan riêng biệt của vùng Aquitaine, của vùng Flandres.

Husseri và Heidegger dạy ở Fribourg en Brisgau. Còn ai tưởng tượng nhà triết học lừng danh nhất nước Pháp dạy nơi nào khác Sorbonne hoặc Collège de France? Còn ai tưởng tượng một văn hào Pháp xuất bản sách ở Rennes, một nhạc sĩ, một kịch sĩ Pháp tiếng tăm làm sự nghiệp ở Limoges, ở Nancy? Đôi khi sự sống của Pháp quốc cũng bùng lên ngoài Paris với tính cách quan hệ toàn diện quốc gia nhưng chỉ bùng lên như vậy trong một thời gian rất ngắn ngủi, trong vài tuần của một mùa, trong vài ngày của một kịch nhạc hội. Paris là lò sưởi của nước Pháp. Hơn nữa, Paris là Athènes ngày nay.

Tuy nhiên cũng có những thủ đô mà du khách ngoại quốc không làm sao giáp mặt được dĩ vãng. Đó là những thủ đô nắm, những thủ đô mọc lên trong một sớm một chiều nhờ

những bức bách đặc biệt của lịch sử, mọc lên trong những trường hợp tranh đấu gay go, chìm nổi của dân tộc mà chúng là bằng cứ hùng hồn của sức sống dẻo dai, của lòng thiết tha cùng ánh sáng. Chúng chưa có những nhân vật truyền kỳ và lịch sử, những di tích. Chúng chỉ mới khởi sự kiến tạo cho chúng sắc thái, nền nếp, phong tục, lễ nghi: sự hứa hẹn đi xa hơn của chúng là chắc chắn. Mới chào đời, chúng còn thừa sức lớn cao thêm gấp bội. Nhưng nhất định chúng vẫn không phải là những sự đoạn tuyệt vĩnh viễn với dĩ vãng của dân tộc theo trí tưởng tượng khinh miệt của vài người mà là những sự nhảy bậc tất nhiên của dân tộc trong dòng tiếp diễn vẫn đồng đều của lịch sử. Saint Petersburg được thiết lập vẫn không làm khác người Nga. Và lại, một dân tộc khi đã bị tàn mác thất lạc lại càng cố giữ gìn kỹ càng tinh trí của mình hơn lúc nào hết. Bởi vậy, các thủ đô trên thế giới đều có những khu riêng biệt của những người ngoại quốc lưu vong như là khu Do Thái, khu

Trung Hoa, khu Ả Rập, v. v...

Lịch sử nước Việt Nam, trong những nét chính đậm của nó, là lịch sử cuộc đi tìm một cánh đồng trù mật. Từ Phong Châu qua Cổ Loa, Hoa Lư đến Thăng Long, đáy chảo của đồng châu Bắc Việt. Rồi Huế là trạm nghỉ lấy sức của lịch sử trên đường chạy ủa vào Lục tỉnh, Đồng Nai.

Và Sài Gòn, ngoài gạch ngói cát vôi ra, còn được xây cất bằng kinh nghiệm tự vệ của dân cư. Như vậy, tiên đoán nó sẽ vững vàng lâu bền là phải. Nó không hề lạc loài, lơ lửng giữa thời gian như vài người lăm tưởng; nó là nhánh cây trái ngon ngọt được tháp ghép vào gốc cổ thụ là văn hiến Lạc Hồng. Trên đôi môi của dĩ vãng, nó là nụ cười của tương lai. Nó là phiến nam châm còn đương thời mạnh sức mà dấu hiệu: là Bàn Cờ, Bàu Sen, Sáu Lèo, Khánh Hội, v. v... (Một nhận định chung: những khu lao động tồi tàn, bẩn thỉu, hôi hám chính ra khô-

ng phải là những vết thương sẽ làm mệnh hệ thành phố như đa số thường nghĩ sai và lo sợ cho nó mà ngược lại, là những cơn bệnh dậy thì của nó. Chúng chứng tỏ rằng thành phố còn nằm gọn trong vòng khủng hoảng trưởng thành, rằng thành phố còn có thể mở mang, tô điểm thêm nữa được. Bức địa đồ Paris trước thời thị trưởng Haussmann và mãi đến bây giờ, vẫn lấm tấm đen những khu cần được ty vệ sinh can thiệp và bộ thiết kế giải tỏa).

Sài Gòn ngày nay với những hoạt động cần thiết cho danh nghĩa thủ đô của nó, như kinh tế, văn hóa, chính trị đã đủ sức đánh bật trong trí người lạ mặt sơ giao với nó, cái ý niệm cho rằng nó chỉ là một căn cứ thuần túy để cư ngụ, cái ý niệm lạnh nhạt của hôm nào. Thời gian bao giờ cũng là điều đòi hỏi duy nhất của sự vật để hoàn thành bầu không khí cổ kính, tôn nghiêm. Còn nữa, Sài Gòn cũng đương đào tạo những Michel Ange, Le Vau, Le Nôtre, Le Brun, Johan Strauss, Maupassant, Zola,

Apollinaire, Utrillo của nó để rồi những bậc tài hoa ấy thối trả lại vào hồn nó vô vàn hơi thở và tâm sự.

Du khách ơi, hãy coi thủ đô như lăng tẩm, chùa chiền, thánh địa, hãy coi cuộc viếng thăm như chuyến hành hương. Là hình thức thể hiện đầy đủ và dễ cảm nhất của ý niệm nhân quần, thủ đô như một công trình nghệ thuật, chỉ thực sự mở ngõ cho người muốn đi sâu vào nó với tấm lòng ngưỡng mộ bồi hồi, với tâm hồn sẵn sàng nghiêng mình, trố mắt. Du khách lịch duyệt là người thích dừng chân, biết dừng chân. Một khoảng trời. Một viên gạch. Một mảnh tường. Một cánh cửa. Tất cả đang âm thầm kể chuyện với người. Mỗi sự vật mang một linh hồn, đựng một tâm tình; chẳng lẽ người đã thấy mà chẳng nghe và đã nghe mà chẳng cảm thông sao? Chẳng lẽ người chẳng gặp César, Brutus ở Rome; Léonard de Vinci, Michel Ange ở Florence; Mozart, Beethoven, gia đình Strauss ở Vienne;

đôi tình nhân Tú Uyên ở Bích Câu sao? Chẳng lẽ người chẳng nghe thủ đô chầm chậm rót pha vào nỗi vui sống thường tình của người, mỗi u hoài ngất ngây cho kiếp người phù du so với đất trời như khi người nhìn xuống một con sông?

TÔ THÙY YÊN

QUYÊN

THANH NAM

TẤN gặp lại Quyên ở Sài Gòn. Hai người xa nhau đã bảy năm rồi, kể từ cái ngày mà Tấn rời Hà Nội vào Nam. Quyên nhận ra Tấn ngay từ lúc chàng vừa bước chân vào tiệm ăn. Nàng gọi thật lớn:

– Anh Tấn!

Mấy người khách ngồi bàn kế bên cùng giật mình quay lại tò mò nhìn Quyên, nàng cười, lấy giọng nói tự nhiên để che ngượng:

– Đây cơ mà, anh Tấn.

Tấn ngớ ngàng nhìn về phía Quyên một

chút rồi mạnh bạo bước tới. Quyên đứng dậy vừa cười vừa nói:

– Anh không nhận ra Quyên à? Chết thật, mới có bảy năm mà trông nhau đã làm ra vẻ lạ lùng!

Tấn ngượng ngịu ngồi xuống ghế đối diện với Quyên rồi ấp úng:

– Có. Tôi có nhận ra Quyên nhưng còn ngờ ngợ chưa dám quyết đoán.

Quyên cười, má lúm đồng tiền tuy đã hơi nhăn hai bên mép, nhìn Tấn:

– Trông anh vẫn chẳng có gì khác. Anh trông Quyên có gì thay đổi không?

Tấn còn đang lúng búng trong miệng tìm một câu nói xã giao thì Quyên đã lại tự trả lời:

– Già rồi. Năm nay Quyên đã hai mươi

bảy. Tuổi thân mà. Có phải không anh?

Quyên vẫn có cái lối nói chuyện ấy. Hỏi để rồi tự trả lời chẳng cần đợi ý kiến người mình hỏi. Tấn chậm rãi:

– Quyên chưa già đâu. Đừng vội lo.

Ngừng một lát, thấy Quyên không nói gì, Tấn lại lần thân tiếp:

– Tôi nói thật đấy. Trông Quyên vẫn như hồi hai mươi tuổi, cái hồi chúng mình mới gặp nhau ở nhà anh Bình ở hàng Trống ấy mà!

Quyên gật đầu, nhắc lại:

– Ờ... ờ... Cái hồi ở nhà anh Bình... Thấm thoát thế mà chóng thật. Thế từ hồi ấy đến giờ anh làm những công việc gì? Đã vợ con chưa?

Nhưng lần này Quyên cũng lại không để cho Tấn kịp trả lời, nàng nói ngay sang chuyện

khác:

– À, anh gọi gì ăn đi chứ? Chết thật, mãi nói chuyện mà quên cả ăn.

Và Quyên cười:

– Tôi ăn rồi, bảy giờ ngồi nhìn anh ăn để sống lại một chút kỷ niệm cũ ở Hà Nội. Anh ăn gì?

Tấn cúi xuống tấm thực đơn dán trên bàn tìm món ăn. Quyên vẫy tay gọi người hầu bàn lại rồi hỏi Tấn:

– Bánh cuốn nhé? Bánh cuốn ở đây khá lắm. Hay là phở gà? Tôi vừa ăn phở gà xong đấy. Không thua gì phở gà Davignieu ở Hà Nội đâu!

Tấn bật cười lắc đầu nhìn Quyên:

– Ừ thì phở gà.

Quyên cũng cười:

– Ấy, tính tôi vẫn thế. Bị bạn hữu chế diễu bao nhiêu lần rồi mà vẫn không sao đổi được. Có nhiều khi tôi đang nói chuyện này lại đâm sọt ra chuyện khác. Thật chẳng ra làm sao cả!

Thật chẳng ra làm sao cả: Câu nói ấy, bảy năm rồi, bây giờ Tấn được nghe lại ở miệng Quyên. Ngày trước, chàng thích nghe Quyên nói câu ấy lắm. Chàng cho là Quyên đã nói câu ấy bằng một giọng thật là nũng nịu, dễ thương. Thói quen của Quyên là bao giờ cũng kết thúc của chuyện của mình như vậy. Thật chẳng ra làm sao cả! Bảy năm trước, bảy năm sau vẫn câu nói ấy. Không hiểu ngày nay Quyên ra sao? Tấn định hỏi thì người hầu bàn đã mang phở tới. Quyên tự tay so đĩa đưa cho Tấn. Chàng cảm động vì cái cử chỉ săn sóc ấy lắm. Trong khi Tấn ăn thì Quyên cúi xuống đọc một tờ tuần báo cũ. Tấn chợt ngừng ăn nhìn trộm Quyên. Nàng già thật rồi. Chất phấn hồng nhờ

chất trên da mặt bị mồ hôi chảy lan xuống để lộ ra những nét nhăn. Đôi tay nàng gầy ốm và xanh xao khác hẳn ngày trước, đôi tay mà Tấn vẫn thường ví là những bàn tay bày trong tiệm kim hoàn ở phố hàng Bạc. Cặp lông mày Quyên nhú lại. Trán nàng xếp thành từng lớp nhăn nhỏ. Tấn khẽ thở dài. Quyên giật mình ngừng lên. Tấn vội vã cúi xuống bát phở đang ăn. Nàng hỏi:

– Anh sao thế?

Tấn gượng cười:

– Không. Tôi vừa ăn phải miếng ớt cay quá.

Quyên gấp tờ báo lại đặt lên bàn:

– Anh có uống cà phê thi liệu mà kêu trước đi không có ở đây chờ lâu lắm đấy.

Tấn lắc đầu:

– Cà phê ở đây chắc không chuyên môn. Tôi biết một chỗ có cà phê tuyệt lắm. Để ăn xong rồi chúng mình cùng lại đây. Nhưng mà Quyên không bận việc gì đấy chứ?

Tấn lại nhìn thấy lúm đồng tiền trên má Quyên:

– Bận việc gì thì cũng phải xếp lại hết để đi chơi với anh sáng nay.

Ra khỏi tiệm ăn, hai người đón một chiếc taxi đi về phía Tân Định. Ngồi trên xe, Quyên mở ví lấy gương ra soi lại những nét phấn bị ố trên mặt. Tấn làm bộ chăm chú nhìn sang bên đường.

Xe dừng lại đầu một con đường nhỏ. Tấn trả tiền xe bước xuống trước. Quyên ngạc nhiên:

– Tôi rồi hả anh?

Và nàng xếp hộp phấn vào trong ví, sửa vội lại mái tóc rồi bước xuống. Tiệm cà phê vắng khách. Tấn chọn một chiếc bàn ở chỗ khuất nhất để tránh sự để ý của mọi người. Vừa ngồi xuống ghế là Quyên đã hỏi ngay:

– Đạo này, anh làm gì?

Tấn chặc lưỡi:

– Làm thật nhiều nghề nhưng không có nghề nào chính cả.

Và, chàng kêu một ly cà phê phin. Quyên gọi một ly nước cam tươi. Quyên thở dài:

– Anh có hay gặp bọn các anh Bình, anh Hải đâu không?

Tấn vừa định trả lời thì Quyên đã chép miệng, nói tiếp:

– Nghe nói các ông ấy vợ con cả rồi. Thế

còn anh?

Tấn lắc đầu, cười mỉm.

Quyên nheo mắt nhìn Tấn:

– Chắc ông còn kén phải không? Tam thập nhi lập, ba mươi tuổi rồi anh còn định để đến bao giờ nữa?

Tấn không đáp. Chàng cúi nhìn ly cà phê. Ở trước mặt chàng bây giờ là người mà ngày xưa chàng đã từng say đắm, ước mơ. Vốn tính nhút nhát, chưa bao giờ Tấn dám nói thẳng với Quyên điều đó. Cho tới ngày nghe tin Quyên sắp sửa lấy một thương gia ở phố Hàng Đào thì Tấn mới thấy rằng sự ngổ lời với Quyên lúc đó đã quá muộn. Bạn bè của hai người, ngoài Bình ra, không một ai biết chuyện đó. Chàng ôm mối thất vọng của mối tình đầu tiên vụng dại ấy đi xa Hà Nội.

Hôm Tấn vào Nam, trong số bạn bè ra

tiền ở phi trường, có cả Quyên. Nàng tặng chàng một tấm ảnh, mặt sau có viết mấy chữ: Nhớ đừng quên Quyên nhé! Ngồi trên máy bay rồi, Tấn còn đọc mãi hàng chữ ấy. Tại sao Quyên lại viết cho chàng như vậy? Tấn không sao hiểu được Quyên định nói gì trong những lời đề tặng kia. Rất có thể là những lời dặn dò thiết tha mà kín đáo và cũng rất có thể là một câu nói bằng hữu vô tình. Vào đến Sài Gòn Tấn vẫn không sao quên được Quyên. Chàng mang tấm ảnh thân yêu đó ở trong ví không lúc nào rời. Bao nhiêu mối tình đã nhạt, bao nhiêu hình ảnh thiếu nữ đã qua, Tấn vẫn chỉ nhớ có một mình Quyên. Giọng nói nũng nịu, cặp mắt đen nhánh với những riềm mi cong vút của nàng là những giấc mơ thường xuyên của Tấn. Những ngày đầu ở Sài Gòn, mỗi một tuần, Tấn lại viết một lá thư cho Bình hỏi thăm về Quyên. Thư Bình trả lời thường thường có những câu:

– Mỗi lần gặp Quyên, nàng lại nhắc đến

cậu.

hoặc:

– Nàng định viết thư cho cậu nhưng sợ không tiện nên chỉ nhờ tôi gửi lời thăm cậu mà thôi.

Đại khái, bao giờ Bình cũng nói đẹp đẽ cho Quyên. Một năm trời liền như vậy. Tấn đã sống trong tình yêu thơ mộng với Quyên qua những lá thư của Bình. Chẳng bao giờ Tấn dám hỏi Bình rằng những lời lẽ kia có đúng là Quyên nói thật hay không. Chàng rất sợ giấc mộng của mình bị vỡ. Ít lâu sau thì Bình bị gọi động viên khóa đầu Nam Định. Rồi từ đấy chiến trận đã bắt Bình phải xa Hà Nội. Tấn không còn ai cho tin tức về Quyên nữa. Bạn bè mỗi đứa một nơi. Bởi Bình lấy vợ, Hải cũng lấy vợ nốt. Tuấn bỏ ra khu rồi bị chết ở ngoài đó. Mấy cô bạn gái những nữ diễn viên tương lai của ban kịch do Bình thành lập – cũng ngày một, ngày hai lấy chồng cả.

Cái sân khấu bé nhỏ của bọn Tấn ở phố Hàng Trống hồi đó tan rã ngay khi Bình tốt nghiệp lớp sỹ quan Nam Định. Giấc mộng của bọn người định “tung hoành” trên sân khấu Nhà hát lớn Hà Nội không bao giờ thành nữa. Bình đem vợ con vào Nam gặp lại Tấn đã mỉm cười khi nghe chàng nhắc lại chuyện cũ. Tấn có hỏi thăm Bình về Quyên nhưng Bình cũng chẳng biết gì hơn Tấn, từ sau ngày nhập ngũ. Từ đấy, Tấn yên chí là sẽ không bao giờ còn gặp lại Quyên nữa.

Chàng biết rằng nếu Quyên có mặt trong số những người di cư thì thế nào chàng cũng sẽ được gặp lại ở Sài Gòn. Nhưng trong số những bè bạn cũ ở Hà Nội, Tấn vẫn thấy thiếu Quyên. Cho tới bây giờ, giữa lúc mà Tấn không ngờ đến nhất thì chàng lại gặp lại Quyên. Cuộc gặp gỡ này đã không đến nỗi cảm động như từ lâu Tấn hằng mong ước. Nó giản dị như cuộc gặp gỡ giữa hai người bạn trai. Tấn không tìm thấy ở đây một chút dư hương nào của mỗi

tình xa xưa của chàng.

Tiếng Quyên chột cất lên:

– Kìa, anh! Nghĩ gì mà quên cả uống cà phê thế?

Tấn giật mình nhìn xuống mặt bàn. Ly cà phê đã chảy ràn cả ra ngoài. Chàng nhắc chiếc phin ra rồi cho vội mấy thìa đường vào ly, khẽ quấy.

Quyên cười:

– Trông anh đây vẻ thi sĩ. Đạo này anh còn làm thơ như hồi còn ở Hà Nội nữa không?

Tấn lấy thuốc lá ra hút:

– Bây giờ đổi nghề rồi. Lâu lắm, tôi không cầm đến bút nữa!

– Nhớ cái đạo ở Hà Nội – Quyên tiếp –

anh vẫn thường viết những bài thơ treo đầy cả tường. Cái dạo ấy sao chúng mình sung sướng thế nhỉ? Mỗi lần Quyên đến thăm anh với anh Bình là thấy các ông say sưa bàn chuyện nghệ thuật.

Qua làn khói thuốc, Tấn thấy mắt Quyên khê chớp. Giọng nàng trầm hẳn xuống:

– Quyên nhớ một lần ở nhà anh Bình, mọi người đang tập vở Phạm Thái – Quỳnh Như thì trời đổ mưa. Anh Bình giữ cả bọn ở lại ăn cơm, mãi tới khuya mới về. Hôm ấy về nhà, Quyên bị một trận nắng khá đau. Tình ngay mà lý gian. Giải nghĩa thế nào các cụ cũng không nghe. Sau đó, một tuần lễ liền, Quyên không được bước ra khỏi cửa. Thế là vở kịch của các anh phải thay vai, Quyên không được đóng nữa. Nghĩ tiếc mãi. Rồi về sau cũng chẳng ra làm sao cả. Anh vào Sài Gòn còn Quyên thì ...

Nàng không nói hết câu, cúi xuống đưa

hai ngón tay lơ dang vẽ lên mặt bàn. Tấn hỏi để không khi đỡ nặng nề:

– Bây giờ, cuộc sống của Quyên ra sao?

– Cũng vậy thôi. Chẳng ra làm sao cả! À, anh đã biết mặt chồng Quyên chưa nhỉ?

Tấn mỉm cười, lắc đầu. Quyên mở ví tay lấy một tấm hình cỡ nhỏ đưa cho Tấn. Chàng đỡ lấy xem qua rồi trả lại nàng. Quyên lại đưa cho Tấn một tấm hình khác:

– Đây là hai đứa con của Quyên chụp hồi năm ngoái đây. Anh xem, con bé Hoa này có giống Quyên không?

Tấn đưa trả Quyên tấm ảnh:

– Chồng Quyên hiện nay làm gì?

Quyên cắt hai tấm ảnh vào ví rồi đáp khẽ:

– Chồng Quyên chết cách đây đã hai năm.

Tấn giật mình:

– Thế hiện nay Quyên ở đâu?

– Ở Nha Trang, anh ạ. Quyên ở đấy với cha mẹ chồng và hai đứa nhỏ này.

Lòng Tấn tự nhiên xót xa. Niềm thương cảm đối với Quyên tưởng đâu đã mất trong lòng Tấn bằng dào dạt trở lại. Chàng dụi mạnh điều thuốc vào chiếc đĩa gạt tàn, không hiểu nên nói với Quyên một câu gì trong lúc đó. Thật chẳng ra làm sao cả! Câu nói nũng nịu ngày xưa của Quyên giờ nghe mới chua chát làm sao!

Quyên nhìn đồng hồ tay rồi giục Tấn:

– Anh đưa Quyên vào Chợ lớn mua ít đồ, có lẽ chiều nay Quyên lấy tàu về Nha Trang. Ở đây, buồn quá. Tưởng tượng nếu sáng nay mà

không gặp anh thì Quyên cũng chẳng biết làm gì cho hết ngày nữa. Có mỗi một chị bạn thân thì lại về đúng bữa bà ấy đau. Rõ thật chán!

Tấn gọi tính tiền rồi đưa Quyên vào Chợ Lớn. Trọn một ngày hôm đó. Tấn dành cho Quyên. Hai người ríu rít đi bên nhau như là hãy còn ở cái tuổi mười tám, đôi mươi dạo nào. Quyên bắt Tấn đứng hàng giờ để chọn cho nàng một màu áo, một kiểu giày; luôn luôn nàng hỏi:

– Anh xem Quyên mang cái này có hợp không?

Bao giờ, Tấn cũng đồng ý với nàng. Sự vui vẻ hồn nhiên, tính hấp tấp dễ dãi của Quyên lây cả sang Tấn. Chàng cũng bắt đầu nói cười luôn miệng. Buổi trưa, hai người vào một tiệm cơm Tàu, uống khá nhiều rượu. Quyên bảo:

– Cái ngày cưới Quyên vui lắm, anh Tấn ạ. Các anh, các chị ấy đều lại đông đủ cả, chỉ

thiếu có anh. Hôm ấy, Quyên cũng uống say như bây giờ.

Men rượu làm hồng đôi má Quyên. Mắt nàng sáng lấp lánh. Tấn uống rượu đã quen mà hôm ấy cũng thấy say. Lúc ngồi trên xe taxi đưa Quyên về, đã có lúc Tấn muốn ôm chầm lấy nàng. Nghĩ thế nào, chàng lại bỏ ngay cái ý định đó. Chàng định mang tấm ảnh cũ của Quyên ra hỏi nàng về những dòng chữ đề tặng dạo nào nhưng lại thôi. Chàng muốn nhiều quá, muốn hỏi Quyên biết bao nhiêu câu mà sau cùng, chàng chẳng hỏi được câu nào cả. Đầu Quyên dựa hẳn vào vai Tấn. Riềm mi của nàng vẫn cong vút. Tấn không nhìn thấy những nếp nhăn xếp trên trán Quyên nữa. Trước mắt chàng bấy giờ chỉ là Quyên, chỉ là người gái bảy năm về trước chàng đã say mê, mơ tưởng.

Lúc xuống xe, Quyên dặn Tấn:

– Chiều, anh đến đón Quyên ra ga nhé!

Tấn vui vẻ nhận lời. Buổi chiều, hai người ra ga sớm đến nửa giờ. Tấn muốn kéo dài mãi cái phút đưa tiễn ấy. Trước khi tàu chạy, Tấn đã cầm chặt lấy tay Quyên. Lần đầu tiên, Tấn giữ bàn tay Quyên lâu như thế:

– Bao giờ lại gặp Quyên nữa?

Nàng không rút bàn tay về cú để nằm im trong tay Tấn:

– Quyên đã có địa chỉ của anh rồi. Khi nào về Sài Gòn, Quyên sẽ viết thư báo cho anh biết tin trước.

Ngừng một lát, nàng lại nói:

– Hay là anh thu xếp ra Nha Trang chơi với Quyên? Nha Trang đẹp lắm, anh ạ. Nhất là mùa này, biển rất đẹp, lại có trăng.

Tấn định nói:

– Nhưng Quyên ở với cha mẹ chồng làm sao mà tôi đến thăm Quyên được?

Nhưng Tấn chỉ nói:

– Ờ... mùa này trăng đẹp lắm! Quyên có hay đi tắm biển không?

Một hồi còi tàu ré lên. Tiếng máy nổ từ đầu toa dội lên. Tấn không nghe thấy Quyên trả lời. Bàn tay hai người vẫn như dán vào nhau. Cho đến lúc tàu lừ đừ chuyển bánh thì Tấn phải buông tay Quyên ra. Từ xa, Tấn vẫn thấy Quyên gửi lại cho chàng một nụ cười.

Khi tàu rời khỏi sân ga, đi được một quãng khá xa rồi, Tấn mới chậm chạp ra về. Thành phố đã lên đèn. Tấn không nhìn thấy gì nữa. Hình ảnh Quyên đè nặng trong lòng Tấn. Chàng thấy mình như đang sống lại một chiều Hà Nội, buổi chiều đã xa lắm, khi lần đầu chàng gặp Quyên và đưa nàng về nhà dưới những ánh đèn thành phố như thế này. Con

đường Quan Thánh nằm dài giữa hai hàng cây. Hai người đi rất xa nhau. Những trận gió đầu mùa lạnh lẽo . . .

THANH NAM

PHỐ HÀNG KHAY

TÔ KIỀU NGÂN

CẬU cũng vào chích thuốc đấy à?

– Thưa cụ, vâng ạ!

– Cậu bị nó cắn ở đâu? Làm sao lại để cho nó cắn?

– Dạ, cháu đi lên rừng, vào thăm một trại trồng Lan thì bị con “béc-giê” của chủ trại đớp trộm một miếng vào đùi.

Tôi chỉ cho bà cụ xem vết chó cắn. Bà ta xuýt xoa:

– Thật là không may! Thế cậu tiêm tất cả mấy phát rồi?

– Thừa tất cả mười tám phát. Phát này mới là phát thứ hai.

Bà cụ nhăn mặt:

– Đau lắm cậu ạ! Thằng cháu đây bị chó cào ở mũi phải tiêm chín phát. Hôm nay là hôm cuối cùng đây.

Bà bỗng hỏi tôi:

– Cậu ở ngoài ta cậu ở về phố nào?

Tôi lúng túng một giây rồi đáp liêu:

– Thừa, cháu ở phố Hàng Khay.

Mắt bà cụ sáng lên:

– À... Phố Hàng Khay à! Cũng gần phố tôi.

Tôi ở phố Hàng Đào, 115, hiệu bán áo đi mưa
ấy cậu ạ!

Rồi bà chép miệng:

– Biết bao giờ mới về được ngoài ta cậu
nhỉ? Tôi di cư vào đây với cả gia đình. Mọi
cháu bán hàng vàng ở đường Lê Thánh Tôn;
cậu cháu đi Pháp; cháu đây đi học ở trường...

Bà quay sang cậu bé:

– Trường gì cháu nhỉ?

– Trường Cửu Long!

– À... trường Cửu Long!

Giọng bà cụ bỗng trầm hẳn xuống:

– Cậu có nhớ Hà Nội không? Tôi, tôi nhớ
quá, nhiều đêm ngủ chẳng được. Ở trong này
nóng lắm. Ở ngoài ta mùa này đã rét rồi...

Tôi cũng tán theo:

– Vâng, ở ngoài ta mùa này là mùa thu, thời tiết dễ chịu, được mặc áo len chứ không nóng như ở đây.

Rồi tôi nói lảng sang chuyện khác vì sợ nhớ bà ta hỏi thêm vài câu nữa thì thật chết. Tỉ dụ như hỏi phố Hàng Đào rồi tiếp đến phố nào nữa thì tôi hoàn toàn mù tịt. Bởi tôi không phải là người Bắc, cũng không phải người Hà Nội và cũng chưa ra Hà Nội bao giờ.

Bà cụ này lầm tôi là người Hà Nội cũng như nhiều người khác đã lầm. Bởi lẽ tôi nói rất thạo tiếng Bắc – thứ tiếng mà tôi cho là có nhiều âm nhạc – tôi lại theo cả những tiếng lóng; hát được cả Quan họ Bắc Ninh, cả Cò lả, Trống quân, lấy Kiều v. v... Nói về Hà Nội, tôi có thể nói như đã từng ở Hà Nội lâu đời rồi nhờ những điều đã đọc được trong sách, truyện hoặc nghe lỏm bạn bè.

Đáng lẽ thì tôi không nên mạo nhận là mình ở phố Hàng Khay nhưng trước một tấm lòng đang đi tìm thông cảm, trong một khoảnh khắc nhớ quê hương, giá tôi đáp: « Không, cháu là người Huế » thì chắc bà cụ sẽ cụt hứng và nhất định là bà sẽ không có dịp trở về với cái rét thi vị của quê nhà, không được dịp mơ ước và nghĩ đến nỗi ấm áp của một ngày quy cố hương.

Có nhiều người lầm tôi là người Hà Nội. Và tôi, lắm lúc tôi cũng tưởng mình là người Hà Nội hay muốn là như thế. Vì tôi từng yêu mến lịch sử Cố đô, từng thích thú những thắng cảnh, đời sống với muôn ngàn khía cạnh phức tạp của Hà Nội. Tôi đã biết Hà Nội qua những người Hà Nội, qua nghệ thuật miền Bắc, qua từng dáng điệu, lời nói, từng món ăn của người Hà Nội. Cả tình yêu của người Hà Nội nữa.

Có lẽ tôi bị « Hà Nội hóa » một phần lớn cũng là vì sinh hoạt văn nghệ nhiều với các bạn người Hà Nội. Và yêu Hà Nội nhưng tôi lại

chưa được hân hạnh ra Hà Nội bao giờ. Chưa ra Hà Nội bao giờ; đối với tôi thật là một thiếu sót lớn, nói ra, bạn bè thường ngạc nhiên. Ngạc nhiên cũng như khi tôi nghe Ngọc Bích, tác giả « Trở về bến mơ » nói là anh ta vừa mới đi Đà Lạt lần đầu mà lần đầu đó lại đúng vào năm... 58.

Trước kia, tôi đã có nhiều lần tính đi Hà Nội nhưng lần nữa mãi ý định đó không thực hiện được. Tôi tự bảo: còn đó lo gì, lúc nào đi chẳng được. Tôi không ngờ – mà có ai ngờ – sông Bến Hải lại bỗng trở thành con sông lịch sử và con người mơ ước Hà Nội là tôi lại bị... nhỡ tàu. Nghĩa là không bao giờ tôi còn được trông thấy Hà Nội nữa; không còn được qua cầu Long Biên, nghe sóng Hồ Gươm thở dài, vào xem chợ Đồng Xuân « ăn cắp như ranh », đi dạo qua 36 phố phường; tìm tới Chùa Láng, thả rong ven hồ Trúc Bạch trên đường Cổ Ngư; đi ngắm những ngọn đèn đỏ ở Ô quan Chưởng mà Tạ Tỵ hằng nhắc đến. Tôi ước rồi sẽ đi ăn kem Bờ Hồ, ăn cơm tám giò

chả ở Hàng Buồm, vào các phòng trà mùa thu, ngồi chuyện gẫu với các bạn trước những ly cà phê đượm sánh. Phải là mùa thu xứ Bắc; tách cà phê uống giữa lòng Hà Nội, trong cái rét Hà Nội và giữa những người Hà Nội. Còn nữa, những mái tóc thể thấp thoáng bên cửa sổ; những cô con gái Hà Nội đi dạo bên hồ Tây hay mùa thu, ngồi đan len, mắt sầu mòng nhìn ra đường có những hàng sấu đầy lá vàng. Đó là những hình ảnh đẹp mà các nhà viết tiểu thuyết thường hay tả và dầu có tả đến lần thứ bao nhiêu đi nữa thì vẫn không thừa và nhàm. Tuy nó có hơi tiểu thuyết nhưng vẫn là những hình ảnh đẹp. Những hình ảnh mà đã lâu rồi, từ ngày vào Sài Gòn, tôi không tìm thấy. Cả những trái sấu nữa, thứ trái chua chua, giòn ngọt dễ làm người ta chảy nước miếng cũng không tìm thấy trong Nam này.

Tôi đã thấy những cô gái Hà Nội đạp xe đạp giữa những đại lộ Sài Gòn. Cái hình ảnh ấy có chút gì lạc điệu tỉ như một ấm trà Thiết Quan Âm ướp hoa Mộc uồng trong một tiệm hủ tếu;

một giọng ca miền Bắc đang ngâm nga “sáu câu”! Giá tôi được ngắm họ đạp xe đi thành hàng ba, hàng tư trên đường Cổ Ngư hay tan học, trở về qua những phố Hàng Bông, Hàng Đào!

Tôi muốn nhìn Hà Nội toàn diện, đi vào lòng Hà Nội và sống theo với nhịp thở Hà Nội, nuần thấm cái chất Hà Nội.

Nhưng, đài phát thanh vừa vang lên bài hát “Nhớ thương Hà nội” nhắc thêm một lần nữa rằng Hà Nội đã mất. Dầu mai đây chúng ta có về Hà Nội chẳng nữa Hà Nội cũng đổi khác nhiều rồi. E phải làm lại tất cả và nỗi thiệt thòi của tôi là chưa nhìn một cái nhìn thấu tóm tất cả ảnh hình Hà Nội ngày xưa.

Bây giờ tôi đánh mang cái tâm trạng của người tiếc hụt cổ vớt vát lại đôi chút. Tôi đi tìm cái chất Hà Nội trong những khung cảnh bé nhỏ. Giọng nói riu rít như chim như sáo, những mái tóc, những tà áo đặc biệt Hà Nội.

Những buổi cùng ăn chả cá với dăm ba người bạn vào những buổi chiều Sài Gòn trở lạnh, nghe tiếng mỡ xèo xèo sôi trong bát chả; đôi nhánh rau thìa là, một vài giọt cà cuống rồi những câu chuyện gợi đến những người bạn văn nghệ bị kẹt lại bên kia. Cả một không khí Hà Nội bỗng thoáng lên. Tôi đã tìm thấy Hà Nội – dầu là một chút thôi — thoáng hiện giữa Sài Gòn.

Và một ngày nào đó, tôi mong rằng trên chuyến tàu thứ nhất, tôi sẽ theo họ ra Bắc, trở về Hà Nội. Họ trở về và tôi ra thăm. Tôi sẽ thuê một căn nhà ở phố Hàng Khay và mong rằng sẽ gặp lại bà cụ già mà tôi đã gặp ở viện Pasteur, chiều năm nọ. Tôi sẽ mời bà ta:

– Thưa cụ, mời cụ quá bộ đến chơi nhà cháu. Nhà cháu ở phố Hàng Khay ạ!

TÔ KIỀU NGÂN

CUỐI ĐƯỜNG

THANH TÂM TUYÊN

ĐẦU năm 1949 tôi bỏ Sài Gòn về Hà Nội. Từ một thành phố yên ổn vui tươi trở lại, tôi rơi xuống một thành phố điêu tàn ngơ ngác. Những ngày đông lạnh lẽo ngán thêm vì giờ giới nghiêm. Ngay giữa phố đông đúc như Hàng Bông Hàng Đào vẫn còn nhiều nhà đổ nát tan hoang. Khoảng bảy giờ tối hết xe điện, người ta nhường phố xá cho lính lê dương say rượu. Thỉnh thoảng về muộn tôi phải đi qua những phố vắng tanh, vội vã lẫn lút trên vỉa hè hay sau hàng cây như một tên ăn trộm. Có khi lính Tây đuổi tôi để được la hét cho đỡ buồn, tôi chạy quanh co hết phố này

sang phố khác như chơi rượt bắt với chúng.

Một hôm tôi bị rượt nà từ phố Đường Thành, chạy về Quan Thánh. Vừa bằng qua vườn hoa Hàng Đậu sang phía Nhà Thương Khách thì từ một ngách tối, một tên xô ra chụp được tôi. Tôi vùng vẫy và đánh trúng mặt nó khiến cái mũ trắng rơi xuống đất, tôi có thể chạy thoát. Nhưng tôi đứng nguyên một chỗ nhìn tên lính cúi xuống nhặt mũ, nó cười sằng sặc. Nó trẻ bằng tôi, mắt xanh như mắt mèo. Nó quàng vai tôi mời tôi vào quán uống rượu. Tới mười giờ đêm, nó dìu đưa tôi về tận nhà. Trước khi chia tay, nó ôm hôn lên đầu cổ tôi như mưa rồi khóc. Tôi tức giận gạt mạnh nó và lao đảo vào nhà. Chị tôi sợ hãi đóng chặt ngay cửa. Tên lính còn đứng lại đập cửa la hét nguyên rủa hàng giờ sau mới chịu bỏ đi.

Nhà tôi ở khu Ngũ Xã. Hồi ấy tôi thất nghiệp ăn ở nhờ gia đình chị tôi, dạy mấy đứa cháu nhỏ trừ tiền cơm. Tiền tiêu pha vật vãnh

là tiền dành dụm trong mấy năm làm ăn ở Sài Gòn. Mỗi buổi sáng tôi dậy với những chuyến xe điện thứ nhất lên phố. Những chuyến xe buổi sớm thường kéo theo hai ba toa tối om chạy băng băng không ngừng, tôi nhẩy bám vào toa sau cùng chắc chắn không phải lấy vé lên đến tận chợ Hôm. Trời buổi sáng bao giờ cũng lạnh cóng, tôi tựa vào thành xe trông lại phía sau con đường sắt bóng mượt và mặt đường tê cứng. Qua đầu phố Hàng Đào nơi một đồng gạch đỏ tôi còn thấy những mảnh vải rách rưới rúc vào nhau mà ngủ. Đến chợ Hôm trời cũng đã mờ sáng. Tôi ghé xuống hè đường ngồi xồm ăn một đồng xôi lúa nóng chan hành mỡ béo ngậy rồi đi lang thang đợi đến chín giờ về thư viện đọc sách. Bỏ học đã lâu, tôi định lợi dụng thời gian nhàn rỗi này học thi Tú tài.

Thư viện thật tĩnh mịch. Cửa gương bóng loáng, mặt bàn nhẵn trơn tru, ghế cao và rộng. Phòng đọc sách lớn nhưng thường thường chỉ

có dăm bảy người, mỗi người một bàn thật xa nhau để khỏi nhìn thấy nhau. Chúng tôi làm việc trong không khí dễ dãi quen biết, mỗi người có thể mượn sổ sách không giới hạn bày đầy trước mặt trong khi luật lệ ấn định không lấy quá hai cuốn một lần. Tôi chọn một góc kín đáo khuất sau một cái cột mà từ người Thủ thư cho đến người Giám thị phòng đọc ngồi ở chỗ của họ không thể trông thấy tôi. Góc ấy lại gần lò sưởi ấm, lúc nào buồn tôi có thể ngủ được. Thường buổi trưa tôi ngại không về nhà, tôi ăn buổi trưa – một cái bánh tây, một ly cà phê sữa – ở ngay gian nhà gửi xe của thư viện. Quãng năm giờ tôi rời khỏi thư viện vì vào giờ ấy tôi thường gặp phải những ông công chức mới hồi cư vào lục lọi những chồng công báo dày hàng chục năm để tìm cái nghị định bổ nhiệm xin hồi ngạch.

Mùa đông qua hết, đến mùa xuân rồi tôi vẫn chẳng học được chữ nào, óc của tôi chưa làm quen lại được bài vở. Hằng ngày tôi vẫn

lui tới đều đặn thư viện nhưng toàn đọc sách truyện nhảm nhí. Tôi có ý định tìm việc làm. Những chuyến xe điện buổi sớm đã chạy chậm hơn một chút trong buổi mai êm dịu và toa xe cuối cùng không còn tới nhiều như khi mùa đông nữa. Tôi thường phải lẩn tránh người soát vé đứng ở toa đầu máy nhìn xuống rình mò. Một buổi kia trời bỗng trở rét dữ dội. Con tàu lại chạy với tốc lực mùa đông. Tôi thanh thoi đứng tựa thành xe quay lưng lại với toa đầu máy, lắng nghe tiếng khẹt khẹt của cái cần điện chạm vào dây ở trên đầu. Người soát vé xuống đứng bên cạnh lúc nào tôi không hay. Hấn vồ vào vai tôi làm tôi hoảng hốt. Không quay lại tôi vội vàng nhảy ủa xuống đường. Đà xe mạnh làm tôi ngã úp sấp và chết ngất. Khi hồi tỉnh tôi vẫn còn nằm trên mặt đường cạnh đường sắt. Tôi quờ tay lên đường sắt bóng và mặt nhựa gỗ ghê. Phố xá lặng thinh. Rồi tôi nghe tiếng xe điện sắp đến từ xa. Chỗ tôi nằm ngay đầu Hàng Đào, những manh vải rách rưới vẫn quần lấy nhau ngủ vùi. Tôi lồm cồm

bò lên vỉa hè. Chuyển xe điện qua thảo nhiên. Áo tôi rách toạc một mảnh ở vai, chân tay mặt mũi tôi sây sát rớm máu. Tôi khập khểnh đi xuống hồ Gươm vốc nước rửa. Nước lạnh giá làm đau xót các vết thương. Tôi ngồi xuống vệ cỏ khóc cho ẩm mắt, cuống họng và ngực. Chán không khóc nữa tôi đứng dậy.

Chiều hôm ấy rời khỏi thư viện tôi không muốn về nhà. Tôi muốn ngủ đêm ở một chỗ khác nhưng chẳng nghĩ ra chỗ nào có thể về được. Tôi cứ lang thang qua các phố cho tới khuya. Trời rét như cắt tôi chỉ mặc một tấm áo “blouson”. Các vết thương nhức nhối. Mồ hôi nhờn cả da mặt. Tôi tức giận vô kể. Tôi không gặp những tên lính Tây say quấy phá. Tôi chờ đợi một đội tuần tiễu nào sẽ nhặt tôi về giam. Hay thí cho tôi một tràng đạn sợ hãi vào ngực. Tôi sẽ nằm thẳng cẳng ở giữa cái thành phố co dúm này. Cuối cùng tôi vẫn phải về nhà. Chị tôi gương cặp mắt khiếp hãi nhìn tôi. Ông anh rể càu nhàu trong màn. Sáng hôm sau chị

tôi bôi thuốc đỏ vào các vết trầy, tôi ngồi nhà không lên phố. Tôi gọi lũ cháu mang sách vở tới gần xem xét và đánh cho chúng một trận nên thân. Chị tôi khép nép sợ sệt thay cho con. Tôi tát chúng mạnh quá đến nỗi bàn tay ê ẩm. Chị tôi xuống bếp khóc, lũ trẻ ra ngoài đầu hè khóc, bỏ gian nhà trống cho tôi với những vết thương bắt đầu mưng mủ.

Trong năm ấy tôi gặp một đứa bạn học cũ hồi còn học lớp nhất trường tỉnh. Hấn trông nom một xưởng sửa chữa xe hơi. Hấn mời tôi vào quán nước cạnh đền Bà Kiệu. Cầu Ngọc Sơn đã được sơn lại mới đỏ như quết trầu. Mùa xuân còn mới trên màu nước của hồ Gươm, những rặng cây ven hồ. Tôi ngỏ ý với bạn muốn xin làm chân phụ việc ở xưởng hấn để học nghề chữa máy. Hấn hỏi tôi mấy năm ở Sài Gòn tôi làm nghề gì. Tôi nghĩ lại cũng ngạc nhiên không hiểu tôi đã sống cách nào, tôi không có nghề ngỗng gì hết, tôi trả lời như vậy với hấn. Hấn bảo tôi tại sao tôi không

xin đi làm, tôi còn đỗ được cái bằng Trung học Pháp đâu như hần không có bằng cấp gì. Tôi nói tôi vốn ghét ngồi bàn giấy. Hôm sau theo lời hẹn tôi tìm đến xưởng máy. Tôi lên một chuyến xe điện đã đông người, chạy từng chặng nhỏ qua các phố tấp nập. Xưởng ở trong ngõ khuất nẻo giữa phố Tây. Tôi bước giữa hai hàng rào rậm lá mát mẻ xếp đặt chương trình trong đầu. Mỗi buổi sau giờ làm việc tôi sẽ thông thả về thư viện nghỉ ngơi đọc sách. Ông Quản Lý chưa đến, tôi phải đợi. Tôi ngồi trên cái đe sắt giữa sân, xung quanh bừa bộn dụng cụ và người ta làm việc. Thỉnh thoảng tôi cũng chuyên giùm lên tay, không rời chỗ ngồi, cho người khác cái búa cái lắc lê...

Nắng đã làm tôi bứt rứt nhấp nhồm. Ông Quản Lý đến. Hần trông thấy tôi từ cổng vào và mỉm cười với tôi. Xong hần còn đi dặn bảo công việc cho mọi người khắp lượt mới đến chỗ tôi. Hần rủ tôi ra ngoài đường. Hần lại đưa tôi vào quán nước hôm qua, ngồi đúng cái

bàn cũ. Ngập ngừng mãi hấn ngỏ ý khuyên tôi nên tìm việc khác làm vì hấn thấy công việc ở xưởng không hợp với tôi. Lúc ấy tôi mệt mỏi ngáp dài không buồn trả lời. Hấn móc túi cho tôi ba trăm bạc. Bắt tay từ giã hấn tỏ ra ân hận đã không chiều ý tôi nhưng hấn nhấn mạnh rằng như thế rất hợp lẽ và tốt cho tôi về sau này.

Tôi lui thủi trở về thư viện. Chỗ tôi thường ngồi có người chiếm mất. Tôi bực mình, phòng đọc có hàng chục bàn trống sao hấn lại lui vào góc ấy. Tôi đến đứng đằng sau lưng ghế của tôi, bảo với người ngồi rằng đó là chỗ hăng ngày tôi chiếm yêu cầu hấn rời đi chỗ khác. Hấn ngừng mặt lên nhìn tôi, bộ mặt đẹp trai. Hấn rời sang ghế bên cạnh. Tôi ngồi vào chỗ xong lại bảo hấn tôi không thích ai ngồi gần tôi như thế vướng víu tôi lắm. Tôi yêu cầu hấn rời sang bàn khác và nên chọn bàn nào khuất khỏi tầm mắt tôi, tôi không ưa sự có mặt của người khác. Hấn lại nhìn tôi một lần nữa, hiền

lạnh và dễ thương. Rồi hẩn lặng lẽ thu xếp sách vở đổi chỗ khác. Tôi ngủ chập chờn rất nhiều giấc nhỏ trên ghế. Mỗi khi chợp đi trong đầu tôi ồn ào náo nhiệt, tỉnh lại xung quanh lặng ngắt quanh hieu. Vào giữa trưa tuyệt đối êm tĩnh. Tầm kính lớn che mặt trước phòng đọc sách mỏng như tờ giấy bóng. Mọi người đã về hết chỉ còn người Thủ thư và người Giám thị ngồi nguyên chỗ. Tôi xuống nhà gửi xe ăn trưa. Cái đầu ghế dài ở trong góc tối một người đã ngồi. Hẩn tỏ ý muốn chào tôi và tôi ngạc nhiên không quen mặt. Hẩn đứng lên, tôi ngồi vào chỗ bỏ trống. Trong tối nhìn ra tôi mới nhớ mang máng hình như hẩn là người đã chiếm chỗ tôi hồi sáng trong phòng đọc. Tì tay vào tủ hàng, hẩn trông ra phố. Dáng của hẩn là học trò, người gầy dong dong, tay chân quều quào như củi. Mái tóc chải lật ngược đầu lớn so với mình. Mắt hẩn mỗi khi nhìn buồn một vẻ thản nhiên. Tôi bỗng thấy tội nghiệp hẩn. Và tôi gọi chuyện trước tiên để chúng tôi quen nhau. Tên hẩn là Quang.

Từ sau mỗi lần ra thư viện Quang ngồi trước mặt tôi. Công việc của hấn là chép và tự minh họa những bài thơ lãng mạn vào một cuốn vở đóng bìa gáy da kỹ lưỡng. Tôi buộc mình một hôm đã giảng cho hấn biết các lãng mạn ấy lỗi thời lắm rồi. Đời sống của người ta không phải là những giây phút ngồi gọt rũa tỳ mỷ những cảm xúc, tình ý vụn vặt. Đời người là một sự trống rỗng lớn cần lấp đầy bằng tất cả những gì mình có, nghĩa là sự tự do của mình. Đừng giết thì giờ lối đàn bà. Và trong khi hấn ngồi viết như thế có nhiều người đang chết. Nghe tôi nói Quang buồn lắm, hai cánh tay của hấn lúng túng vụng dại. Hấn tâm sự với tôi về gia đình của hấn. Mẹ nghiện thuốc phiện, hấn còn chị cả chưa lấy chồng, một đứa em trai học cùng lớp và bốn đứa em nhỏ. Gia đình nghèo túng, hấn đang nộp đơn xin việc. Hấn tiếc không được theo đuổi học hành và biết mình không đủ thông minh, tinh thần để tự học. Đứa em trai học ngang hấn thông minh xuất sắc hơn hấn. Hấn thú nhận rằng bản chất

của hắn là yếu đuối không thể sống mà không nương tựa vào kẻ khác. Có phải là ai cũng phá vỡ được hiện tại của mình để phiêu lưu vào tương lai đâu. Tôi bảo hắn tôi là người ghét nghe chuyện tâm sự. Tôi không nghèo nàn đến nỗi phải giả bộ sống bằng những mẩu chuyện tưởng tượng của kẻ khác. Nội đời của tôi đủ cho tôi sống chưa hết, đủ cho tôi biết thế nào là khổ sở, là ý nghĩa của kiếp người. Đời hắn là của hắn, hắn phải tự nhận lấy mà sống, tôi không can dự gì hết. Rồi tôi mỉm cười nói cho hắn biết thật ra sự khổ sở của hắn cũng chẳng lấy gì thâm trầm lắm. Sau buổi nói chuyện ấy, chúng tôi im lặng nhưng vẫn chơi với nhau.

Mùa hè, tôi và Quang thân mật với nhau hơn, chiều chiều tôi đi chân với Quang về qua nhà hắn. Nhà Quang ở là buồng trong một căn nhà bị trái phá bắn sập phía ngoài. Gạch ngói được xếp đồng gọn gàng, nhưng cỏ hoang mọc bừa bãi trên nền đất. Tôi dạy thêm mấy đứa trẻ hàng xóm cùng với lũ cháu và chị

tôi mua cho tôi được một cái xe đạp cũ. Thỉnh thoảng tôi đèo Quang xuống Hồ Tây tắm. Hắn không biết bơi chỉ ngồi trên bờ trông quần áo cho tôi và mơ mộng. Một bữa tôi nhất định kéo hắn xuống nước, suýt hắn chết đuối nếu tôi không bình tĩnh. Lên bờ mặt hắn tái mét thở không ra hơi. Khi đi về hắn bảo nếu chẳng may hắn chết hôm ấy gia đình sẽ cho là hắn tự tử vì thất tình. Cô hàng xóm hắn để ý vừa bỏ nhà theo trai. Tôi cười riếu nói rằng chỉ những anh chàng yếu đuối mới cần ái tình làm chỗ trốn thân phận và mới thất vọng ê chề. Người ta dễ yêu nhất vào trường hợp nào? Khi người ta thất bại, khi người ta sợ phải chịu đựng kiếp sống một mình nghĩa là khi người ta bỏ chạy. Quang không bày tỏ ý kiến. Tôi đưa hắn về nhà và đạp xe đi chơi. Thành phố Hà Nội đông đúc hơn trước. Buổi tối đã nhiều người dạo mát quanh bờ Hồ và những phố buôn bán. Tôi ra bờ sông, lên nằm dài trên một đồng cát còn ướt người ta vừa lấy ở dưới sông lên. Tôi nằm im và buồn không muốn cử động.

Ít hôm sau. Quang từ biệt tôi đồ đi làm. Hấn xin được một chân công an, hấn nhìn tôi dò xét ý kiến. Tôi chẳng quan tâm. Hấn cười cho biết thêm nhiệm vụ của hấn là ngồi bàn giấy biên chép tên những người hồi cư. Hấn phải lên quận V.T thuộc tỉnh Sơn Tây. Hấn muốn được cùng tôi đi chơi. Tôi từ chối vì vốn ghét cái không khí những buổi chia tay. Hấn bắt tay tôi về nhà thu xếp hành lý. Tôi chúc hấn may mắn. Thỉnh thoảng được ngày nghỉ về Hà Nội, Quang vẫn tìm gặp tôi. Nhưng chúng tôi chẳng biết nói chuyện gì với nhau nên những cuộc gặp gỡ hết sức ngắn ngủi và tẻ nhạt. Hồi này tôi được một người quen cũ của gia đình giao cho trông nom một tràng than. Công việc bận rộn suốt ngày, tôi không còn thì giờ nghĩ ngợi lăng nhăng. Lần gặp cuối cùng tôi thấy Quang đen và vững chãi hơn trước, tôi bảo cho hấn biết điều ấy. Quang mỉm cười, nhưng con mắt thì vẫn buồn một vẻ thản nhiên. Khoảng hơn tháng sau tôi đọc báo thấy tin quận V.T nơi Quang làm việc bị

tấn công trong đêm tối; tất cả các nhân viên trong quận đều bị bắt mang đi. Tôi muốn tới hỏi thăm gia đình Quang xong lại thôi vì nghĩ không quen ai. Tôi qua lại nhiều lần căn nhà đổ nát vẫn chưa sửa chữa nhìn vào trong thấy ánh đèn thấp thoáng rồi không vào. Tôi bỏ đi trong các phố tối nhiều cây. Trời đã lại mùa đông rét ngọt. Tôi hút nhiều thuốc lá đến buồn nôn. Khi trời đã khuya lắm, tôi lạnh nổi gai ốc cùng mình, ngực cồn cào khó chịu. Tôi phải ngồi dựa vào cửa một căn nhà và ọe cho nôn mửa, nước mắt nước mũi đầm đìa. Tôi ngoẹo đầu vào tường đá hoa nghỉ ngơi để chịu. Trước mặt tôi là cái cầu đá xe lửa cao và rét với những lần cống đục tối om. Nôn xong tôi lại hút thuốc lá. Người tôi nhẹ như khói. Tôi cũng không nhớ tại sao tôi lại về được đến nhà lúc nào.

Công việc bán than không chạy, tôi nghỉ việc và lại ra thư viện. Phòng đọc sách nhiều người đến làm việc hơn trước. Tôi không còn

chiếm được chỗ ngồi cố định thường lệ nữa. Và lại tôi cũng không còn muốn ngồi suốt ngày vì không được ngồi cô đơn. Trong dịp này tôi gặp và quen Tuấn – em trai của Quang. Đúng như Quang nói, Tuấn thông minh nhanh nhẹn hơn Quang. Hắn hay đọc sách chính trị và có nhiều cao vọng. Tôi không thích Tuấn nhưng thường nói chuyện với Tuấn nhắc tới Quang. Tuấn chê anh là an phận, tầm thường. Đối với tôi Tuấn cũng coi tôi là cùng một loại. Tuấn cho rằng muốn làm được việc lớn nhiều lúc phải hy sinh những người thân của mình dù có phải làm cho họ khổ sở, không phải là ích kỷ, vì việc làm của mình sẽ có ích cho một số người nhiều hơn. Nên mặc dầu biết gia đình nghèo túng. Tuấn vẫn không muốn đi kiếm tiền giúp gia đình sợ làm lỡ dở sự nghiệp to tát sau này của mình. Tôi không bao giờ nói gì với Tuấn hết.

Sáu tháng sau ngày bị bắt Quang trốn thoát trở về Hà Nội, Tuấn cho tôi biết tin. Quang

đã đi bộ ròn rã một tháng trời và lạc ở rừng chịu đói chịu khát cho tới khi không bước được nữa phải bỏ phải lết. May gặp quân tuần tiểu Pháp nhặt được đưa về Hà Nội. Quang sắp chết và hiện nằm ở bệnh viện Đặng Vũ Lạc Hàng Cỏ. Tuấn nói tại sao Quang có thể ngu dại chỉ vì gia đình mà liều lĩnh đến chột. Tôi tức giận mắng Tuấn là thằng bất nhân bất nghĩa. Tuấn sững sờ không ngờ tôi hung tợn làm vậy. Tôi nói nếu Tuấn xác láo nữa tôi sẽ trừng trị Tuấn đích đáng. Đời người không thể giản lược theo mấy nguyên tắc về chính trị tư tưởng hay triết học, người ta không phải bắt buộc sống theo một vài khái niệm sẵn có. Tương lai không phải là con ngáo ộp dùng để dọa và bóp chết hiện tại. Phải làm đầy hiện tại, làm đầy . . .

Tôi tới ngay nhà thương. Đẩy cửa buồng vào, tôi trông thấy một bộ xương trần truồng. Thịt không còn, da teo lại cháy xém, những đầu khớp xương nhô ra. Trên mặt râu tóc xồm

xoàm khô cứng. Tôi chỉ còn nhớ Quang nơi hai con mắt vẻ buồn vẫn thản nhiên. Quang cười, răng nhe ra vàng ớn, lợi đỏ và dài. Quang không nói được. Tôi lấy tấm chăn mỏng phủ lên người Quang, lát sau mẹ của Quang trở vào. Mặt và môi bà thâm xị nhưng mắt đỏ hoe hai tay gầy guộc run rẩy. Bà kể lẽ biết bao nhiêu nỗi đau lòng. Bà lật chỉ cho tôi trông những khuỷu tay khuỷu chân trầy loét cả xương. Tôi vẫn trông vào mắt Quang, mắt Quang vẫn đảo được và Quang quay mặt đi. Quang không thể cựa quậy, không mặc quần áo được. Quang tỏ dấu cho mẹ im lặng.

Hai hôm sau Quang chết. Đám ma của Quang đưa vào buổi sáng. Đêm hôm trước tôi không thể ngủ. Sáng tôi dậy trước cả những chuyến xe điện. Tôi nhảy chuyến xe đầu tiên lên phố. Buổi sáng mùa hè mát mẻ, bánh xe lăn rần rần, tiếng chuông. điện kêu riu rít. Tôi đứng tựa sau xe cạnh thùng mùng của vài người từ ngoại ô vào. Những người ấy xuống

chợ Đồng xuân, tôi còn lại một mình. Qua Hàng Đào, căn nhà đổ nát đầu phố đã biến mất mang theo cả những mảnh vải rách rưới, tôi mua vé đi hết đường. Hành khách buổi sáng thưa thớt. Tàu băng ngang thành phố để lại ra ngoại ô. Tàu chạy sát vào những mặt nhà thấp chưa tỉnh hẳn. Tôi cứ nhìn vào sự chuyển động ấy mà thấy chóng mặt. Ở trạm nghỉ cuối cùng tôi bước xuống vỉa hè sứt mẻ, dưới đường cát bụi lồi lõm. Tôi đi bộ vào trong làng để đến nghĩa địa, khu đất rộng ở trên một gò cao. Từ đây tôi có thể quan sát cảnh vật chung quanh, một vài người đứng trơ vơ giữa đồng rộng và một khu đồn rào nửa. Trên cỏ sương hầy còn ướt, một vài lỗ đất đã đào sẵn sâu hoắm. Tôi trải lá và giấy dưới một gốc cây ngồi đợi đám ma của Quang. Một quá tôi có ngủ đi mất một lúc. Bàng hoàng tỉnh dậy đám ma vẫn chưa tới. Nhiều tiếng chim hót trên đầu. Đã nhiều năm tới không để ý nghe tiếng chim hót bao giờ. Tôi đứng lên và lắng tai. Xa xa thoảng lại cả tiếng xe điện chạy và tiếng chuông vội vàng.

Từ phía rặng cây ở chân trời con đường đất tiến lại qua mắt tôi. Một thử tiếng động âm ĩ không biết phương nào đưa tới. Tiếng động rõ dần làm rung chuyển mặt đất lan tới chỗ tôi đứng. Một đoàn chiến xa xuất hiện bò lùi lùi. Mặt đường bị đào lên. Đoàn xe càng tới gần tôi càng đình tai nhức óc. Thân thể tôi cũng rung lên như mặt đất mỗi lúc một dữ dội. Tôi nghẹn ngào và lại nằm lăn xuống cỏ. Tay chân mặt mũi tôi như bị cào cấu bởi những móng tay sắc. Lát sau thì cảm giác tê dại. Trong tận cùng của cơ thể sự vùng vẫy từng hồi yếu dần và lịm đi. Tôi nhắm mắt vì nắng rực ở trên mi. Đầu óc tôi rất sáng. Giá lúc ấy người ta mang chôn tôi, tôi cũng biết nhưng không thể nào làm gì để chống lại.

THANH TÂM TUYỀN

MƯA LÚC HOÀNG HÔN

VĨNH LỘC

ĐƯỜNG vẽ, Ngọc bỗng nghe có tiếng trẻ khúc khích cười. Từ lúc nào, bóng tối đã trùm xuống hàng cây trước cửa. Ngọc có cảm tưởng như bên ngoài trời còn mưa bụi.

– Má ơi, ông hàng xóm ông vẽ gì trong tối vậy?

Ngọc ngừng tay. Anh ngược lên bắt gặp hai hình người cắt nét trên khung cửa sổ. Anh đặt bút vẽ và bảng pha màu lên ghế đi lại phía có tiếng cười.

Ánh sáng xanh mát của ngọn đèn măng-xông hắt sang từ nhà bên cạnh. Người đàn bà thì thầm bên mái tóc thưa:

– Xuyt! Con lại làm rộn ông rồi.

– Ông vẽ trong tối làm sao thấy màu?

Ngọc bật cười vì nhận xét hóm hỉnh của đứa bé. Anh hỏi vọng sang:

– Tuấn đã ăn cơm chưa?

– Dạ, cháu ăn rồi.

– Ở trên phố ấy ông ạ.

Tiếng người đàn bà dịu dàng, nhỏ nhẹ lẫn tiếng láu táu của đứa bé làm cho không khí gian nhà bớt quạnh quẽ. Ngọc hơi tiếc giây phút vừa qua. Màu sắc dịu thấm của buổi chiều mà anh vừa bắt gặp không biết anh có ghi được hết lên khung vải. Anh đã pha màu

trong bóng tối. Ngọc nói bằng quơ qua khung cửa sổ:

- Trời như mùa thu. . .
- Mưa ngâu đấy ông ạ. Tháng bảy rồi còn gì...
- Chóng nhỉ. Đã tháng bảy.

Ngọc lập lại như một tiếng vang. Anh sang bên này đã gần một tháng. Hồi mới đến Nam Vang anh ở trọ nhà một người quen đường bờ sông. Nhà sàn ọp ẹp và chật chội. Ngọc phải xếp giá vẽ vào một xó. Anh lang thang khắp phố những buổi chiều, đi tìm một hình ảnh mà anh vẫn mơ ước ngày sắp sang Chùa Tháp: ánh nắng trong suốt như pha lê, mái chùa cong hình đuôi rắn; những cây thốt nốt cao khẳng khiu, một thiếu nữ Miên thân hình đều đặn... Anh chưa tìm được màu nắng thì đã bị thu hút bởi dáng người tròn lẳn của những thiếu nữ bản xứ. Tóc họ dày và quăn. Nước da bánh

mật. Ngọc nghĩ đến những bức họa của Gauguin vẽ những thiếu nữ thô kệch ở đảo. Màu nâu của nước da, màu đỏ man rợ của chiếc hoa dâm bụt gài trên mái tóc đen ánh, màu xanh đậm của lá dừa lẫn màu xanh lơ của trời ngoài hiển hòa hợp thành một khung cảnh thiên nhiên đầy quyến rũ.

Buổi tối, mở cửa sổ ra, gió từ sông lồng vào thổi bay tứ tung những bức tranh thuốc nước mà Ngọc gắn bừa bãi trên tường. Anh đã căng xong khung vải và tắm vải cứ ngày một sẫm lại vì bụi ở ngoài lộ bay phủ đầy nhà. Cơm ở đây không nuốt được. Nắng gay gắt, một không khí làm ngọt thở. Và khi nhà vừa lên đèn là Ngọc vội thoát ra đường. Anh đi qua những bờ hè hầm hập nóng. Những ngôi nhà đèn đui dựng lên như cản gió làm cho người ta có cảm tưởng như đi trong một cái hộp kín. Phố xá đầy những cửa hàng tạp hóa, đèn “néon” hắt ra ánh sáng xanh mét. Thỉnh thoảng từ một tiệm ăn sáng sủa tiếng nhạc “mắm bò”, “cha

cha cha” hừng hực, the thé phát ra bởi một cái máy hát điện tối tân. Ngọc đi thẳng ra bờ sông. Không có gió nhưng thoải mái hơn. Anh để ý đến những quán nước nghèo nàn. Đám phu khuân vác trần trụi. Những chuyến xe buýt ỳ ạch. Từng đồng hàng màu thẫm. Những hình ảnh ấy nổi bật trong ánh sáng thoi thóp của buổi hoàng hôn. Ngọc nghĩ đến một bức tranh mà đề tài chưa thành hình, nổi niềm sâu đậm của xót thương, của tình người...

Một hôm Ngọc ra tận bến đò máy. Lúc đó vào buổi chiều trời mát và như muốn mưa. Tiếng người lao xao dưới nhà sàn, nơi tàu đậu. Một đám đông vây quanh tiếng nhị hồ rè rè của một người đàn ông mù. Mấy em nhỏ lú lo tiếng Trung Hoa. Những người hấp tấp đi xuống bến. Bên kia sông, hàng cây thoai thoải tô những nét đậm trên nền trời hoàng hôn, thấp thoáng có những mái nhà sàn. Ngọc đi lần xuống bến. Anh nghĩ đến cỗ xe độc mã chạy lóc cọc trên đường đất mòn. Hình ảnh

mà người bạn có lần sang chơi bên xóm về đã tả lại cho anh nghe mang một vẻ lãng mạn nên thơ.

Ngọc mua vé xong thì tàu vừa ghé bến. Trong khoang tối thui và chật chội anh va phải đầu một đứa trẻ khi sắp leo mấy bậc thang dốc lên boong. Anh cúi xuống xin lỗi và nhắc đứa bé lên không để ý đến người đàn bà đi sau vừa mỉm cười nhìn anh. Thằng bé chạc năm sáu tuổi, tóc mượt óng, hai mắt to và đen láy. Ngọc vừa hỏi nó:

– Má em đâu?

Thì người đàn bà đã lên tiếng sau lưng anh:

– Cảm ơn ông. Tàu chật quá, đứng dưới khoang chắc chết ngột.

Giọng người đàn bà tự nhiên và thân mật. Ngọc dụt dề hỏi:

– Thưa, bà ở bên này?

– Vâng, nhà chúng tôi ở gần bến. Ông thấy không, ở chỗ những cây thốt nốt kia kìa.

Ngọc xoa đầu đứa bé và nhìn theo ngón tay trở xinh xinh:

– Nhà em chắc đẹp lắm nhỉ?

Đôi mắt đen lấy ngược nhìn nụ cười thân ái của Ngọc:

– Ông cùng ở bên này ư?

– Không. Tôi sang chơi...

Ngọc thoáng gặp gương mặt trái soan của người đàn bà. Đôi mắt đen hơi buồn, kín đáo nhìn anh. Anh bảo đứa bé:

– ... Vì thấy cảnh bên này đẹp.

– Nhà cháu có sàן trông ra bờ sông, mát lắm ông ạ.

Người đàn bà mỉm cười với con rồi bảo:

– Lát nữa mời ông ghé vào chơi.

Thấy vẻ ngần ngại của Ngọc nàng tiếp:

– Nhà có hai mẹ con...

Thằng bé cướp lời:

– Rồi mẹ đưa ông đi chơi xe thổ mộ nữa chứ?

Gió từ sông hất lên mát lạnh. Mùi khói than hơi khét bay tạt vào má người đàn bà. Nàng chớp mắt và cúi xuống lục tìm trong chiếc túi đeo trên tay. Ngọc rút mùi xoa:

– Chắc bụi vào mắt bà? Để tôi lấy giùm cho.

Trong ráng tím buổi chiều, khuôn mặt người đàn bà nổi bật lên với nước da trắng mịn. Ngọc để ý đến tà áo màu hoa cà với những chấm hoa đỏ tươi lồng trong những nét đen kín đáo.

– Đứng trên này lạnh quá.

Người đàn bà đưa trả khăn tay cho Ngọc rồi đứng lùi lại sau lưng anh. Dáng điệu tự nhiên và dễ thương.

– Mưa đấy má à!

Đứa bé đưa bàn tay nhỏ ra ngoài trời một vẻ thích thú rồi quay sang Ngọc, nó bảo:

– Mưa này chắc ông khỏi đi chơi xe thổ mộ!

– Vào thăm nhà cháu cũng đủ rồi. Vả lại tối ai còn đi chơi xe ngựa.

– Nhà cháu nghèo lắm, chả có gì đẹp đâu!

Nói câu đó, thằng bé ngược nhìn mẹ, đôi mắt dịu hẳn lại. Người đàn bà kéo sát con vào lòng mỉm cười hiền hậu.

Tiếng máy tàu xinh xịch lẫn tiếng nước rạo rạo trải trên mặt sông vắng rộng buổi hoàng hôn một thanh âm êm ả. Những hàng cây hiện ra, lớn dần. Đứa bé nắm tay mẹ và người khách lạ đi xuống bến, chen lách giữa đám đông. Ngọc ngửi thấy mùi khói than ngọt ngọt. Cả ba người đi lặng lẽ trên đường đất cao. Một vài chiếc xe độc mã vượt qua họ, tiếng vó ngựa gõ lóc cóc trên đất cứng gồ ghề. Tiếng máy tàu xa dần ngoài sông.

– Nhà cháu đây rồi.

Thằng bé vui vẻ nói. Ngọc như người bàng hoàng chột tỉnh; Anh nói cho đứa bé vui lòng:

– Nhà cháu đẹp nhỉ.

Đó là một nếp nhà gỗ nhỏ dựng trên mấy hàng cột khẳng khiu. Chiếc cầu thang ngắn và dốc hiện ra trong ánh đèn le lói từ một nhà hàng xóm. Có tiếng văng đưa và tiếng trẻ lú lo trong bóng tối. Từ sàn bên cạnh thoảng mùi khai nồng lẫn mùi phân súc vật.

Ở trên sàn cao hơn đầu người một chút, Ngọc trông thấy những nhà lân cận. Nhà và cây tan nhòa vào bóng tối. Không còn cái cảnh nên thơ mà Ngọc vừa thấy từ bên kia sông, lúc chiều. Anh hơi buồn như khi vẽ xong một bức tranh mà mình không ưng ý. Gian nhà rộng thênh thang vì đồ đạc vốn vẹn có tấm “divan” nhỏ, một bàn nước với hai chiếc ghế đẩu, bên trái kê một cái tủ gương.

– Mời ông ra ngoài hiên. Trong nhà nhiều muỗi lắm.

Người đàn bà vừa nói vừa cúi húi thắp đèn. Ngọc thấy mấy ngăn sách nằm kín đáo bên cạnh cửa sổ. Ở trên dựng một bình hoa giấy.

– Tôi đi làm trên phố nên đem theo cháu. Hai mẹ con ăn cơm trên ấy chiều về nhà.. Ông xơi nước. Nước pha hồi sáng để bình thủy hơi nguội.

Thằng bé tới bên khách nhắc lại câu chuyện cũ:

– Bây giờ tối rồi, không có xe thổ mộ nữa đâu ông ạ.

– Tên cháu là gì nhỉ?

– Tuấn. Cháu lên sáu tuổi.

Người đàn bà đỡ lời con.

– Bà và cháu ở bên này được bao lâu rồi?

– Gần hai năm rồi đấy. Chóng quá. . .

Câu nói như một tiếng thở dài. Ngọc muốn được thấy lại ánh mắt khi chiều ở trên

boong tàu cùng nét mặt ưu tư trầm lặng.

Bây giờ Ngọc ngồi trước mặt người đàn bà. Nàng mặc áo cánh nên hơi gầy. Cánh tay trắng nằm trên thành bao lơn. Ánh đèn từ khung chiếu cửa sáng vừa khuôn mặt trái soan. Hình ảnh buổi chiều và người đàn bà thấp thoáng một màu sắc dịu buồn, thân mật.

Giữa tiếng muỗi đêm, Ngọc nói:

– Ở bên này tĩnh quá. Có lẽ tiện để làm việc...

– Xin lỗi ông, tôi hỏi chắc hơi tò mò. Hình như ông mới sang Nam Vang?

– Vâng. Độ một tháng nay. Tôi nhận một chân viết báo tiện dịp sang bên này để vẽ.

– Ở đây có gì mà vẽ hở ông? Người thì đen đui. Thành phố nóng và bụi bặm. Toàn một màu nâu tối.

Ngọc bật cười về nhận xét thật thà của chủ nhân:

– Cái đặc biệt của xứ này chính là màu nâu đỏ. Có nhiều cảnh vẽ lên chắc đẹp làm. Như có một bận, đi qua một góc phố tôi gặp một em bé trần truồng nằm ngủ ngon lành bên cạnh mẹt ngô nướng của bà mẹ dưới ngọn đèn điện vàng vọt... Tôi đương chờ một buổi nắng, tìm một màu nắng, cái màu nắng đặc biệt của thành phố này.

– Thú thật, ông tha lỗi cho. Tôi thì chẳng biết gì về hội họa cả. À, hồi chiều đứng bên kia sông ông thấy bên này chắc nên thơ lắm?

– Tôi đương định phiên bà một việc. Không biết có nên chăng?

Thiếu phụ nói như đã hiểu ý Ngọc:

– Được thêm một người hàng xóm cùng quê hương như ông thì còn gì bằng... Nhưng

tôi chỉ sợ xóm nghèo, bẩn thỉu, tối lại không có đèn điện...

– Tôi chỉ cần một nơi rộng để làm xưởng vẽ. Chỗ tôi hiện ở trọ chật và ồn quá không tiện làm việc.

– Đường như bên cạnh còn rộng. Để tôi thử hỏi xem họ có chịu cho mượn không. Một mình ông ở thì cũng dễ.

– Được vậy thì vui quá. Hàng xóm có bà và cháu Tuấn thỉnh thoảng chạy đi chạy lại. À, xin lỗi bà, tôi quên chưa tự giới thiệu, tên tôi là Ngọc. Như thế dễ dễ nhớ.

– Lúc nào sang đây, ông cứ hỏi cô Nhị thì họ biết ngay nhà tôi.

Và Ngọc kiêu từ ra về.

Khi ra đến bờ sông Ngọc vừa kịp chuyển đồ máy cuối cùng. Mưa bụi về đêm lành lạnh

trên sông. Thấp thoáng từng đốm lửa đèn lay động. Tiếng máy tàu trầm trầm. Ngọc đứng trên boong ngó về phía nhà Nhị nhòe dần trong bóng tối. Lòng anh gợn lên niềm vui như một thoáng gió đêm.

* * *

Vẽ được đến bức tranh thứ sáu thì Ngọc bắt đầu yêu Nhị. Nhiều lần anh tự hỏi: Nếu Nhị là một người đàn bà như trăm ngàn người đàn bà khác, không nhan sắc, liệu anh có vác giá vẽ sang bên này sông không? Anh lúng túng sau câu tự vấn này. Anh cho rằng cũng có thể vì một hình ảnh đẹp; những hàng cây ôm quanh lớp nhà sàn ở bên bờ một con sông lớn nước lấp lánh in sắc mây hoàng hôn, hay cũng có thể là tình yêu.

Tiếng nói đầm ấm của người thanh niên mới lại làm cho nơi Nhị ở bớt quạnh hiu. Nhị đã sống những ngày khắc khoải. Bây giờ chồng Nhị không về nữa. Những cuốn sách và

ước vọng cuồng nhiệt đã làm y chết giữa buổi loạn ly. Cuộc đời của Nhị bây giờ phẳng lặng như những chuyến đò máy đi và về trên giếng Mê-kông quen thuộc. Chiều nào quạnh hiu quá, Nhị khóc một mình. Buồn biết bao khi người ta sống không chờ đợi. Rồi bỗng đâu Ngọc đến. Y đem cả cuộc đời đầy màu sắc của y vào cái xóm nhỏ bên bờ sông.

Buổi sáng Ngọc sang phố, vẽ và coi bản khắc lên khuôn. Chiều anh ở nhà cặm cùi dựng mấy bức tranh sơn theo những hình ảnh đã ghi trong tập ký họa. Anh chưa tìm được nền nâu vừa ý. Màu nâu mà anh vẫn gặp thấy trên nước da người phu khuân hàng ở bến tàu buổi trưa chan hòa nắng. Màu nâu khi ánh nắng in lên cánh tay mập mạp, lên ngực đầy đặn của cô gái Chùa Tháp. Màu nâu của một gốc hè phố, một tấm “sà rồng” in hoa. Anh muốn tạo thành một màu sắc rung cảm. Cả đến màu nắng đúng độ trong suốt như pha lê của thành phố Nam Vang. Ngọc cũng chưa

kịp ghi lên khung vải. Những sắc màu mong manh ấy Ngọc chưa vẽ được lên là bởi dạo này anh thường bị ám ảnh bởi khuôn mặt trái soan của Nhị. Nhị đã bằng lòng ngồi làm kiểu mẫu cho anh. Lấy cớ là để tìm một màu nắng họ làm việc vào lúc sớm mai những ngày chủ nhật, khi nắng chớm vàng lên những ngọn cây đầu xóm. Nét mặt Nhị, những khi ngồi làm kiểu mẫu, tươi mát hẳn lên. Ánh nắng mai hắt từ những tàu lá xanh mướt làm đôi mắt đen lấp lánh một vẻ say sưa quyến rũ.

Đôi khi Ngọc lơ đãng ngừng tay:

– Tôi cứ ước ao được thấy lại đôi mắt của chị buổi chiều hôm nọ.

– Chắc chúng buồn lắm phải không anh?

Thoáng nghe Nhị thở dài, anh vội vàng xin lỗi:

– Không hiểu tại sao tôi lại thấy được sự

hòa hợp của ánh mắt buồn trong một khung cảnh sớm mai. Chị thấy tôi hơi lập dị chăng?

Nhị cười, lắc đầu:

– Nghệ sĩ các anh, ai mà hiểu nổi. À, thế anh đã tìm ra “màu nắng” của anh chưa?

Ngọc không trả lời, ngó nàng một lúc lâu rồi nói lên như một người vừa thoáng tìm ra hạnh phúc:

– Tôi đã thấy rồi.

Thấy Nhị nhìn mình ngơ ngác, anh tiếp:

– Tôi đã tìm được cái màu sắc mong manh ấy ngay ở...

Ngọc ngừng lại, tự nhiên hồi hộp, có lẽ vì vừa bắt gặp ý nghĩ táo bạo mà anh định thốt lên.

– Ở đâu kia, anh?

Nhị hồn nhiên hỏi lại. Ngọc nghĩ ngay ra được một ý. Anh chỉ tay vào bức tranh đang vẽ dở:

– Đây này.

Đôi mắt người đàn bà bỗng trở nên bối rối. Ngọc lúng túng nói:

– Tôi nói thật. Chị tha lỗi cho tôi nhé!

Sự thực Ngọc đã tìm thấy. Đó là màu sắc của tình yêu. Còn gì đẹp hơn màu nắng sớm mai trên đôi mắt của người yêu.

Nhị nói để giấu xúc động:

– Anh vẽ màu đẹp quá. Nhưng không được giống lắm...

Sợ Ngọc phật ý, nàng vội tiếp:

– Người trong tranh hơi trẻ hơn tôi.

Lòng già thanh niên thoảng vui. Y nói:

– Tôi vẽ bằng trực giác nhiều hơn. Chẳng hạn như khi vẽ mặt chị tôi hình dung lại buổi chiều hôm nọ. Tôi thường để ý đến cặp mắt khi vẽ một bức chân dung. Đôi mắt phản chiếu tâm hồn người. Và những bức họa thường linh động hơn là ảnh chụp vì họa sĩ đã mượn màu sắc để vẽ lên những rung cảm của lòng mình trước tạo vật.

Nhị im lặng nghe. Mắt nàng không rời Ngọc đương nói một cách say sưa. Y còn trẻ và đầy hy vọng. Họ gặp nhau trong buổi chiều mưa bụi trên con đò máy sang sông. Ngọc đi tìm những cảnh đời mới những tình yêu mới. Còn nàng, cuộc đời đã dành cho một góc bé nhỏ trong cái xóm quạnh hiu bên sông này. Tất cả hy vọng của nàng là đứa con trai đương lớn lên.

Đương vẽ, Ngọc bỗng nghe Nhị bảo:

– Có lẽ mình nên ngừng lại đây.

Chàng họa sĩ đã hiểu người đàn bà nói gì. Y lặng lẽ chùi bút vẽ và xếp lại những管 thuốc màu. Dáng điệu y chậm chạp và bùi ngùi. Nhị bỗng muốn chạy đến ôm lấy y mà an ủi. Nhưng tiếng thằng Tuấn gọi Nhị ở bên nhà làm nàng chợt tỉnh. Thằng bé thấy mẹ, thoăn thoắt chạy sang. Nó ngắm nghía bức tranh rồi bảo Ngọc với một vẻ thành thạo người lớn:

– Ông vẽ đẹp quá. Nhưng không giống mẹ cháu.

Ngọc xoa đầu nó:

– Mẹ cháu cũng đồng ý với cháu đấy.

Bóng mây lúc này tan đi. Ngọc đã thấy lại ánh nắng trong mắt người mẹ. Tình yêu tràn ngập trong lòng anh như màu sắc tươi đẹp

buổi sớm mai.

* * *

Bức chân dung vẫn chưa hoàn thành.

Nhiều sáng chủ nhật qua, Nhị dậy muộn. Nàng xin lỗi vì hơi khó chịu trong người. Ngọc sách giá vẽ đi vòng ra bờ sông. Anh ngồi suốt buổi và trở về với khung vải trắng. Một buổi tối, Ngọc đương ngồi đọc sách thì Nhị chạy sang. Anh ngạc nhiên hỏi:

– Cháu Tuấn đi ngủ rồi ư?

– Cháu ngủ rồi. Thấy còn sớm quá tôi định lấy mấy cái quần áo cũ của cháu ra vá lại. Sờ đến hộp quẹt để thắp đèn thì chẳng còn cây nào.

– Chị đem cái bật lửa của tôi về mà thắp đèn.

Nhị cảm ơn rồi trở về. Một lát sau nàng đem quét máy sang trả Ngọc. Nàng sắp sửa đi xuống cầu thang thì nghe tiếng Ngọc phía sau:

– Tôi có câu chuyện này muốn nói với chị. Chị có thể ngồi lại một lúc được chăng?

Nhị lặng lẽ gật đầu. Buổi tối mát. Mùi hoa nhãn thoảng từ vườn bên cạnh sang. Không thấy Ngọc nói gì. Họ nhìn băng quơ xuống sân. Lá cây lấp lánh như trắng bạc.

– À, tối nay có trăng.

Nhị nói để phá tan không khí yên lặng khó chịu. Lúc bấy giờ Ngọc mới lên tiếng. Giọng anh hơi run:

– Đáng lẽ tôi không nên gặp chị. Tôi thật ân hận vì chuyện hôm nọ.

– Cuộc đời chúng ta là sự tình cờ cả. Nếu không có các hình ảnh đẹp bên này sông,

không có chuyến đò máy buổi chiều chắc gì mình đã gặp nhau.

– Có lẽ tôi sắp về Sài Gòn. Tôi đã vẽ được khá nhiều tranh. Chỉ còn bức chân dung...

Bỗng dừng Nhị muốn khóc. Vẻ mặt của Ngọc lúc bấy giờ thoáng một vẻ xót xa, đau đớn. Y đã yêu và thất vọng một cách chân thành. Người đàn bà nắm lấy cánh tay của Ngọc dịu dàng bảo:

– Tôi sẽ ráng ngồi để anh vẽ nốt. Nhưng anh đừng nói gì nữa...

Nhị thông thả đứng lên. Trong giây phút nàng cảm thấy bàn tay của gã thanh niên xiết chặt lấy tay nàng, như nắm giữ lại. Một hơi ấm truyền từ vai nàng xuống đến ngực. Mắt người đàn bà long lanh dưới ánh trăng. Khuôn mặt trái xoan lồ lộ như một bông hoa đêm có màu trắng dịu. Trời về khuya hơi lạnh. Bóng hai người cắt nét trên thành bao lơn.

– Để tôi đưa Nhị về.

Nhị thoáng nghe tiếng nói của người đàn ông, bàng hoàng như trong giấc mơ. Nàng lặng lẽ đi xuống cầu thang. Ngọc bước theo như một cái bóng câm.

Đêm ấy Nhị không chợp mắt. Qua khung cửa nàng còn thấy đốm lửa nhỏ bên kia nhà chàng họa sĩ. Y ngồi ngoài hiên hút thuốc lá.

Một tuần sau, Ngọc thu xếp về Sài Gòn. Bức chân dung Nhị anh đã vẽ xong. Anh bảo Nhị:

– Tôi sẽ gửi tặng Nhị sau kỳ triển lãm này.

– Anh nên giữ lấy để làm kỷ niệm.

Nhị tiếp qua nụ cười lợt lạt:

– Khi nào buồn hãy nghĩ đến tôi một chút!

Chàng họa sĩ cần môi ghen ngào. Y nhìn Nhị rất lâu và để lẫn xuống mà một hạt lệ:

– Nhị hãy cho phép tôi trở lại đây một lần nữa...

Nhị đặt bàn tay nàng trong lòng tay ấm áp của Ngọc:

– Anh vẫn có thể đến thăm mẹ con tôi. Nhưng tôi sợ rằng khi anh trở lại thì cảnh cũ bên sông... không còn nữa.

Giọng Nhị thấp xuống:

– Người ta chỉ sống được có một lần với một hình ảnh đẹp thôi, Ngọc ạ.

* * *

Sau đó ít lâu, giữ lời hứa cũ, Ngọc trở lại xóm « Chui Chèn Hoa » đem theo bức chân dung tặng Nhị.

Nếp nhà cũ đã đổi chủ. Hàng xóm không biết hai mẹ con Nhị đã đi đâu. Ngọc nhắn tin nhiều lần trên báo. Cho đến nay, bức chân dung của Nhị vẫn nằm trong xưởng vẽ tồi tàn của Ngọc ở vùng ngoại ô ồn ào bên thành phố Sài Gòn hoa lệ.

VĨNH LỘC

T Í M

*xao xuyến cả trời thu màu tím ngát
áo em thơ tím đượm ý hoa đời
hôm nay đây tình thắm ở nơi tôi
còn vương mãi bốn mùa em phương thảo
mùa thu em mùa thơ em kỳ ảo
dáng mây sâu heo hút lối chân đi
nắng trải bằng khoảng mê mãi con đường về
tôi mãi nhớ hồn mơ đầy sắc tím
hoàng hôn rơi ân tình lên bịn rịn
khoảng trời xanh buồn cánh tím lênh lang*

luống đất nâu con bướm nhỏ hoen vàng
bay chập chững tôi yêu rồi mấy độ
từ ruộng đồng xa nương về đại lộ
màu cỏ hoa man mác nẻo chân trời
tôi yêu rồi nguồn ánh sáng em tươi
và huyền diệu mới hồng em hé nửa
không gian ời tím ngọt ngào hương lửa
nụ tình thơm e ấp nở mê say
những cánh hoa bay tím lại dâng đầy
ôm gọn lấy bóng kinh thành ngơ ngác
người em tôi đẹp vời xa mộc mạc
mắt thu huyền trong suốt ánh sao băng
có biết chẳng em tất cả huy hoàng
trong vũ trụ đều thấm vào em cả

*hôm nay đây tím chan hòa mọi ngả
từ vầng em lồng lộng bình minh
tôi yêu mê dâng lại đóa hoa mình
cho nhan sắc thuở trần gian yêu dấu
tím lời lời thu sang mùa hợp tấu
tôi về em họa điệu bản cầm ca
tím mơ màng ngây ngất trái bao la*

DUY THANH

KHOẢNG CÁCH

tôi nhớ không còn gì

khoảng cách trần truồng vô nghĩa

tờ giấy trắng bọc gọn trái tim

nét chữ trôi lên kín cả

tôi nhớ không còn gì

chiếc đinh hoen rỉ

cắm sâu vách gỗ một căn nhà bỏ vắng

khoảng cách thời gian trống trơn

người đi qua và tiếng giày nín lặng

tôi nhớ không còn gì

HÀNH TRÌNH

*hơi thở chưa bao giờ nguôi
rừng rừng đường phố náu
bài hát mất đi trong đôi môi
tôi vẫn chưa muốn trở về
nếu em còn một cánh hoa
tôi sẽ yêu chiếc cửa sổ mở ra ngoài trời
nếu không người nào đứng lại
toi sẽ ngủ dài vệ đường
bao nhiêu thuyền lá vàng rụng xuống
ôi những chuyến đi với không gian*

SU'O'NG

trong mảnh nghĩa trang thâm kín lòng mình

tôi gục đầu và khóc bên một nấm mồ

ôi những hạt sương đọng trên búi cỏ hoang

sao hình em lại mọc đây

NHỮNG LÁ THƯ HÀ NỘI

L.T.S. Dưới đây là mấy lá thư mang ngày tháng và bưu ấn Hà Nội, của một bạn đọc gửi cho Sáng Tạo, để đăng vào số đặc biệt về Hà Nội.

Đọc xong, chúng ta sẽ không nói rằng đây là tất cả Hà Nội của một thế giới khác, ngăn cách chúng ta một vĩ tuyến. Tại vì Hà Nội ở đây chỉ hiện qua lăng kính tâm trạng của những người phải lấp đầy hiện tại bằng dĩ vãng. Bởi thế những thư ấy mất đi ít nhiều giá trị thời sự. Tuy nhiên, tình cảm của những người viết thư, dù không ào ạt mãnh liệt, nhưng kín đáo chân thật và nhẹ nhàng đã gọi cho người đọc đủ cảm thấy sự sống ở nơi ấy đã được khôn

vào những giới hạn trong đó họ thiếu tất cả từ những thứ gì tầm thường nhất đến những thứ gì quý giá nhất.

Mặc dầu vậy, vấn đề phải đặt ra cho họ vẫn là — bởi lẽ họ không thể không tiếp tục sống — phải tìm được một chỗ đứng trong những giới hạn ấy. (Nhưng, thành phố đã thôi không mở rộng những cửa sổ như xưa và một ngày mùa đông, người mẹ đã được vuốt mắt và đưa xác về quê, sau những ngày đau ốm không có thuốc chữa.) Cho nên họ bó buộc phải chấp nhận thực tại, nhưng với một thái độ chối từ. Chỗ đứng của họ không ở hiện tại mà ở dĩ vãng. Thảm kịch sống bắt đầu từ đó.

Những lá thư dưới đây sẽ không mang lại cho chúng ta những gì mới lạ. Vẫn những màu sắc, âm thanh và nhịp điệu đã từng gặp ở Hà Nội từ thửa nào. Nhưng chúng ta sẽ thương xót tâm trạng suy nhược của những người hình như vì bất lực muốn an phận với một

thân phận những con người đã bị tước đoạt hết, những con người đáng lẽ phải tự qui định bằng một cuộc nổi loạn cách mạng.

Và chúng ta sẽ dễ hiểu như hiểu một sự thật trong chúng ta rằng tiếng nói nhỏ nhẹ kia, phủ một lớp bụi thời gian chính là tiếng kêu thất thanh của những kẻ đau khổ từ một thế giới quá xa lạ với sự sống, muốn vươn mình tới thế giới mà ở đó – nói theo kiểu V. Doudintsev: “người ta không chỉ sống bằng bánh mì”.

Hà Nội, ngày... tháng năm...

Em Hùng,

Chị đã nhận được thư em. Là thư trước chị đã gửi ngay nhưng vì bưu điện họ nhận cước sai nên họ gửi thư lại để lấy thêm tiền rồi mới lại gửi đi nên thư bị chậm. Lỗi không phải tại

chị. Nhận được thư em chị rất vui song không khỏi bùi ngùi. Chị mong từ nay sẽ luôn nhận được thư em. Những dòng chữ quen thuộc của em, có lẽ, sẽ là nguồn an ủi độc nhất cho đời chị.

Chị rất cảm động khi em nhắc nhở nhiều về việc gửi quà biếu chị và các cháu. Trong thư trước, chị đã xin em mấy thức cần dùng. Không biết rồi chị sẽ có đủ khả năng để lĩnh về nhà dùng hay không nhưng chị cũng cứ xin, để rồi sẽ liệu. Chị hy vọng mùa rét này chị và các cháu sẽ có áo len tốt mặc. Những áo cũ phần thì đã quá cũ, phần vì các cháu mau lớn nên chị phải tháo ra đan đi đan lại mấy lần rồi, bốn lần rồi đấy nhỉ? Hiện nay chị chưa có hoàn cảnh — chị muốn nói “phương tiện” đấy mà không biết dùng chữ như vậy có đúng không, sợ bị em cười — chụp một tấm ảnh nhỏ để gửi cho em. Khi nào thư thả chị sẽ chụp. Bây giờ thì em cứ tạm hình dung là chị đã gầy đi nhiều và đã già đi nhiều — ừ nhất là già đi nhiều, già trước

tuổi. Còn các cháu thì chúng đã lớn. Anh chàng Hoàng thì giống như một câu tục ngữ nào đó đã ví là “cao như ba ngày không bánh”, còn cô ả Hảo thì không còn nũng nịu dậm chân liên hồi mà vùi vãnh mẹ nữa. Hảo đã biết thương mẹ mà ngoan hơn trước nhiều. Hảo đã đi học và đã viết được thư gửi chú rồi đấy.

Chị rất buồn khi em hỏi về tủ sách của em để lại vì tuy cố gắng chị cũng chẳng còn giữ được bao nhiêu. Một phần phải cho mượn và một phần rất lớn chị phải hủy đốt đi để “hưởng ứng” việc “bài trừ văn hóa nô dịch”. Lắm cuốn chị muốn giữ lại mà không sao được chẳng hạn như cuốn “l’Idiot” của Th. Dostoïevsky hay “Destruction d’un cœur” của Stefan-Zweig.

Chị muốn viết cho em thật dài nhưng còn phải để dành giấy cho hai cháu. Chúng đâu đã viết được kiểu chữ con kiến của người lớn chúng mình. Chị ngừng ở đây nhé. Thư này chị gửi chung với cô Hiền nên không tiện viết dài,

sợ thư nặng quá rồi nằm quên ở đáy hộp thư nhà bưu điện mất. Lần sau, có đủ một ngàn bạc tem, chị sẽ viết thật dài cho em vậy.

Cầu chúc em thật nhiều may mắn và thành công.

Chị

Hạnh

Chú Hùng kính mến,

Lần này mẹ cho chúng cháu viết thư gửi chú. Chúng cháu cố viết nhỏ để viết được dài. Hoàng viết một nửa và em Hảo viết một nửa.

Hôm nọ mẹ bảo chú Hùng học giỏi lắm, chú Hùng làm tiến sĩ. Thế làm tiến sĩ có sướng không hở chú? Có được ăn phở với bánh tôm luôn không hở chú? Có giỏi như chú Hiền làm

cán bộ không hở chú? Mẹ bảo chú sắp gửi quà về làm chúng cháu mong mong là. Chiều nào chúng cháu cũng ngóng đợi ông già bưu tín viên mãi mà chẳng thấy. Thế nào chú cũng gửi lên về để mẹ đan áo mới cho chúng cháu nhé. Áo của Hoàng thì cổ tay đã co lên đến gần khuỷu tay rồi còn áo của Hảo thì không cài được cúc nữa mà chú ạ, sao năm ngoái trời rét ghê thế. Hồi còn bé chúng cháu chỉ mong trời rét để mẹ cho ăn hạt dẻ với ngô rang, bây giờ lớn rồi sao chúng cháu sợ rét thế.

Hôm nhận được thư chú mẹ mừng quá mẹ khóc. Mẹ sai Hoàng đưa thư lên nhà cô Hiền. Cô Hiền đang vo gạo cũng bỏ đấy. Đọc thư chú rồi cô Hiền cũng khóc. Sao đàn bà hay khóc thế chú nhỉ. Hảo viết được thư cho chú rồi đấy nhé. Hảo không còn bé như con mèo nữa đâu chú nhé. Hảo thích lên nhà cô Hiền chơi làm chú nhé. Hảo yêu cô Hiền lắm. Mỗi lần lên có Hiền đều cho cháu ăn khoai lang hay ngô luộc, ngon lắm chú ạ. Còn chú Hiền thỉnh thoảng mới về

nhà. Mỗi lần đến chơi chú ấy lại cho cháu (cả anh Hoàng nữa chú) đi ăn phở. Sướng quá chú ạ. Cháu chỉ mong cho chú ấy được về chơi luôn thôi.

Lần này cô Hiền bỏ thư cho chú. Mẹ cứ bảo ước gì mẹ có đủ tem thì mỗi ngày mẹ sẽ viết cho chú một lá thư. Không biết mẹ định viết gì mà viết nhiều thế. Mà mỗi lần viết thư cho chú là y như mẹ lại khóc. Mẹ hay khóc quá chú ạ. Chú viết thư về bảo mẹ đừng khóc nữa chú nhé.

Hết giấy rồi, ác thật. Chúng cháu hôn chú thật nhiều. Chú nhớ gửi quà về cho chúng cháu nhé. Đừng quên chú nhé.

Hai cháu ngoan của chú,

Hoàng và Hảo

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

Anh Hồng,

Bữa nọ chị Hạnh viết thư sang cho anh, em cũng đã gửi ít hàng, em chắc anh cũng đã nhận được và đã rõ tin em. Em không ngờ còn có ngày được nhận thư anh và cũng không ngờ rằng chuyện cũ không những đã không phai mờ trong hồn anh mà còn gọi thương, gọi nhớ. Em định viết gửi anh từ mấy hôm trước song gặp ngày nhà em về chơi nên em bận rộn quá, vả lại em cũng muốn cho tâm hồn hoàn toàn bình thản khi viết gửi anh.

Mà biết viết gì đây? Đã hàng tuần nay em suy nghĩ về những điều sẽ viết gửi anh mà giờ đây ngồi trước trang giấy trắng lòng lại thấy trống rỗng mênh mang — Cái trống rỗng của một tấm bảng đen sau giờ tan học, của một thủy thủ già trước giờ nhổ neo; của một dòng suối nhỏ nằm suy tư dưới trăng sao. Một dòng suối nhỏ... Lâu quá rồi anh nhỉ, từ hồi đất nước còn chìm trong khói lửa. Đêm hôm ấy sáng trăng

và chúng mình chỉ còn vài giờ sống gần nhau. Sớm mai anh lên đường đi hành quân. Lúc gần chia tay anh đã hát và em đã khóc. Em không còn nhớ đêm ấy anh đã hát bài gì, chỉ còn nhớ mang máng có vài câu:

Tìm đâu thấy một bàn tay?

Cho tôi sống lại một ngày,

Có nắng vàng Paris, có heo may Hà Nội.

Nắng Paris chiều nay không biết có vàng không anh? Còn heo may Hà Nội thì chiều nay đang hiu hắt lùa vào lòng người cái giá lạnh cô miên. Giờ này có lẽ anh đang chăm chú ở giảng đường hay thơ thần ở một công viên có rất nhiều hoa lá và bồ câu; hay đang trầm lắng bên cạnh một ly cà phê trên một góc vỉa hè cổ kính vắng người qua lại; hay biết đâu anh chẳng đang ngồi ở bàn viết ghi lên đầu trang giấy: “Saint Germain, ngày... tháng... năm.... Phải, biết đâu giờ này anh chẳng đang ngồi viết cho em. Biết đâu

giờ này heo may Hà Nội chẳng đang lách mình lên vào hồn anh ăn cắp đi ít nhiều thương nhớ.

Em vẫn ở nhà cũ. Bên kia khung cửa sổ vẫn là Hà Nội. Vẫn là Hà Nội của ngày xưa – em muốn nói vẫn là Hà Nội của anh. Dãy phố cũ vẫn không có gì thay đổi. Anh vẫn có thể nhắm mắt lại để nhớ ra rất đúng từng miếng nắng, từng hàng cây, từng viên gạch, từng dấu giày. Chỉ có một đổi thay nho nhỏ là phố cũ đã mang một tên mới và các cửa sổ hai bên đường phố ít được mở rộng như xưa. Anh thường bảo em cặp mắt là cửa sổ của linh hồn. Vậy có thể nào nói cửa sổ là linh hồn của cặp mắt không anh? Anh đừng cười em là trẻ con và lẩn thẩn nhé. Trẻ con thì em vẫn còn trẻ con tuy đã lấy chồng và đã làm cô giáo để dạy trẻ con: còn lẩn thẩn thì nhà em vẫn chê em là « lẩn thẩn trường thiên ». Nhà em cũng chỉ chê vậy thôi chứ không trách vì đã có lúc anh ấy hoài nghi và tự hỏi xem « lẩn thẩn trường thiên » có phải là một căn bệnh hay không?

Anh hỏi em chiều nay Hà Nội có đẹp không?
 Em hơi ngần ngại khi trả lời anh. Đường nhiên
 là Hà Nội đẹp chứ nhưng đẹp sao được bằng
 Hà Nội trong lời thơ anh. Có lẽ anh đã viết đến
 bài thơ thứ mười mấy để ca ngợi « cố đô » rồi
 đấy nhỉ. Em thì chỉ viết được có mỗi một bài
 « Xóm tôi ». Hồi ấy viết xong em hí hửng đưa
 khoe anh thì anh vội bịt mũi chê vang lên là em
 làm thơ gì mà lại có đủ cả đông tây nam bắc
 như là một trắc lượng viên vẽ hình trên họa đồ
 vậy. Có lẽ tại bị anh chê nên em tức giận và vì
 tức giận nên từ đấy em cũng chẳng viết thêm
 được bài thơ nào để mà ca tụng Hà Nội nữa.
 Hồi xưa, đọc « La peste » của A. Camus anh đã
 gật gù đồng ý với tác giả là một thành phố đẹp
 cần phải có cây cao bóng cả dọc hai bờ đại lộ,
 hoa lá nở thắm rực công viên và chim bồ câu
 trắng bay lượn trên bầu trời xanh ngắt. Thiếu
 những thứ đó thì thành phố chỉ là một chốn tù
 đầy, bốn ngõ ra nào đều bị hàng rào y tế giữa
 bệnh dịch hay hàng rào kẽm gai của chiến tra-
 nh bao vây. Anh còn nói nếu sau này anh làm

Thị trưởng Hà Nội, anh sẽ cho trồng thật nhiều cây, xây thật nhiều bồn nước, nuôi thật nhiều bồ câu. Vì thế, trước khi trả lời anh em đã vội ngẩng nhìn ra một bờ đại lộ, một góc công viên, một mảnh trời cao và... em đã ngẩn ngai!

Anh còn hỏi em chiều nay Hà Nội có « thu » không? Em đoán là khi hỏi em câu này anh đã nghĩ đến một mùa thu ngày cũ, ngày xưa – Ngày mà thời gian được « đem bán » trên những vỉa hè, ngày mà dấu hiệu của mùa xuân là hoa đào, hoa cúc; mùa thu là cốm Vòng, hồng ngâm. . .

Nếu không đúng thế thì chắc anh đã nghĩ đến mùa thu của lòng người rồi. Phải rồi, anh tinh quái quá, anh định hỏi em xem lòng người Hà Nội chiều nay có « thu » không đấy. Còn mùa thu của niên lịch thì tại sao không có. Một đứa bé học lớp ba cũng có thể trả lời anh là « mùa thu đến sau mùa hạ, mùa thu đến trước mùa đông, mùa thu dài ba tháng, mùa thu... » Nhưng còn mùa thu của lòng người lại là

chuyện của người lớn mất rồi mà em thì vẫn còn trẻ con, làm sao em trả lời anh được?

Mùa thu trong lòng người, khó hiểu quá! Khó hiểu vì lòng người làm sao có được một trận gió nhẹ tung vài xác lá vàng bay lượn trên không; những vũng nước đọng trên mặt đường lầy; và những giỏ hoa tươi thắm hẹn hò nở đúng theo niên lịch, được gửi tới từ những vùng ngoại ô trên những chuyến xe điện vắng khách chậm chạp lẫn mình trong mưa sương... Làm sao nói cho anh biết được là lòng người Hà Nội có thu hay không?

Trong thư anh nói năm ngoái thi rớt anh không cười. Anh bảo cổ nhân nói « tiểu tự văn nhân lạc đệ ký » là sai rồi. Cổ nhân sai, đúng rồi anh ạ, bởi vì chị bạn gái dạy cùng trường em vừa đi lấy chồng; không vừa lấy chồng (em muốn gạch bỏ chữ « đi », thừa quá)? Chị ấy không may áo đỏ, không khóc, cũng không cả nghỉ dạy. Sớm ngày sau hôm cưới, em đã thấy

chị ấy đứng bên bảng đen viết những hàng dài con số. Những hàng dài con số. Người xưa đã sai rồi, ngày xưa đã qua rồi. Làm sao em nói cho anh biết được chiều nay Hà Nội có « thu » hay không?

Dòng chữ ghi ngày tháng cuối bài thơ « Thương về Hà Nội » cho em biết là anh đã viết những vần thơ đó bên một bờ hồ đẹp nhất Âu châu. Một cảnh dương liễu rủ xuống chịu tang, một con thiên nga bơi lững lờ làm xao động mặt nước đã làm sống lại trong anh thật nhiều kỷ niệm, bóng hình. Thơ anh đẹp không phải vì đã diễn tả những cái đẹp của thiên nhiên mà chính vì anh đã dệt thơ bằng cái đẹp của lòng anh, bằng những bóng hình kỷ niệm. Thiếu cái đẹp nội tâm đó thì anh cũng đã chỉ là một trắc lượng viên và cũng đã « tẻ » như em nghĩa là thơ anh cũng đã có đủ cả đồng tây tứ chi; có khi còn « tẻ » hơn nữa, thơ anh lại là cả một bài học địa dư: « Hà Nội là một thành phố... kinh tuyến... vĩ tuyến... diện tích... dân số... »,

« Thương về Hà Nội » còn là một bài thơ thuần túy bởi vì người viết còn cả một cái dĩ vãng để mà thương, mà nhớ; còn cả một cái đẹp để mà yêu, mà thi vị hóa. Nếu cắt bỏ cái dĩ vãng đó đi, nếu xoa mờ cái đẹp ấy đi... Nhưng thôi, tại sao em lại viết dài dòng về Hà Nội như vậy nhỉ?

Em thấy cần phải để anh coi Hà Nội là đẹp mãi, đẹp như xưa hay là đẹp hơn xưa nữa cũng như Hà Nội chiều nay rất... « thu ». Bởi vì nếu Hà Nội không còn đẹp nữa, không còn « thu » nữa thì rất có thể sẽ có ngày anh quên hẳn em đi. Mâu thuẫn quá anh nhỉ? Nói thế thành ra. Hà Nội thu, dĩ vãng và em đã gắn liền vào nhau rồi. Lẩn thẩn đã « trường thiên » nên mâu thuẫn cũng « trường thiên ». Muốn tránh chỉ còn biết trông cậy vào ổ khóa của tâm hồn. Khóa cho thật chặt cũng như người bệnh « diabète » giữ cho thật kỹ ống « uruline » cuối cùng vậy.

Em rất sợ viết dài. Ngày xưa, nhiều lúc sửa bài cho em anh đã chẳng trách em là viết văn chương đơn thuốc đó sao? Khổ quá, sợ viết dài mà lại muốn viết nhiều. Thành ra sợ và muốn lại cũng gắn liền vào với nhau mất rồi. Muốn khỏi sợ chỉ còn biết kể lể cho đến hết trang giấy này thôi:

Đẻ mất hồi tháng chạp năm ngoái anh ạ. Em đưa xác mẹ về quê trong khi mọi người đang rập riu lo tết. Mẹ chết vì bệnh già – một thứ bệnh thường khó hiểu và phức tạp. Mẹ đã luống tuổi, trời lạnh quá mà thuốc men lại không đủ (anh bác sĩ Tâm có đến chăm nom song sức anh cũng chẳng giúp được gì ngoài câu nói « nguy lắm »! Cần phải có thuốc này, cần phải có thuốc kia....) nên mẹ chết. Mẹ chết khá bình thản. Em vuốt mắt mẹ mà không khóc (hay có khóc mà không khóc được nên lời). Chú Hào bạn công tác không về được, nhà em ở xa nên chỉ có mình em đưa mẹ. Khi chôn cất xong em nghĩ rằng mẹ chết đi như thế có lẽ lại là siêu thoát. Mẹ đã

sống trọn vẹn kiếp người. Chỉ thương là mẹ chết vì không đủ thuốc và lúc nhắm mắt mẹ không được gặp lại người con trai duy nhất mà mẹ cố sống để đợi chờ, để hy vọng.

Đẻ mất rồi em định khăn gói đi theo nhà em cho gần gũi song nhà em không bằng lòng. Thành ra em ở lại Hà Nội, tháng ngày cặm cụi với sách vở và các cô, cậu học trò của em. Anh hỏi em có được hạnh phúc không? Em không biết trả lời anh ra sao. Em tìm quên lãng và an ủi trong công việc bình thường nhật. Ít khi em nghĩ đến ngày mai hay gần gũi hơn nữa, đến một sự việc gì có thể xảy đến để thay đổi cái độ sống mục thối hiện nay. Ngày tháng rơi như giấy lịch. Không sung sướng song em cũng không khổ sở – Đừng nghĩ là em nói thế để làm yên lòng anh đâu. « Mãi rồi nó quen đi hết » đã chẳng là một quan niệm triết lý cổ truyền của Đông phương mà anh giảng cho em hồi xưa đó sao?

Còn chồng em? Nhà em kín đáo, ít nói. Nhà em can đảm làm việc và sẵn sóc em rất chu đáo. Niềm vui sống của nhà em được bộc lộ và dường như được giới hạn ở một điều thuốc ngon, một ly cà phê đậm, hay một buổi đi chơi Hồ Tây ăn bánh tôm. Nhà em rất yêu em. Còn em? Khó nói quá khi mà em chưa có một « luyện ái quan vững chắc » và nhất là khi phải nói với anh.

Từ khi nhận được thư anh, em đã cố định nghĩa xem hạnh phúc là gì. Suy nghĩ mãi không ra lại vốn lười tra tự điển nên em đành chịu. Thà là không biết còn hơn.

Bữa nọ chú Hào có về qua nhà. Hào nhắc đến anh và khi biết anh đang ở Paris chú ấy đột nhiên im lặng, ngồi hút thuốc hàng giờ, mắt mơ nhìn về phía xa – bên kia khung cửa sổ, như anh đã biết, chỉ có mấy vòm cây và một mảng trời xanh nên em cũng chẳng biết chú ấy nhìn gì. Hào hồi này kín đáo lắm, không còn hay « vider le sac » với em như xưa. Lúc nào

cũng trầm ngâm như một ông lão đánh rình mò bước đi của thời gian và chờ đợi một cái gì không rõ. Tám năm khói lửa và bốn năm tận lực đấu tranh trong hòa bình đã làm mắt Hào yếu đi nhiều lắm. Kỳ vừa rồi về khám ở nhà thương mắt, y sĩ đã khuyên chú ấy nên đeo kính — kính nhìn gần anh ạ. Tội nghiệp cho Hào bởi vì rồi ra số kính sẽ tăng lên và tăng rất nhanh. Có lúc em lẩn thần lý luận rằng nếu Hào đừng ráng nhìn xa quá thì có lẽ giờ đây đã không bị tật bệnh. Nhà em chê em là « phản khoa học » song rồi anh ấy cũng cười và cả Hào cũng cười. Đương nhiên là em cũng cười theo vì thường ngày phải hà tiện tiếng cười nên có dịp là vội cười ngay cho hả, anh ạ.

Em rất cảm động trước ý định ân cần của anh muốn gửi quà về cho em. Một sinh viên nghèo du học ở kinh thành ánh sáng mà lo chuyện gửi quà về biếu người thân thì quả là cả một hy sinh. Em biết thể song em vẫn cử nhận vì nếu em từ chối thì... anh lại cho là em « nhiều sự »

mất thôi. Mà anh cũng đừng mở tự điển để truy nguyên nghĩa chữ hy sinh nhé. Một là anh sẽ tìm ra chữ đó có nhiều nghĩa quá và hai là anh sẽ gặp phải một lô những chữ khó hiểu mà thiên hạ lại dùng để định nghĩa cho một chữ vốn đã khó hiểu rồi. Lúc ấy anh sẽ tin em, rồi anh sẽ nghi ngờ anh và nghi ngờ luôn cả ba cái chứng chỉ cử nhân văn chương của anh đấy.

Biết xin anh cái gì đây? Cái gì cũng muốn, cái gì cũng cần. Xin anh mấy cuốn len để đan một cái áo rét, không, hai cái áo rét chứ. Và một đôi săm lốp xe đạp nữa. Có săm lốp mới nhà em sẽ năng về nhà luôn, về được nhanh chóng hơn, và có áo rét thì, thì... trời sẽ đỡ lạnh hơn. Hai cái áo anh nhé! Mà đừng có cười em tham đấy vì không biết từ bao giờ em lại có ý nghĩ là em có quyền bắt anh phải... hy sinh, ngoan ngoãn mà hy sinh!

Anh chu đáo quá, không quên cả Hào nữa. Biết xin cho Dũng cái gì đây? Từ lâu Hào muốn

có một cái bút máy tốt. Đã nhiều lần em muốn mua tặng chú ấy song với tiêu chuẩn lương của một giáo sư thường như em thì món xa xỉ phẩm đó là cả một gia tài nhỏ nên em cũng chỉ biết ước muốn trong lòng vậy thôi. Như vậy, đây lại là một dịp tốt để anh làm được một hy sinh trọn vẹn — em muốn nói là một hy sinh đúng nghĩa đấy song vì chữ hy sinh có nhiều nghĩa quá nên em không biết nghĩa nào là đúng cả.

Thế mà em cũng đã kể lể được gần kín 4 trang giấy lớn. Khi mà đã 4 năm nay em không viết gửi anh được quá 10 dòng và giờ đây viết nổi 4 trang thì quả là em đã hoàn thành một tác phẩm rồi. Tác phẩm của Hiền, ghê không?

Quả thật là đến đây em vẫn chưa viết được một phần nhỏ nào về những điều mà em dự định viết, suy nghĩ từ hàng tuần lễ trước. Nhưng mà em định viết những gì kia chứ? À, sông Seine chắc là đẹp lắm, đẹp hơn cả lời tình ca « ăoi, je dors près de la Seine » đây anh Hùng

nhỉ? Em cũng không hiểu tại sao em còn nhớ nổi bản tình ca này khi mà em đã quên gần hết những điều quan trọng khác đáng nhớ hơn nhiều. Có lẽ tại vì thư anh mang nhật ấn của một bưu cuộc ở gần bờ sông Seine và có lẽ tại vì anh đã nói: « Dĩ vãng chỉ có thể tiêu diệt được chứ không thể lãng quên nổi ». Em không hiểu có phải anh đã tìm thấy quan niệm đó trong sách vở hay tự anh nghĩ thế. Song có điều em van anh là đừng viết nó vào bản đề án sắp tới của anh. Bởi vì có thể anh sẽ gặp một ông giám khảo khắc khổ, hủ lậu nào đó và em tin chắc là họ sẽ không tin anh đâu. Rất có thể là họ cũng đồng ý với anh nhưng họ chỉ đồng ý sau khi đã nhún vai, lắc đầu và đánh rớt anh rồi – Cũng như chồng em chỉ cười với em sau khi đã chinh em là phản khoa học, là không vững lập trường. là đủ thứ...

Riêng em, em tin anh và với niềm tin đó, em đã viết nổi thư này. Giấy mực thì trung thành quá nhưng lại có giới hạn thành ra em

phải ngừng ở đây tuy rằng em còn muốn viết dài hơn nữa, cố viết dài hơn nữa để cho « trọng tâm » của lá thư này không phải là đoạn bài viết xin quà anh. Nhưng chỉ còn hai dòng chót, đành nhờ một cánh chim, bay vượt không gian và vượt cả thời gian (đã mất đi rồi hay là sắp đến) đem tới anh cả một niềm tin với trọn lòng thương mến.

Người em gái nhỏ bé cũ của anh

Hiền

TIẾNG ĐỘNG DƯỚI CỎ

PHẠM NGUYỄN VŨ

TÀU chạy đã được hai ngày. Tất cả mọi người đều mệt mỏi. Ai nấy ngồi dựa vào nhau ngủ gà ngủ gật. Khi tôi tỉnh dậy sau một giấc ngủ ngắn thì tàu đi khỏi ga số 2 đã khá xa. Bọn tù nhân mới lấy ở nửa đường đi Sa-Khem lên ngồi la liệt ở dưới sàn. Một lão già gầy đét râu ria lởm chồm, đầu tóc rối bù nằm úp mặt xuống hai bàn chân tôi. Tôi cảm thấy hai mu bàn chân ẩm ướt và nhơm nhớp như dính mồ hôi. Tôi gạt lão ta nằm nghiêng sang một bên rồi lách mình dậy, bò qua đám đông và mấy cuộn quần áo cũ để tiến ra phía đầu toa.

Bấy giờ trời đã tối sẫm. Tôi vúi tay vào thành cửa sổ và đưa mắt nhìn ra bên ngoài khe chấn song. Tàu đang chạy qua những cánh đồng cỏ hoang, đằng xa là những ngọn đồi núi nối tiếp nhau. Nền trời giống như một tấm vải màu xanh tối, có những điểm sao lưa thưa lấp lánh. Gió từ bên ngoài lùa vào mát rượi. Thỉnh thoảng lại có những bụi than hồng từ đầu tàu bay lại, theo luồng gió bắn vào mé trong. Cái toa này là một căn phòng hình chữ nhật không có bày biện gì. Dưới ánh sáng leo lét của hai ngọn đèn bão, người ta nằm co ro đê lên nhau như những con chuột chết ở một vũng cống tối. Không khí hâm hấp những hơi người. Cách chỗ tôi đứng chừng hai thước có một dây chấn song sắt ngăn toa tàu ra làm hai phần. Phần ngoài hẹp, dài chừng bốn thước dành riêng cho bọn lính canh. Ba bốn tên châu đầu vào nhau đánh cờ. Ngoài căn đó là chỗ tiếp nối với toa trên có một cửa ra vào. Ngay chỗ cửa đó, có hai tên lính khác cầm súng ngồi hút thuốc và nói truyện to nhỏ với nhau.

Ngày thứ nhất tôi đã để ý đến những hàng chấn song sắt này. Đến bữa ăn bọn lính chuyên bánh mì từ ngoài đó vào. Một gã ngồi ở góc toa kia nhận bánh vào trao cho tôi. Tôi đưa mắt nhìn hắn. Bây giờ hắn đang ngồi yên lặng và nhìn tôi chăm chú. Tôi mỉm cười. Hắn cũng mỉm cười lại. Tàu chạy mỗi lúc một nhanh, người hắn lắc lư. Cái nụ cười ấy tôi thấy như quen thuộc và thân mến. Tôi hỏi:

– Đã đến giờ chưa?

Hắn chỉ tay ra phía ngoài, không đáp. Tôi nhìn theo bàn tay hắn. Ở toa ngoài, bọn lính đang sửa soạn chuyển bánh mì vào. Cả toa tàu bỗng như động đậy. Người ta ngồi cả dậy và xô dãn ra phía ngoài. Tôi bị đẩy về phía những hàng chấn song sắt. Bàn tay tôi quơ được một khúc bánh đã khô cứng. Người ta ngồi dựa vào nhau và bắt đầu ăn. Một người đàn bà mặc quần áo đen ngồi ở toa bên kia bỗng ôm ngực ho rũ rượi. Nàng ngồi dựa vào chấn

song, sát với tôi. Tôi ngồi gần xích lại thêm tí nữa và nhìn nàng. Đó là một thiếu phụ chừng ngoài hai mươi bảy tuổi một chút, da mặt và cổ trắng nõn nà, thân hình ốm yếu. Thỉnh thoảng nàng lại ngừng nhìn lên, đôi mắt lơ đãng, miệng lẩm bẩm những gì không rõ. Trong suốt cả chuyến đi, chưa có ai trông thấy nàng có lẽ nàng thuộc loại hành khách không ai có thể chú ý đến được, trừ khi nàng xuống cùng một ga và vào một ê-kíp tù với chúng tôi.

Tôi lách một bàn tay sang nắm lấy vai nàng. Người đàn bà giật mình quay lại, giương mắt nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên. Tôi khẽ nói:

– Có nước cho tôi xin một chút.

Nàng lắc đầu.

– Cô xinh lắm mà sao cô ác thế. Tôi đã nhìn thấy « bi đông » nước ở bên cạnh cô rồi.

– Không phải của tôi, nàng khẽ đáp.

– Thì cứ lấy đi, cho tôi xin một chút. Làm ơn.

Nàng ngần ngại vài giây rồi với chiếc bình nước chuyển sang. Tôi uống một hơi mạnh. Vừa uống tôi vừa ngó nàng.

– Uống xong thì ông trả lại tôi.

Tôi chuyển bình nước qua chân song cho nàng.

– Anh Trương 216 hát đi... Tiếng một người nói.

Có tiếng vỗ tay vào sàn tàu thành thịch để làm nhịp. Trương nói một câu:

– Tôi xin hát bài lơ thơ tơ liễu.

Rồi tiếng khăn khăn của hần cất lên. Tôi hỏi người đàn bà

– Cô tên là gì?

Nàng nhìn tôi, yên lặng.

– Cô tử tế lắm. Tôi chưa gặp ai như cô. Ngày xưa, mẹ tôi cũng tử tế với tôi như thế. Bây giờ đã lâu rồi, tôi không còn nhìn thấy cái vẻ hiền từ ấy nữa. Lúc bé tôi đi trên một con đường đất nhỏ cùng với mẹ tôi, mẹ tôi vẫn bảo: « Khi nào nhớn lên con sẽ hiểu, người ta sợ dĩ sống và sung sướng vì người ta biết thương mến nhau ». Mẹ tôi chết khi tôi sắp đến tuổi vào trường. Tôi ở với viện mồ côi đến năm mười tám tuổi rồi người ta mở cánh cửa sắt của cái căn nhà quét vôi trắng ấy ra, tôi vào cuộc đời với hai bàn tay không. Bây giờ thì tôi hiểu chẳng bao giờ tôi sung sướng được vì tôi không biết thương mến ai, cho đến khi tôi giơ cái búa sắt lên và đánh vào đầu nó. Nó là chủ của tôi và tôi căm thù nó.

Người đàn bà luồn tay qua chấn song xoa vào tóc tôi. Bàn tay nàng gầy và mỏng song rất

êm dịu và ấm áp. Nàng nhìn tôi đôi mắt hiền từ:

– Tôi có hỏi gì đâu mà anh nói?

– Tôi muốn cho cô biết tại sao tôi lại ngồi trên chuyến tàu này và ăn miếng bánh khô kia. Nhưng không cần thiết nữa. Khi tôi đọc được sách thì tôi biết được thêm một điều này: ngoài tôi ra, những đứa khác đều ghê tởm. Vì thế khi nó nhắc máy điện thoại lên thì tôi bỏ chiếc búa sắt xuống không ngần ngại. Bây giờ tôi vẫn chưa rõ tại sao. Chắc vì tôi không có ai yêu mến.

– Tôi không muốn nghe anh nói nữa.

Bàn tay nàng vẫn xoa nhẹ trên tóc tôi. Không còn ai vỗ nhịp trên sàn tàu. Trương hát đã xong. Hắn nằm xuống giữa đống quần áo cũ. Hai ngọn đèn bảo được dập tắt đi. Toa tàu tối om, lung lay theo một nhịp cũ. Tàu vẫn giữ nguyên tốc độ. Tôi nghe thấy hơi thở của

người đàn bà. Nàng chỉ còn là một khối đen. Trí óc tôi tha hồ tưởng tượng. Tôi vòng tay sang ôm lấy lưng nàng, kéo nàng sát vào tôi hơn. Trong bóng tối, tôi thấy mặt tôi giáp với mặt nàng. Chắc đôi mắt nàng đã khép kín. Nàng thở, phả hơi cả vào miệng tôi.

Nàng nói giọng phều phào:

– Không được... Không được...

Nhưng vòng tay tôi đã xiết chặt lại hơn. Tôi thấy nàng mềm nhũn và run như rã trong tay tôi. Tôi nói:

– Được chứ... Được chứ... Anh yêu em, vì em là hình ảnh của mẹ anh. Em là hình ảnh của mẹ anh...

Bàn tay tôi luồn qua áo nàng, chạm vào da nàng trơn và ấm. Từ cái cổ trắng nõn nà ấy, tôi vuốt theo lưng nàng dọc xuống.

Hôm sau tàu tới ga cuối cùng. Khi tôi tỉnh dậy thì trời đã sáng rõ. Ánh nắng từ khung cửa sổ chiếu vào làm tôi lóa mắt. Ở toa bên ngoài, bọn lính canh đã cầm súng lên tay sửa soạn. Người ta vẫn nằm la liệt trên sàn gỗ. Giọng Trương rè rè cất lên một bài hát Tây cũ kỹ. Người đàn ông ngồi trước mặt tôi lưng dựa vào thành tàu đang nhai miếng bánh cũ. Hắn vẫn giữ nguyên nụ cười bí mật và thân mến trên môi những lúc liếc nhìn tôi. Tôi vươn vai đứng dậy vịn vào khung cửa sổ nhìn ra ngoài. Vẫn là phong cảnh bằng phẳng của một cánh đồng cỏ cháy bao la chạy dài tới những chân núi đá.

Tàu đến Sa-Khem giữa một buổi trưa mùa hạ tàn nhẵn. Từ trong nhìn ra, tôi thấy những dãy nhà gỗ mái tôn dựng thành một hàng dài cùng một kiến trúc bên trong hàng rào nửa tếp có chằng dây thép gai. Ngoài hàng rào cứ cách chừng hai trăm thước lại có một đồn nhỏ có lính gác bằng súng. Những dãy đồn đó

bao quanh một khoảng đất rộng bao la. Năng chiếu xuống những dãy nhà mái tôn như bốc lên hơi nóng hâm hấp của người bệnh.

– Sống ở đô thị không chết vì dải ra máu thì cũng chết vì hơi nóng.

Một gã đứng phía sau tôi lên tiếng.

– Dĩ nhiên, tôi đáp lại.

Đối với tôi, thật ra sống ở đó còn sung sướng hơn phải đi khóa chung tay với một đứa khác, xếp hàng đôi đi lên Ty liên phóng, ở trong một căn phòng vuông và sáng, người ta cầm một cây bút chì và đặt câu hỏi liên tiếp hàng giờ. Hoặc là buổi tối, sau giờ lấy khẩu cung, trở về xà lim chịu xích chân và trò chuyện với những đứa ở gian bên cạnh, ngủ giữa những câu chuyện tục còn đang nói dở và hai ba giờ đêm tỉnh dậy vì muỗi đốt ở cổ đoạn ngủi thấy mùi khai nồng nặc từ quần mình bốc lên.

Tôi cố nheo mắt để nhận định địa thế. Ngoài những ngọn núi đá và những bãi cỏ cháy, không còn cái gì khác nữa. Mé nam, rất xa, có một vùng cây xanh chắc là những khóm bàng. Khỏi những vùng cây xanh ấy, chỉ còn một nền trời trắng xóa làm chói mắt.

Đúng ngọ mọi người bị dồn xuống. Bọn lính đứng lơ nhố ở dưới la hét ầm ĩ. Dưới tầm báng súng, người ta lao xuống đất như một dòng nước xiết. Tôi bị xô lấn xuống tới đất. Mắt tôi cay xè vì bụi. Người ta dồn nhau lại xếp thành hàng tư. Người tôi nóng ran vì ánh nắng gay gắt bổ xuống đầu. Một tên lính đi đi lại lại để điểm danh Người đàn bà áo đen không thuộc một “ê-kíp” nào. Nàng đi cùng với một tên lính vào phía đồn, tay xách một cái va-li nhỏ cũng đen như bộ quần áo nàng bận. Hai người đi mất hút sau hàng rào nửa tếp lạng lẽ như hai cái bóng.

Ba giờ sau chúng tôi vào tới giữa sân trại.

Người ta ghép tôi vào ê-kíp làm gỗ, thuộc trại B-12. Chúng tôi bị gọi từng ê-kíp – mười lăm người — lên văn phòng. Khi đọc đến tên tôi viên trưởng đồn nói:

– Bản báo cáo của trại Gò Dầu cho tôi hay anh là người có hạnh kiểm tốt. Anh hãy cố giữ nguyên như thế. Nếu ngoan ngoãn anh sẽ có thể được đổi sang những công việc thuộc về văn phòng. Còn trái lại, anh hiểu, ở đây người ta có những biện pháp gắt gao hơn để đối đãi đối với những tên cứng đầu cứng cổ. Tuy nhiên ngay bây giờ tôi có thể tin nơi bản báo cáo của trại Gò Dầu và để anh làm trưởng ê-kíp gỗ.

Tôi lắc đầu:

– Thưa ông tôi không thể đảm nhiệm chức trưởng được. Xin để cho tôi là nhân viên thôi.

– Vậy tôi không ép. Các anh có thể biên thư cho gia đình và chúng tôi nhận chuyển hộ

theo hệ thống bưu tín quân đội. Cứ hai tuần lễ có một chuyến tàu đem lương thực tới đây và chở thân nhân của các anh đến thăm. Anh có ai thân thích và có thể tới thăm được không?

– Tôi vô gia đình và không còn ai trong họ hàng xa gần.

– Đáng tiếc!

– Xin ông hiểu sự từ chối chức trưởng của tôi. Thái độ vô trách nhiệm có từ khi tôi được nuôi dưỡng ở viện mồ côi.

– Tôi hiểu và tôi sẽ cố để làm anh hết thái độ đó!

Khi chúng tôi về tới trại thì đã bốn giờ chiều. Năng vẫn còn tàn nhẫn. Trương 216 đã nhận làm ê-kíp trưởng. Tôi vẫn đi liền với hắn một ê-kíp từ khi vào tù. Đối với tôi, hắn chỉ còn là một giọng hát rè rè. Ngoài ra, tôi không để ý đến những cá tính của hắn và cái bộ mặt

héo như một tàu lá chết.

Trại B.12 là một căn nhà gỗ dài lợp mái tôn chia thành năm gian nhỏ mỗi gian chứa một ê-kíp ngăn cách nhau bằng một lớp ván gỗ dày. Mỗi gian này có hai hàng giường hai tầng đối diện với nhau. Gian nhà trông về hướng nam, mặt sau mỗi gian có ba cửa sổ lớn có chấn song sắt. Từ ngoài ngó qua khung cửa sổ, người ta có thể đếm được từng mặt người tù trong ê-kíp.

Đêm đầu tiên ngủ trong căn nhà đó, tôi thấy có một sự khác các căn nhà giam khác: không có rệp và muỗi. Buổi sáng chúng tôi được gọi dậy bằng một hồi còi. Khi mặt trời lên, ánh nắng dội xuống mái tôn, hơi nóng hâm hấp tỏa khắp gian nhà. Không ai có thể nằm lâu hơn trên giường để tìm lại giấc ngủ.

Sau khi điểm danh ngoài sân, ê-kíp gỗ theo năm người lính đi sâu vào rừng làm việc. Về phía nam, ngoài những dãy bàng mọc vô

thứ tự là một khu rừng thưa. Khu rừng này chạy dài theo bãi bể, bên trong một hàng dừa và những rặng phi lao. Chúng tôi làm việc trong khu rừng đó. Một ê-kíp khác đi sâu hơn vào rừng để tìm kiếm một ít lâm sản mà họ hy vọng là có. Chúng tôi thì ở lại mé ngoài và bắt đầu hạ những cây lớn để cưa xẻ thành ván gỗ. Công việc này là phần mở đầu của chương trình xây dựng một dãy nhà gỗ mới và làm một cây cầu bắc qua một con lạch nhỏ. Bên kia con lạch là trại tù chính trị phạm, từ trước đến nay chỉ liên lạc với những trại bên này bằng những chiếc xuồng nhỏ. Sự giao thông bằng đường thủy đó gây ra nhiều khó khăn trong sự vận chuyển lương thực và sự canh gác. Vì thế ý kiến xây một cây cầu gỗ đã được người ta để ý và tán thành.

Buổi trưa chúng tôi ăn cơm ở giữa rừng và được nằm nghỉ ngơi hai giờ trên thảm cỏ mượt. Những cơn gió mát đưa từ mặt bể vào, thổi mãi qua những hàng dừa và phi lao làm

cho giấc ngủ dễ đến. Khi ấy khu rừng thật là yên lặng hoàn toàn. Tôi kéo tay Trương 216 đi lui về những dãy bàng ngoài bờ rừng. Trong khi tôi tìm những trái bàng rụng đập ra để lấy nhân ăn thì Trương lại cất giọng rè rè hát bài hát Tây cũ. Tôi nằm dưới một gốc cây, đầu gối lên một thân rễ, mặt ngửa lên trời và thiếp đi trong giấc ngủ. Lúc tôi tỉnh dậy, tôi thấy một bên tay tê đi và thân thể đau đớn như có ai cào xé. Chúng tôi yên lặng trở lại với công việc.

Bây giờ việc của xẻ đối với tôi đã thành những cử động vô ý nghĩa. Bàn tay tôi đưa đi theo một thói quen và những tiếng cây đổ xuống trên nền cỏ chỉ còn là những âm điệu nhịp nhàng của một bài ca xưa. Buổi chiều một giọng kèn gọi chúng tôi trở về. Mọi người buông tay đi thong thả và truyện trò to nhỏ với nhau. Tôi đi lui lại phía sau, mặt tôi đầy bụi và ngứa. Tôi cúi nhặt những trái bàng trên đường trở về. Cái tập thể này đối với tôi chẳng có liên lạc gì, chẳng làm cho tôi có chút vui

sướng nào. Để tránh những ý tưởng có thể nảy nở trong đầu khiến tôi trở thành căm thù nó, tôi phải làm những cử động vô nghĩa để quên đi. Dĩ nhiên sự nhặt trái bâng đối với tôi không là một sở thích. Tôi cần nhặt cần đập vỡ những trái đó ra để tìm nhân tuy đã biết cái vị của những nhân đó không có gì quyến rũ cả. Buổi tối, sau bữa cơm, mọi người ngồi viết thư dưới ánh đèn leo lét. Tôi đi lại và ngắm cái khuôn mặt héo hắt của Trương. Sau cùng tôi tìm một manh báo cũ leo lên giường đọc để ngủ quên đi.

Đã một tuần qua tôi không gặp người đàn bà áo đen. Tôi bỗng thấy nhớ nàng và bàn tay dịu dàng của nàng. Chắc nàng đến đây thăm một người chồng làm lính và đã theo chuyến xe lửa trở về.

Một buổi sáng muộn tôi bỗng tỉnh giấc vì những tiếng ồn ào. Tôi co chân ngồi dậy. Nhìn những đôi mắt lấp lánh vì vui mừng tôi

đã đoán biết được sự gì xảy ra rồi. Hơi nóng của gian nhà lúc gần về sáng làm tôi toát mồ hôi ướt hết áo. Tôi hỏi:

– Cái gì thế, Trương?

Giọng Trương rè rè:

– Tàu về. Lại có người đến thăm, có quà bánh và có lương thực mới.

Tôi bỗng thấy người lạnh toát. Chiếc áo ướt thấm vào da thịt làm tôi rùng mình. Hai tay tôi bám chặt vào mép giường. Tôi muốn chạy ra khỏi đó để không nghe thấy tiếng còi tàu sắp tới. Tôi nhìn Trường với đôi mắt giận dữ. Hắn vừa thay quần áo vừa huýt sáo. Một chân tới buông song xuống giường. Người tôi đờ ra vì mệt mỏi. Sự vui vẻ của chúng nó làm tôi ghen thở vì xấu hổ. Trường quay về phía tôi hỏi:

– Mà không có ai tới thăm à?

Tôi lắc đầu và gượng cười.

– Vì thế mày không mong tàu đến là phải. Sao không viết thư cho Diễm và bảo nàng tới thăm. Mày không viết thơ cho nàng à?

– Không.

Tôi tự trách mình đã nói cho hắn biết nhiều quá về những ngày tôi ở Gò Dầu và gặp Diễm. Tôi ghét sự ân cần hỏi han của hắn. Diễm là người con gái bán nước ở Gò Dầu. Những ngày tù ở đó tôi đã làm quen được với nàng và yêu nàng. Diễm quý tôi lắm nhưng tôi sợ lòng thương của người con gái ấy. Vì thế tôi tìm cách đổi trại tù đi sau khi tôi đã ngủ với nàng. Trên chuyến tàu đi xa tôi biết tôi đã cắt dây liên lạc thân mến cuối cùng còn lại. Như thế tôi hoàn toàn tự do.

Khi tiếng còi tàu đầu tiên vang tới, những cánh cửa các trại giam lần lượt bật tung ra. Người ta chạy như một nguồn nước lũ. Bọn

lính la hét để giữ trật tự. Sân trại bụi mù và ẩm ỉ. Tôi vẫn ngồi yên lặng trên giường nhìn qua khung cửa ra ngoài. Căn phòng đã vắng trơn. Sự yên lặng đè ngập lấy tôi. Một giờ qua, tôi không chịu được sự yên lặng tro tro ấy, tôi leo xuống giường và thông thả đi ra. Chuyến tàu mới đến đổ xuống chừng hai trăm người vừa đàn ông vừa đàn bà. Họ được bọn lính dẫn tới đứng bên ngoài hàng rào nửa tếp có chằng giây thép gai. Bọn tù được nói chuyện với thân nhân qua hàng rào giây thép gai ấy. Dưới ánh nắng gay gắt họ nói chuyện ồn ào với nhau suốt ba giờ đồng hồ. Tôi bước lặng lẽ trở về con đường cũ vòng quanh các trại rồi trở về phòng nằm vật xuống giường. Đến khi tôi nghe thấy tiếng hát rề rề của Trương, tôi biết chuyến tàu đã trở lại.

Tối hôm đó, phòng giam diễn ra một cảnh huyền ảo. Mọi người giở những quà tặng ra xem, ăn uống ồn ào. Trương ném cho tôi một hộp đồ để cạo râu và nói:

– Phần của mày đấy!

Vừa nói hần vừa giơ cầm cho tôi xem. Cầm hần đã sạch trơn và có mấy vết máu.

– Lâu không cạo, bây giờ cạo thành ra lại cạo kỹ quá – Hần giơ tay lên quẹt vào cầm có vẻ thích trí lắm.

Tôi quyết định mang giấy ra và viết thư cho Diễm. Lần đầu tiên tôi viết thư cho một người đàn bà. Tôi viết:

Diễm thân mến,

Khi chuyển tàu mới đem anh tới đây anh đã biết là anh sẽ nhớ Diễm. Anh sẽ nói cho Diễm biết tại sao: người ta không có thể sống mà không có gì để nhớ được. Dĩ vãng của anh không có kỷ niệm. Đó là một điều đau khổ. Anh chỉ còn nhớ những ngày thơ ấu một cách mơ hồ – Khi mẹ anh mất anh mới vừa sáu tuổi. Sau đó anh sống với một lũ trẻ cùng tuổi trong

*một căn nhà quét vôi trắng bên trong một khu-
ng cửa sắt. Một ít tâm hồn rung động có được là
nhờ những quyển tiểu thuyết truyền giấu qua
khe cửa từ bên ngoài vào. Nhưng mỗi ngày phải
tranh nhau mà ăn từng bát cơm hẩm miếng
bánh đen thì tâm hồn đã thành già cỗi, khô
héo. Mẹ anh vẫn bảo: “Khi nào nhớn lên con
sẽ hiểu, người ta sở dĩ sống và sung sướng vì
người ta biết thương mến nhau”. Nhưng làm
thế nào để có tình thương mến? Các nhà viết
tiểu thuyết được người ta ham chuộng vì trong
máu họ có dòng máu của mọi người của nhân
loại. Mỗi nhân vật của họ, đều có những tính
giống như tính một người trong đám đông. Đám
đông yêu họ vì thấy có mình trong đám nhân
vật đó. Người ta bẩm sinh ra đã yêu nhau hay
ghét nhau, có phải như thế không? Khi em mới
ra đời, em nằm trong nôi, nghe tiếng ru êm của
mẹ: Khi em khóc có bàn tay dịu dàng ve vuốt;
Mùa đông đến lúc ngoài đường giá lạnh thổi thì
có bàn tay khép cánh cửa lại và ôm ấp em trong
tay. Vì thế em bị buộc vào những cử chỉ thương*

mến kia. Mọi người đều thế. Nhưng anh thì lại khác. Anh ghét mọi người. Lúc đầu anh trung tính. Về sau người ta tranh giạt của anh nhiều thứ, người ta kính sợ anh như một loài chó dại. Anh vừa nhón lên anh vừa rõ như thế nên anh chỉ còn cách trả thù. Anh sinh ra vốn đã là như thế.

Khi anh gặp Diễm thì anh hiểu rằng nhân loại không phải hoàn toàn là thế cả. Anh còn có thể yêu và được yêu. Nhưng anh sợ anh sẽ phạm tội một ngày kia. Anh sợ anh sẽ giết em vì yêu em cũng như anh đã ghét nó và giết nó. Trên chuyến tàu đi tới đây anh gặp một người đàn bà mặc áo đen. Nàng có đôi mắt của Diễm. Anh đã nói dối để xin nàng tình thương. Nàng không phải là hình ảnh của mẹ anh – mẹ anh mất đã lâu, làm sao anh nhớ được – nhưng là hình ảnh của em. Bàn tay anh chạm vào da thịt nàng mà anh nghĩ là của Diễm. Hơi thở nàng ấm áp như Diễm. Anh có thể yêu nàng vì nhớ Diễm. Và anh sẽ phạm tội không chừng. Nhưng

anh không ngần ngại vì anh không biết dĩ vãng của cô ta. Bây giờ nàng đã biến mất và anh nhớ Diễm không cùng. Hãy để cho anh nhớ, để anh biết là anh còn sống vì anh còn dĩ vãng và kỷ niệm.

Buổi sáng nay có một chuyến tàu đến đem những thân nhân của bọn tù ở đây tới thăm. Anh đứng ở trong nhà một mình vì biết không có ai quen biết. Lòng anh lại tràn ngập thù hằn. Ý định sống và nhớ nhưng lại chết đi như một ngọn lửa mảnh không bốc lên được. Anh thù ghét chúng nó quá. Anh lại phải trở về ý nghĩ cũ. Anh phải trả thù. Không làm gì khác được. Anh phải trả thù thì mới biết được anh còn sống. Anh sẽ tìm cách bắn vào đám đông ồn ào cười nói ấy. Chúng nó sẽ gục xuống và im đi. Anh trả thù cho đến khi anh chết.

Diễm ơi, anh từ biệt.

Viết xong tôi không đọc lại nữa. Tôi bỏ vào phong bì và gửi cho Diễm.

Những ngày sau đó tôi sống trong sự khắc khoải đợi chờ. Ban ngày tôi vẫn cùng với tất cả ê-kíp đi vào rừng đốn gỗ. Những lúc nghỉ chúng tôi còn rủ nhau đi vớt rau câu hay trèo lên cây hái dứa. Những mớ rau câu được đem phơi đầy sân trại. Ban đêm rau xông lên một mùi rất mát. Chẳng bao lâu chúng tôi đã quây quần ăn bánh thạch hoặc đánh thạch nhỏ ra để uống với nước đường.

Cuối tuần đó viện trưởng đôn gọi tôi lên văn phòng và bảo:

– Anh làm việc chăm chỉ, hạnh kiểm tốt tôi có lời khen. Bây giờ nếu anh muốn tôi sẽ cho anh làm việc ở văn phòng vì tôi biết anh có học. Hoặc nếu anh thích anh có thể đổi sang bất cứ ê-kíp nào mà anh thấy công việc là đáng thích.

Tôi nhìn hần tỏ vẻ cảm ơn và nói:

– Tôi mong ông cho tôi sang ê-kíp đi tìm lâm sản. Tôi thích đi sâu vào rừng.

– Vậy mai anh có thể theo ê-kíp lâm sản.

Hai hôm sau tôi được đi sâu vào rừng. Công việc làm cho tôi dễ dàng thực hiện ý định. Tôi để ý tìm kiếm một loại tre thật tốt để làm một cây cung. Tôi có thể hoàn thành nó một cách dễ dàng vì ê-kíp chúng tôi được phân tán ra từng người một mà khu rừng thì lại rộng. Tôi đã nghĩ đến một ngọn cây gần trại B.6. Trên đó tôi có thể đặt cây cung hướng ra phía hàng rào dây thép gai. Tôi sẽ đặt tên vào một cành cây, và giường sẵn cung như kiểu một cây nỏ. Tôi chỉ việc giật một sợi giây nhỏ thì mũi tên sẽ bay ra lao thẳng tới những hàng nửa tếp là nơi những thân nhân của các người tù được đứng tụ họp. Tôi hoàn thành công trình đó trong suốt năm ngày trời tính toán và đo gọt. Công việc của tôi tiến hành trong yên lặng, bí mật. Buổi tối khi đã leo lên giường, nhìn thấy bọn người chung quanh cắm cúi viết thư, tôi không khỏi buồn cười. Tôi nghĩ đến lúc mũi tên của tôi lao thẳng vào đám đông yêu dấu ấy của chúng nó.

Rồi một sáng đẹp trời, tôi nghe thấy những tiếng còi tàu tới. Những cánh cửa trại đã bật tung từ bao giờ. Người ta mặc quần áo vội vã rời khỏi giường ngủ. Tôi đi lẫn lộn trong đám đông ồn ào ấy. Hai tay tôi thọc vào túi quần. Lòng tôi hoàn toàn bình tĩnh.

Khi tôi ra đến ngoài mọi người đã tề tựu đông đã bên trong hàng nửa tép. Bọn lính đang xua các người ở trên tàu xuống. Lần này họ được xếp hàng từ tổ và đi có thứ tự tới. Tôi bắt tay từng người bạn tù một và hỏi thăm một cách tự nhiên. Để cho khỏi nóng ruột tôi lẩm bẩm hát đi hát lại một bài hát cũ. Mọi người đã bắt đầu tiến tới hàng rào dây thép gai để trò chuyện. Tôi lặng lẽ tiến đến bên gốc cây. Tôi không thể chờ đợi lâu hơn được nữa. Sợi giây vẫn nằm ngoan ngoãn ở chỗ cũ. Tôi nhìn lại đám đông không có ai để ý đến tôi cả.

– Thế nào cũng phải trúng một đứa.

Tôi vừa nói vừa giật mạnh sợi giây. Mũi

tên bay vụt ra như một làn chớp. Tôi nghe thấy một tiếng thất thanh. Tôi bước lẩn vào đám đông. Người ta như một khối nước đang chảy loang ra. Tôi bị xô lẩn trong đám bụi mù.

Nửa giờ sau người ta tản mác đi dần. Nạn nhân được đem vào đồn cứu chữa. Tôi theo mấy người cùng ê-kíp trở về trại. Tôi cảm thấy hai bàn tay tôi nhóp nhóp những mồ hôi. Tôi nằm lên giường, không chú ý đến những lời bàn bạc đang diễn ra chung quanh. Một lúc lâu bỗng có tiếng hỏi thất thanh:

– 218 đâu rồi? 218 đâu rồi?

Nhận ra tiếng Trương, tôi đáp:

– Tao đây, cái gì thế?

– Trời ơi, mày chưa biết gì cả à? Trương vừa thở vừa nói: Diễm bị giết bằng một mũi tên khi vừa xuống tàu để tiến đến hàng rào dây thép gai thăm mày.

– Diễm à? Tiếng tôi phều phào.

– Đi ngay mới kịp.

– Diễm à?...

Tôi bị Trương kéo đi như một xác không hồn. Chúng tôi đi qua sân cỏ để vào đồn số bốn. Đám đông đang tụ chung quanh một cái bàn lớn. Thấy tôi đến mọi người giãn ra để nhường chỗ. Viên trưởng đồn nắm tay tôi và nói:

– Tôi xin chia buồn cùng anh.

Tôi cúi xuống xác Diễm. Nàng nằm ngửa. Mũi tên cắm giữa ngực. sâu tới mười lăm phân. Mắt Diễm mở trừng trừng nhìn tôi. Đôi một nàng còn mấp máy như định nói một điều gì nhưng không bao giờ nàng còn nói được.

Khi tôi ngừng đầu lên thì một người đàn bà áo đen đang dẫn đám đông để tiến vào. Tôi

nhận ra người đàn bà gầy yếu và bí mật mà tôi đã gặp trong toa xe lửa trên đường đi tới đây. Nhìn thấy tôi đứng bên xác chết, nàng bỗng đứng dừng lại.

Tôi cất tiếng hỏi:

– Ai thế?

Tiếng viên trưởng đồn đáp:

– Soeur Maria. Bà đến để làm rửa tội cho nàng. Xin anh nhận lễ ấy để cho linh hồn người chết được ở nơi kia bằng an vĩnh viễn.

Tôi bỗng bật cười rữ rượi. Vừa lúc đầu tôi vừa lách đám đông để bước ra ngoài. Ngoài sân cỏ buổi chiều đã xuống yên tĩnh. Không có một tiếng người nào thì thầm to nhỏ. Tôi ngồi xuống cái thềm cỏ mát ấy cười đến chảy cả nước mắt.

PHẠM NGUYỄN VŨ

VỀ BUỒN CỦA TÌNH YÊU

Một đêm, tôi tuyệt vọng vòng ôm người đàn bà không hề yêu nhau, vòng ôm cõi trống không. Bản tính ngây thơ làm tôi khóc nức nở. Đôi cánh tay ngắn và yếu mỗi; hạnh phúc thì dầy dụa và trơn. Tuổi trẻ tôi bị ném vào bệnh tật lắm than âm thầm của ngoại thành; vô lý là không biết tại sao. Thượng Đế làm thỉnh để còn là Thượng Đế phải không? Gió bắc lên cơn thổi trùng trùng vào hàng cây hờ hang chịu khuất phục. Ngực tôi có bao giờ đủ khí trời hồng. Em hãy nói dối yêu anh và là mối tình thứ nhất. Anh thể chưa người con gái trong sạch nào nói yêu anh. Người ta nhắm mắt ư? Luân lý dành riêng cho những người thắng thế. Còn tôi — hừ! —

tôi có gì ngoài tấm thân đã vô tri giác và sự thật ở trong nó mà cả cái chết vốn sẵn sàng của bom đạn vô tình cũng không thêm muốn đến. Hòa bình (là gì? tôi tự hỏi). Đoàn quân trở về khiêu vũ ngoài đường — vạn tuế! – và thiên hạ tin vào buổi thoi nôi của bình minh. Vậy chỉ còn mỗi linh hồn tôi là dương tuy nao núng, vẫn xông xáo vào bóng tối hư vô. Tôi chóng mặt, thét: Thế nào là cuộc đời? Dân tộc phải đi, đành bịt kín tai mà giẫm lên tôi. Bằng hữu nhủ thâm nhau làm cách mạng. Thôi, loài côn trùng, chúng ta đừng nguyên rửa gót giày đình! Cho anh giết em, hỡi chiếc gương soi của hình anh, anh không còn muốn thấy nữa!

VÀ CỦA HỘI HỌA

*Biết bao nhiêu bức tường thành đổ trong bức
họa*

Hình con người mỗi bấy đau đớn hôm nay

*Khuôn mặt bị cấu xé kia còn nguyên vẹn nụ
cười*

*Chúng ta đứng phân vân trọn đời dưới dãy núi
trơn*

Hơi thở con sông liễu thuốc ngủ sợi dây thừng?

Có hủy hoại tấm thân còn giữ lấy bàn tay

Buộc các ban mai vào ngày không ước hẹn

*Ném hy vọng — như sét — đánh bùng gốc bóng
tối già*

*Nghệ thuật có thể là tiếng thở dài hay nét mặt
nhăn*

Chắc chắn là cánh cửa mở ra đón cuộc đời vào

Là thanh kiếm trần dựng chỏi hư vô

Như đến trước gương như nhìn xuống nước

Để chứng minh mình người ta kiếm tìm nhau.

TÔ THÙY YÊN

ĐIỆP KHÚC

Như một cánh chim đi tìm mùa xuân trong một ngày tháng chín, anh đi tìm em không bao giờ thấy — Anh khép vội cánh cửa sợ cơn gió buổi chiều, muốn cắt đứt dĩ vãng.

Tình yêu ban đầu là một khúc dạo đàn êm ái, cung bậc xôn xao nhưng bây giờ im bật — Tất cả chỉ là những thoáng sương khói mờ lung làm nghẹn ngào âm hưởng.

Giữa chúng ta là một vùng biên giới, lạnh lẽo như cánh đồng bỏ hoang — Anh không thể chỉ yêu em qua những giấc mơ đêm dài, rồi buổi sáng trở dậy thấy cây cảnh xơ xác tả tơi sau một đêm mưa.

Đổ vỡ không cần nói — Anh chỉ hỏi tại sao chúng mình xa nhau và em muốn là một con đường sắt? Có phải vì mùa xuân không có sắc biếc trên hàng cây xanh, vì én không về hay ngôi nhà kia không có bóng mát? Có phải vì bụi trắng hoàng hôn rụng xuống làm nhạt lòng em, vì hoa cỏ đã tàn trên những lối đi về cũ nên trong lòng kẻ hai mươi đã chết một mùa xuân? – Em trả lời bằng đôi mắt ngược.

Nhạc khúc tình yêu nổi lên trầm trầm bưng bít như một tâm hồn bị giam cầm đầy rụa — Và thuyền tình trôi đi.

Kẻ tình nhân trong một chiều thất vọng, thờ người đốt cháy những trang nhật ký, lặng lẽ đi vào sương gió,

Ở một phương trời xa mùa xuân sắp về — Từng đàn bò dạo bước trên đồng cỏ xanh. Đám mục đồng đốt rơm sưởi ấm cho kẻ tình nhân dừng lại ngủ thiếp bên ánh lửa — Và mùa xuân sẽ đến. Điệp khúc tình yêu bỗng

nổi dậy từng bùng xao xuyến trong những tiết
điệu say mê.

HUY TRÂM

NƯỚC TRÔI VỀ NGUỒN

HOÀNG BẢO VIỆT

TỜ lịch vừa rơi đánh dấu hai ngày Phong có mặt ở Lausanne. Không khí thân mật ngay từ phút Phong đặt chân xuống phi trường Genève — Colntrin. Phong sẽ không bao giờ quên câu nói đầu tiên của bà Béday, thân mẫu bạn: “Chúng tôi xem cậu như André. Mong rằng thời gian cậu sống với chúng tôi sẽ lưu lại ký ức cậu nhiều kỷ niệm đậm thắm nhất”. Đúng như lời bà, hầu hết mọi người đều dành cho Phong một mối chân tình ngoài sức tưởng tượng của người thanh niên Việt Nam. Không kể André, Phong quen thuộc quá nhiều. Ông bà Béday săn sóc Phong

như con đẻ. Các em nhỏ của André cũng quần quít bên Phong. Chúng say mê nghe chàng kể chuyện cổ tích Việt Nam. Duy có mỗi một người vẫn giữ thái độ dè dặt trước mặt Phong. người ấy là Nicole, em gái của bạn Phong. Giữa Phong và cô gái Thụy Sĩ có đôi mắt xanh da trời hình như đang thăm tủa một lớp mù sương dày đặc, chẳng biết đến bao giờ mới chịu tan.

Nhớ một buổi sáng nhằm ngày lễ. Cả gia đình Béday đưa Phong đi thăm trung tâm thành phố. Địa điểm thứ nhất: giáo đường Gô-tích đẹp nhất Thụy Sĩ, cạnh đó là Hàn lâm viện và Đại học đường. André đỗ xe tại công trường Palud, gần tòa Thị sảnh. Mọi người cùng đi bộ dọc theo đường Mercerie dẫn tới giáo đường. Nicole đi sau cùng. Phong cố bước thật thông thả để Nicole hiểu người thanh niên Việt Nam đang đợi nàng mặc dù khuôn mặt tròn trịa của nàng vẫn lạnh lùng như màu băng tuyết núi Alpe. Thỉnh thoảng Phong bắt

chợt cô bạn Thụy Sĩ chau mày trong đôi mắt chàng.

Thật khó hiểu! Phong chép miệng. André ngờ ngác định hỏi Phong nhưng chàng lại lảng sang câu chuyện khác. Ông Bédary nằn nì Phong bày tỏ cảm tưởng về Lausanne. Ông hy vọng Phong thành thật trong nhận xét và cảm tình chứ không nên khách sáo hoặc xã giao lấy lệ. Những lời đối đáp của Phong giống như hầu hết du khách đến Lausanne: Lausanne thành phố cổ kính hòa hợp với tiến bộ tân thời. Lausanne thắng cảnh, chuộng khách và quyến rũ. Lausanne trí thức với trường Bách khoa, Đại học. Lausanne xinh xắn, mát mẻ với những công viên rộng lớn xanh um, thể thao với vận động trường chứa đựng sáu bảy vạn người. Lausanne dính liền làng Ouchy với bến tàu bến thuyền tấp nập, với mặt hồ Léman xanh một màu xanh hy vọng. Lausanne điểm lẹ dưới chân núi Alpe cao vút, đỉnh núi bạc tuyết quanh năm. Lausanne vây quanh bởi

những đồng nho ngọt ngào, những miền quê êm ả nên thơ... Nhưng có một điều Phong chưa dám thốt ra: Lausanne còn sót lại một ít người tỏ vẻ lãnh đạm khó hiểu với bè bạn từ phương xa mới đến.

Khi ý nghĩ ấy thoáng qua óc, Phong vội liếc về phía Nicole. Nàng đang chăm chú nghe câu chuyện giữa Phong và song thân nàng. Hai cậu em trai nàng, Francis và Michel, mãi lo nhìn mấy du khách người Mỹ chụp ảnh mặt trước giáo đường. André đi bên cạnh Phong, tươi tỉnh tự nhiên. Phải chăng. André thấu đáo phần nào thắc mắc của Phong về thái độ em gái mình đối với người bạn Việt Nam hiện là quý khách của gia đình.

Phải đợi khi nào mặt trời lên cao, ít nhất ngang đỉnh đầu, họa chăng mù sương mới chịu nhường bước cho cảnh sắc thơ mộng của hồ Léman. Phong nghĩ thế.

Dịp tốt Phong mong đợi đã đến. Ánh sáng

phương Đông vừa vươn lên từ những rặng cây thông đứng sừng sững bên sườn đồi vôi vọi. Phong tỏ ý muốn dự “tuần lễ hoa hương” tổ chức ở Genève. André bận đi thăm mấy anh bạn làm báo Jeunesse. Ông bà Bédard cố nhiên chẳng rỗi việc. Cuối cùng André đề nghị Nicole làm bạn đường với Phong. Lúc đầu Nicole quyết liệt từ chối một cách kín đáo nhưng trước vẻ khẩn khoản của André, nàng đành thuận lời. Phong hơi e ngại. Chàng lưỡng lự khá lâu trước khi hân hoan cảm ơn Nicole đã bằng lòng đưa chàng đi Genève. Và lần đầu tiên Phong bắt gặp một nụ cười xinh như đóa thủy tiên mà chàng vừa hái hôm qua trên cách đồng hoa ở Avants.

* * *

André tiến vào phòng vừa lúc Phong mở choàng đôi mắt còn ngái ngủ. André vỗ vai Phong và hỏi:

– Có chuyện gì hở Phong?

Phong cười nhẹ, lắc đầu:

– Cảm ơn André, bình thường. Tôi vừa trải qua một giấc mơ. André về nghỉ. Đêm khuya rồi thì phải...

André sắp tháo lui còn ngoái cổ lại:

– Chúc Phong thắng giấc đến sáng.

– Cảm ơn André. Chúc André cũng thế.

Bóng André vừa khuất, Phong nhìn ra vườn xuyên qua lớp cửa kính. Mơ hay thật? Phong lẩm bẩm nhiều lượt. Chàng vụt nhắm nghiền đôi mắt. Chàng cố hình dung lại giấc mơ nửa hư nửa thật:

Nicole và Phong đang thả bộ dài theo bến Cologny ở Genève. Một bên mặt hồ hiển lành xanh mát mắt. Một bên những dây hoa hường nhõn nhơ khoe màu sắc thắm tươi. Đằng trước là cây nước khổng lồ thoát lên không

trung trông cao hơn trăm thước. Bổng giọng Nicole êm dịu, dễ cảm hơn bao giờ hết:

– Anh bảo anh ao ước Nicole nói rõ lý do tại sao Nicole lãnh đạm với anh suốt những buổi đầu anh sống giữa gia đình Nicole? Có thật anh bằng lòng nghe Nicole giải bày không?

Hai người cùng ngồi xuống một chiếc băng dài nằm trơ trọi dưới bóng cây rung động. Trong lúc đó các cuộc vui trong thành phố bắt đầu theo độ chênh của vầng thái dương.

– Có sao? Nicole lập đi lập lại mấy mươi lần. Đoạn im lặng, nàng dăm chiêu nghĩ ngợi. Phong sốt ruột. Chàng vẫn gắng chiều ý Nicole. Mười phút trôi qua, sức kiên nhẫn bị đốt cháy vì nhiệt độ quá cao. Phong không chịu đựng được nữa song chàng vẫn dịu giọng với người đẹp xứ Hồng thập tự. Chàng cười mơn trớn:

– Anh bằng lòng nghe. Nicole còn hờn dỗi

gì hử Nicole?

Nicole ngẩng đầu lên. Nàng nhìn Phong như một mảnh sao đêm rơi vào mắt chàng.

– Nicole muốn anh hứa chẳng bao giờ kể lại cho người thân của Nicole biết điều Nicole sắp...

Không chờ nàng dứt câu, Phong gật đầu ứng thuận.

Nicole khởi sự nói đến quá khứ chiếc nhẫn vàng nàng đeo nơi ngón tay áp út. Phong chưa bao giờ chú ý đến những ngón tay ngà ngọc ấy. Phong tự trách mình kém quan sát, kể cả óc thẩm mỹ cũng thiếu nốt. Gió chạy trên mặt hồ đưa tới mát rượi. Những cành hoa tươi mơn mớn đua nhau cười nghiêng ngả. Giọng nàng đều đều:

– Người con trai ấy tên là Pierre. Quản làng Aulnoye, miền Bắc nước Pháp. Nicole quen

Pierre trong mùa hái nho xa xưa ở Vevey. Chắc anh không lạ gì Vevey, Thành phố tình nhân thân thiết cạnh hồ Leman. Thắng cảnh Vevey lúc nào cũng nhộn vui với các cuộc hòa nhạc, khiêu vũ, hội họp hay triển lãm họa phẩm. Và đặc biệt hơn hết: Tết của những người trồng nho chỉ tổ chức bốn lần mỗi thế kỷ.

Với nghệ thuật đàn vĩ cầm tràn trề sức cảm hóa người khác, Pierre nổi tiếng trong đám đông thanh niên đổ xô tới Vevey. Nicole mang biệt danh con chim họa mi vùng Vaud được các bạn cử ra hướng dẫn du khách đi thăm thắng cảnh địa phương. Ba tuần lễ đóng đô bên bờ hồ Léman cho phép Pierre gần gũi gia đình Nicole. Pierre trù mến Nicole như một người yêu. Nhưng đối với Pierre, Nicole chưa hề đi quá giới hạn người bạn cư xử một người bạn. Chúng tôi thờ chung một tôn giáo, nói chung một ngôn ngữ. Mới trông vào tưởng không còn trở ngại phải vượt qua nữa. Thật ra, chúng tôi không thể nào trở nên một đôi nhân

tình theo thói thường để xây dựng một tiểu gia đình mai sau. Anh có bao giờ nghe nói đến số người phụ nữ Thụy Sĩ lấy chồng ngoại quốc không? Có, nhưng rất nhỏ nếu đem so với nam giới cưới vợ gốc gác ngoài biên giới Thụy Sĩ. Đàn bà Thụy Sĩ nổi tiếng nhờ mối tình khăng khít yêu quê cha đất tổ. Dân số Thụy Sĩ chừng năm triệu người. Hẳn là ít ỏi. Bởi thế Nicole mặc nhiên tự đặt mình vào bốn phận bảo vệ nề nếp dân tộc và phát triển thể hệ tương lai cho xứ sở của Henri Dunant. (Anh biết Henri Dunant không? Ông là người sáng lập hội Hồng thập tự đầu tiên).

Nho hái xong. Mùa thu cũng chóng tàn. Pierre trở về Pháp. Thư từ tiếp tục nối nhịp cầu giữa Aulnoye và Lausanne. Pierre viết những dòng chứa chan tình tứ, nhưng chẳng bao giờ được Nicole đáp lại cho vừa ý chàng. Pierre bực mình lắm, kể cả hờn giận. Tâm trạng của chàng thể hiện trong những bức thư cuối cùng viết cho Nicole trước ngày chàng

bị gọi nhập ngũ rồi gửi đi tác chiến ở Việt Nam. Pierre sang Việt Nam trong tinh thần con người trai trẻ chán chê cuộc sống châu Âu và muốn tìm đến một thế giới xa lạ mà lúc ấy chàng gọi là thuộc địa Pháp (Nicole xin lỗi anh nhé!) Ngày khởi hành, lòng chàng hăng hái cực độ. Nhưng Pierre thất vọng ngay sau sáu tháng xông pha trên chiến trường Việt Nam. Trước ngày rời Pháp, Pierre định ninh tình hình Đông Dương sẽ được ổn định dễ dàng. Đến lúc sống thật, nhìn thấy tận nơi; Pierre mới tự trách quá nông nổi và thiếu nhận định thời cuộc. Trong những năm 1943, 1946 không phải những quân phiến loạn cướp bóc nổi lên chống chính quyền Pháp, Pierre viết cho Nicole như thế. Từ chỗ khinh bỉ một dân tộc từng bị Pháp chế ngự, Pierre đâm ra nể vì họ. Pierre mất hết tự tôn mặc cảm vì ngay đến những đứa trẻ Việt Nam mà Pierre thường gặp, các em này chẳng biểu lộ chút gì gọi là tự ti tự hạ trước người quân nhân chiếm đóng. Pierre bảo tâm lý người Á đông nói chung;

người Việt Nam nói riêng có những cái đáy sâu thăm thẳm. Chưa chắc ai ai cũng dò xét được. Cảm nghĩ của họ rất phong phú và linh động. Theo kinh nghiệm của Pierre, người Việt Nam kính trọng lễ nghĩa, trung thành với tập quán gia đình. Pierre còn dám viết cho Nicole: « Chủ nghĩa tự do cá nhân Tây phương hình như chưa tìm ra đất đứng vững chắc trong xã hội Việt Nam dù sau tám mươi năm chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp ». Trên bước đường chiến đấu, Pierre lưu lạc đến Đà Lạt. Pierre muốn gọi thành phố này bằng cái tên « Lausanne Việt Nam ». Một mối vì cuộc đời chinh chiến, Pierre muốn sống lại chuỗi ngày thần tiên bên bờ hồ Léman. Pierre tả rất cặn kẽ những cảnh đẹp thiên nhiên ở Đà Lạt như hồ Than Thở, rừng Ái Tinh, suối Cam Ly, tháp Thiên Sa, thác Liên Khang v. v... Có một lần Pierre táo bạo viết những ước vọng như sau:

– Ước gì Việt Nam trở nên một mảnh đất tự do như Pháp, thanh bình huyền ảo như

Thụy Sĩ....

– Ước gì người Việt Nam và chúng ta cùng kết bạn để xóa bỏ mọi thù hận vô nghĩa.

– Ước gì Nicole và Pierre ... để chúng ta trọn hưởng những ngày trăng mật tương lai...

Nhưng buồn sao! Pierre chẳng bao giờ được thấy ngày những ước vọng tha thiết của chàng thành sự thật.

Nicole bỗng nghẹn lời. Nâng ứa nước mắt, nín bật. Phong kéo vành khăn quàng lau nước mắt cho người bạn gái Thụy Sĩ. Gió mát mặt hồ vụt ngừng thôi. Những tiếng nhạc vui ngày hội tưởng chừng đứt quãng, yếu dần...

– Phải, Nicole kể tiếp: Pierre đã bỏ mình trên trận địa giữa tuổi thanh xuân. Pierre chết đột ngột đang lúc chàng nuôi hy vọng lớn lao là trở về với bà mẹ cùng người anh ruột ở Aulnoye, và nếu Nicole không từ chối, chàng cũng

khao khát quay trở lại bờ hồ Léman để sùng bái tiếng chim họa mi hót bên tai chàng mỗi mùa nắng ấm.

Về sau, một người bạn đồng đội của Pierre hồi hương có dịp ghé thăm Lausanne. Người ấy trao tận tay Nicole những báu vật mà Plerre còn giữ chặt bên mình cho đến ngày ngã gục vì những viên đạn vô tình không rõ thù hay bạn. Đó là những bức ảnh kỷ niệm mùa hái nho chúng tôi gặp nhau lần đầu, kèm theo xấp thư Nicole viết an ủi Pierre suốt thời gian chàng là bước trên con đường hiểm nguy. Ngoài ra còn một chiếc nhẫn vàng nho nhỏ chạm hình hai con chim đang âu yếm nhau. Theo lời người bạn, Pierre mua chiếc nhẫn tại một hiệu kim hoàn giữa một thành phố nhỏ nằm trên bờ biển tây-nam Việt Nam hướng ra khơi vịnh Thái Lan. Pierre từng thổ lộ rằng chàng sẽ gửi chiếc nhẫn tặng một người bạn gái rất thân ở Thụy Sĩ, đúng là Nicole!... Mấy hôm nay gặp anh, một người Việt Nam, Nicole sực nhớ đến

hình bóng người bạn thân tài hoa bạc mệnh...
 Lòng Nicole trào dâng nỗi niềm đau xót: gia đình có thêm một người bạn thân, nhưng Nicole ân hận có sao anh không phải là Pierre từ Việt Nam trở về?

Đến đây Nicole gục đầu nức nở...

Sau khi đi dạo ở Genève về, Phong thành linh đam mê người con gái Thụy Sĩ vừa ăn nói duyên dáng, vừa lộng lẫy trong một sắc đẹp nếu không nghiêng mặt nước hồ Leman, ít nhất cũng khuấy động tâm hồn những chàng trai yêu đời màu hồng qua sóng mắt mỹ nhân. Vẻ mặt Nicole hân hoan hơn trước. Sự thay đổi đột ngột ấy gây một ít ngạc nhiên trong gia đình nàng. Chẳng một ai rõ ra làm sao. Nhưng trước những lời ướm thử của Phong. Nicole chỉ mỉm cười. Đoạn lắc đầu, nàng chậm rãi đáp:

– Kiếp này không thể nào được anh ạ.
 Những con chim ca sĩ khoác áo ngũ sắc chỉ

thích làm tổ trên các cành cây mơ sau nhà Nicole. Nicole nỡ nào bỏ chúng mà đi xa cho đành! Dù có đi, cũng chỉ để thay đổi không khí trong một thời gian ngắn thôi, phải không anh? Vì ở đây, Thụy Sĩ có đủ cả: có nước biếc trời xanh, có núi tuyết đất lạnh, có người hiền vun cây trái ngọt... Trừ khi... phải, trừ khi người yêu Nicole nhận chịu quốc tịch Thụy Sĩ và thể sống trọn đời với Nicole trên đất nước yêu quý của Nicole.

Giọng Nicole tinh ranh thêm. Nàng thử thách:

– Có bao giờ anh dám nghĩ đến điều kiện Nicole vừa đưa ra không? Anh có can đảm từ chối hay lãng quên nguồn cội anh vì một mối tình ở bên ngoài quê hương anh không?

Phong phải khất nợ. Chàng hẹn sẽ trả lời Nicole một ngày gần đây. Đó là chuyện thật chứ không phải mộng ảo, Phong tự nhủ. Đành vậy, còn giấc mơ kỳ quặc vừa đến với Phong

thì sao?

Phong đang mở màng nuôi giấc ngủ thành linh một bóng người rón rén đến bên giường. Chín mươi năm trôi qua, cách xa biển biệt, nhưng Phong chưa quên khuôn mặt đầy khả ái của người con gái chàng yêu say đắm ngày xưa... Phong vừa mừng vừa sợ. Đúng là nàng. Phải, Nguyệt còn sống. Nguyệt vẫn trẻ đẹp, nàng vẫn thơ ngây, thuần hậu như thời đang độ tuổi trăng rằm hay mười bảy.

Cuộc tái ngộ của đôi uyên ương bắt đầu bằng những cái nhìn nhau hơi bối ngỡ. Giữa bầu không khí tĩnh mịch Phong định hỏi chuyện ý trung nhân nhưng chàng chỉ ấp úng nơi cổ họng. Người con gái Việt Nam hiền từ bỗng rầu rầu sắc mặt như ánh trăng rằm bị đám mây mờ lướt qua... Hai giọt lệ từ từ trào ra khỏi mí mắt nàng. Phong cố giữ bình tĩnh:

– Chúng ta xa nhau những mười năm rồi. Hình như hai người riêng hai thế giới phải

chăng em? Thế sao chúng ta lại gặp nhau ở chốn này? Nguyệt còn nhận ra anh, còn yêu anh không?

Người con gái chưa hé môi. Nàng dịu dàng đắm đuối nhìn Phong. Những giọt lệ u buồn mãi lấm tấm trên gò má hồng hào chưa nhạt màu vì gió bụi thời gian không khác nào những vì sao lấp lánh giữa đêm khuya thiếu trăng. Rồi nhanh như cắt, nàng quay gót định bước đi, Phong vội nắm lấy hai cổ tay nàng, cảm động. Giọng chàng run như người lên cơn sốt:

– Nguyệt đành bỏ anh cô độc sao? Nguyệt đến thăm anh chưa nói một lời nào, sao nỡ vội xa nhau? Nguyệt định về đâu? Cho anh cùng đi với...

Người con gái lắc đầu, đau khổ. Đôi mắt chan chứa dấu hiệu hờn ghen khiến Phong không làm sao hiểu được. Nàng bỗng cúi nhìn bàn tay phải của Phong. Mắt Phong chợt bị

thu hút bởi chiếc nhẫn vàng xinh xắn nàng đeo nơi ngón tay áp út. Nhìn kỹ, Phong nhận ra hình hai con chim nhỏ chạm trên mặt nhẫn. Chàng liền nghĩ ngay đến chiếc nhẫn vàng của Nicole; Ô sao lại giống như khuôn đúc? Chín mươi năm dài lâu bao nhiêu mà Phong chóng quên? Giữa một đêm giông tố nào đó của thời quá khứ, chàng trao tặng người yêu chiếc nhẫn vàng với mấy lời dặn dò: “Giặc sắp chiếm đoạt thành phố thân mến của chúng ta. Đôi lứa mình chắc phải tạm biệt nhau một thời gian... Dù sao, hình bóng Nguyệt đã ngự trị vĩnh viễn nơi lòng anh. Chiếc nhẫn vàng gửi Nguyệt giữ sẽ nhắc Nguyệt nhớ đến người trọn đời chỉ biết yêu mến Nguyệt thôi”.

Phong đang nhớ lại những gì xảy ra tiếp theo đó... Đột nhiên nhiều tiếng súng nổ vang. Phong hốt hoảng vì Nguyệt vừa trúng đạn ngã mềm trong hai cánh tay chàng. Nàng vẫn dịu dàng đắm đuối nhìn Phong. Mí mắt từ từ khép lại, làn thu ba long lanh nhỏ dần cho đến

khi cánh cửa biếc nhìn lên nền trời xanh khép chặt. Chết điếng trong lòng. Phong hôn vội trán nàng, lay gọi thất thanh. Cả những bóng đen hung tợn vụt xông ra giạt xác nàng rồi chạy như biển. Phong vừa kêu cứu hốt hoảng vừa phóng mình đuổi theo. Nhưng mắt chàng hoa lên trước khói đạn, chàng ngã chúi vào tường. Giấc mơ khủng khiếp chấm dứt đồng thời André nghe tiếng động chạy sang hỏi Phong.

Phong vươn vai đứng phắt dậy. Chàng mở nhẹ cửa sổ, đoạn thở mạnh một hơi dài. Chàng đưa mắt thần thờ tìm đến nền trời đêm. Một vầng mây tang chục viên quanh ánh trăng mờ ảo. Phải chăng là hình bóng Nguyệt?

Cuốn phim dĩ vãng lần lượt diễn lại trong óc Phong. Đúng rồi, người yêu của chàng hiện không còn trên mặt đất này nữa. Chàng nhớ rõ lắm. Một năm sau ngày chàng chạy về vùng quê, một tin buồn thảm đưa đến dày

vò tâm hồn chàng. Trong một cuộc xung đột gần tỉnh lỵ Kiên Giang, lực lượng ngoại quốc có không quân yểm hộ đã càn quét tàn nhẫn nhiều thôn xóm hiền lành. Nguyệt và hầu hết gia đình nàng đều tử nạn. Người con gái Việt Nam thuần túy yêu quý của Phong đã yên nghỉ vĩnh viễn sau rừng tre già đời đời nhìn ra đồng quê vắng lặng. Một người có dự đoán chôn cất nạn nhân quả quyết rằng quân giặc vơ vét những gì có thể mang đi được, kể cả đồ trang sức chúng tìm thấy trên xác chết vô tội. Thành thử có một đạo Phong thắc mắc về số phận chiếc nhẫn vàng. Sau đó Phong hồi cư. Người nhà vận động đưa chàng sang Pháp học tập chuyên môn. Thấm thoát mười năm trôi nhanh như nước sông Cửu Long tuôn trào ra biển. Phong đỗ kỹ sư không vận tại trường Hàng không dân sự Paris. Chàng ngại ngừng được tin đất nước chia đôi. Chàng cảm thấy mình cũng mang một trách nhiệm không lớn thì nhỏ trước biến cố lịch sử: Chàng định về Việt Nam càng sớm càng hay. Nhưng chàng

do dự trước những tin biến động ở Sài Gòn và miền Tây. Hè này chàng sang Lausanne theo lời mời của André, bạn học cũ. Một cuộc tình duyên mới chớm nở một cách đơn phương. Một giấc mơ tưởng thật... và chiếc nhẫn vàng dấu tích mối tình Việt Nam dường đột hiện ra

Chỉ trong giây lát, đóm lửa lòng hoài vọng cổ hương bộc phát, bùng lan mãnh liệt. Phong cắn môi cho thật đau. Chàng tự giận mình vô cùng. Phải, chàng tự giận mình vô cùng.

Phong đặt bút xuống bàn. Chàng đọc lại lần chót bức thư vừa viết

Lausanne, ngày... tháng ... năm

Anh Nam thân mến,

Sáng mai Phong sẽ đáp tàu hỏa về Paris. Thế có nghĩa là Phong thoát chết đuối giữa hồ Léman, để không nói suýt trảm mình giữa sóng mắt người đẹp Lausanne, anh nhỉ?

Phong về Paris làm chi vội thế? Chắc anh sẽ hỏi Phong vì thư trước Phong bảo sẽ trở lại Paris vào đầu tháng sau, còn vấn đề « Lá rơi về cội, nước trôi về nguồn » tạm thời gác lại. Phải, Phong vừa quyết định hồi hương trong một ngày rất gần, anh sẽ biết chắc khi nào, Phong về ên Paris sẽ viết thư cho anh.

Còn câu chuyện tâm tình giữa Nicode và Phong chấm hết một cách hợp lý. Hôm qua, Phong khẩn nài nàng trả lại Phong chiếc nhẫn vàng nhưng vô hiệu. Nàng khẳng khăng từ chối tuy vẫn tin Phong. Nàng thông cảm Phong đang bối rối vì nỗi niềm tâm sự Việt Nam. Nhưng nàng không thì bị lung lạc bởi quá khứ thương tâm của chiếc nhẫn vàng. Nàng cương quyết giữ hình ảnh hai con chim âu yếm nhau để kỷ niệm trọn đời mối tình chung thủy của Pierre đối với nàng mặc dù nàng không yêu Pierre hơn tình bạn thường. Phong đành khuất phục trước ý chí sắt đá của người con gái Thụy Sĩ. Biết làm sao bây giờ, hử anh?

Phong vừa báo tin anh về chuyện hồi hương của Phong. Phong không phân vân gì nữa anh ạ. Phong vẫn nhớ mình mang dòng máu Việt Nam vô cùng quý báu. Phong đã khôn lớn và phần lớn đời Phong gắn liền trên đất nước có bốn nghìn năm văn hiến... Phong mãi hãnh diện tên Phong là một âm điệu, một ý nghĩa Việt Nam quen thuộc... Trăm lần được người ngoại quốc hỏi: « Anh từ đâu đến? » trăm lần Phong trình trọng đáp: « Tôi từ Saigon Việt Nam ... » mặc dù Phong vừa từ già Paris... Phải, Phong từ Saigon Việt Nam mới đến... Và Phong sắp sửa về Việt Nam trong một ngày gần đây, phải không anh?

Thôi nhé! Phong cần ngủ sớm để mai lên đường đỡ ngủ gục. Vài hàng anh làm tin. À quên, bên nhà có gì lạ kể từ hôm anh viết cho Phong bức thư cuối cùng? Saigon độ này có triển lãm gì đặc sắc không? Rồi phải biên cho Phong vài chữ nhé. Trông lắm.

Hẹn sớm gặp anh ngày về vui vẻ.

Thân ái siết tay Anh.

Phong

Đồng hồ tay chỉ mười giờ mười. Phong vội gấp thư bỏ vào phong bì. Chàng hối hả bước lại đầu giường mở máy thu thanh, nghe trên số bước ngắn. Buổi truyền thanh của đài Paris “Emission au-delà des mers” bắt đầu bằng một bài hát Việt Nam quen tai: Cô hái hoa. Phong vận nùm điều chỉnh vừa đủ nghe. Chẳng say sưa theo dõi trọn phần nhạc Việt trước khi người xướng ngôn giới thiệu các bản nhạc Panama và anisane châu Mỹ.

Bỗng Nicole rón rén đi ngang cửa phòng vừa lúc Phong nói một hơi khá to:

– Cô gái Pháp lai Việt hát bài hát Việt Nam nghe không đến nỗi buồn ngủ như mọi lần trước.

HOÀNG BẢO VIỆT

TRƯỚC NGÀY LÊN ĐƯỜNG

MAI TRUNG TĨNH

THƯỜNG thì chiều thứ bảy nào tôi cũng về sớm, nhưng hôm ấy có chút việc gia đình phải tạt qua nhà một bà con nên tôi về hơi muộn. Buổi chiều đã rút đi từ lâu. Thành phố đã lên đèn cả. Tôi vừa đi vừa nghĩ đến Quý và Hiền cùng cho rằng hai người chắc phải cáo vì tôi để họ chờ. Quý, Hiền và tôi là ba người bạn thường quanh quẩn với nhau thời bấy giờ. Đó là vào khoảng 1952-53 ở Hà Nội. Quý ở mạn Đại Cồ Việt, con đường đi xuống bệnh viện Bạch Mal. Từ nhà Quý, chúng tôi có thể trông thấy lớp nhà của bệnh viện qua một vài cánh ruộng. Hiền ở phía Đồn Thủy. Từ

nhà anh ra bệnh viện Pasteur chỉ cách vài đầu phố. Tôi ở Bà Triệu, con đường có nhiều bóng cây lớn, nghĩa là tôi ở vào khoảng giữa của Quý và Hiền. Cuộc sống của chúng tôi ngày ấy như có một cái gì vây bọc lấy nhau mặc dầu mỗi người có một đời sống riêng biệt.

Chúng tôi thường đi chơi với nhau vào những buổi tối. Cứ mỗi khi đèn thành phố vừa ánh lên và bầu trời xẩm lại là Hiền đã ra khỏi nhà đi thẳng xuống dưới Quý bằng xe đạp, sau đó cả hai người ngược lên nhà tôi. Chúng tôi đi lên mạn Chợ Hôm, qua Hòa Mã ra phía Hàng Chuối. Buổi tối đi chơi bộ ba như vậy đã thành một định lệ. Các ngày thường có thể chệch choạc, nhưng những tối thứ bảy, chủ nhật thì không thể nào quên được. Thú nhất là vào những buổi tối mùa thu sắp sửa sang đông. Trời hơi lạnh. Mưa lất phất. Chúng tôi khoác áo mưa và đi chơi trong đêm như thế. Ba người đều nghiện cà phê. Đi chơi đến độ 10 giờ, chúng tôi quay về phố Lê Văn Hữu,

đi qua xưởng than rồi vào cà phê Hợp chọn một bàn thật khuất mà ngồi. Quý hút thuốc lá không biết cháy tay. Quý nhúng điếu thuốc vào chất nước đen đặc quánh lại, đợi khô rồi mới châm lửa. Ngồi với nhau đến nửa khuya mới chia tay. Những khi trở về một mình như vậy, qua những dãy phố đã ngủ hết, tôi thấy buồn lạ lùng. Tôi ngâm nhỏ mấy câu thơ của một tác giả hồi tiền chiến nói về nỗi lặn đạn của những kẻ giang hồ sương gió. Về đến nhà tôi lại chong đèn sáng tác cho đến 1, 2 giờ khuya mới đi ngủ. Tôi tự cho tôi một cuộc sống như thế. Lúc bấy giờ có lẽ không ai có được một cuộc sống mà có thể làm cho người khác bất chước. Tôi nghĩ như vậy. Tôi vừa đi học vừa làm văn nghệ, mỗi tuần gửi đăng một hai bài trên các phụ trang văn nghệ của mấy tờ nhật báo. Quý thì sống với những phút phóng đăng của anh. Quý thường có mặt ở Khâm Thiên vào những đêm đầu tháng. Hiền dè dặt và nghi ngờ tất cả. Anh đến tuổi động viên và cũng từng có những phút thắc mắc về

cuộc đời mình. Có một câu mà mãi tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ và cho rằng Hiền đáng yêu: “Không biết cái thằng Hiền này sống cho nó hay cho ai, hả các cậu?” Chính tôi lúc bây giờ cũng không biết trả lời làm sao, nên chúng tôi để câu nói của Hiền chìm nghỉm trong cái ồn ào hỗn tạp của cuộc sống. Hiền thỉnh thoảng có những ý kiến đại khái thuộc loại ấy. Hiền không làm văn nghệ như tôi nhưng đôi khi cũng có những nhận xét đúng. Một lần Hiền lại nhà tôi ngủ, anh hỏi một câu trong lúc biết tôi đang làm thơ mà anh thì nằm trong giường vọng ra:

– Sao dạo này tôi thấy nhiều bài thơ nói về đồng quê thế?

Tôi nói với Hiền:

– Người ta chán ngấy cái cuộc sống ở thành phố rồi nên người ta chả trở về với đồng ruộng?

Rồi câu chuyện dừng lại. Hiền quay vào ngủ. Tôi lại tiếp tục cuộc sống của tôi. Hồi đó, tôi cũng không khỏi không có lúc nghĩ rằng mình viết cho ai lúc này. Và tôi cũng không trả lời được cho mình. Đến bây giờ tôi nghĩ lại thấy hổ thẹn và còn cảm được cái vợ vẫn lạc lõng của nếp sống lúc ấy.

Tôi về đến nhà đã thấy hai chiếc xe đạp dựa vào nhau ở ngoài cửa. Tôi đang từ tốn định bước vào thì tiếng Quý gọi tôi ở một góc cây xế đó. Tôi quay lại và thấy cả Hiền cũng đứng khoanh tay trước ngực nhìn về phía tôi không nói. Tôi nghĩ đến cái im lặng, dút dát như con gái của Hiền. Tôi vào để xe rồi trở ra, cất nốt hai chiếc xe của Quý và Hiền nữa là chúng tôi có thể ra lộ được rồi.

Ba người bước song song dưới những lùm cây mờ thoáng ánh điện đường. Tôi nhìn đồng hồ thấy chỉ 8 giờ. Quý biết tôi chưa ăn cơm nên đưa tôi với Hiền đi ăn một bữa. Quý nói

với tôi qua vai Hiền:

– Tôi biết cậu hôm nay chưa ăn, mà tội này lại mới có một ít tiền đủ cho ba tháng.

Tôi nhìn Hiền. Hiền mỉm cười lơ đãng. Hiền vẫn ít nói như thế. Hiền là người lớn tuổi hơn tôi và Quý nên anh có vẻ đứng đắn hơn. Câu chuyện đôi lúc có hợp thì chỉ tôi với Hiền. Còn của Quý là những truyện theo đuổi một tà áo, một ánh mắt, một cuộc ái ân chóng qua với một gái điếm dưới khu anh ở. Quý không quên kể cho chúng tôi những đêm huyền ảo, dành giết của một số ngoại nhân mặt đỏ như gấc, miệng sặc sụa hơi men. Tôi tưởng tượng ngọn đèn đỏ treo trước cửa khu nhà chứa chỗ Quý ở như một con mắt khủng khiếp, có sức thu hút thần diệu những người mà không còn biết mình sống hay đã chết. Tôi cho rằng giá họ chết đi có lẽ lại còn sướng hơn là sống ở đây để nhìn thấy những ngọn đèn đỏ như máu ấy, để rồi hỏi mình không biết sống cho ai như

Hiền. Tôi hay quên thời gian trong thư viện. Tôi đọc lại những tờ báo xuất bản năm xưa cùng một ít sách ngoại quốc. Hiền cũng có cái thú đọc sách nhưng phần lớn là tiểu thuyết. Hiền có một người anh theo kháng chiến lúc ấy làm việc ở Thái Nguyên. Rất lâu mới có một liên lạc ở ngoài ấy về. Tôi nhớ có một lần Hiền kiếm được ở đâu ra hai, ba bài thơ ở ngoài khu của đoàn văn nghệ quân đội và đưa tôi. Tôi say sưa đọc. Quả thật hồi bấy giờ tôi chỉ mong có thơ của kháng chiến mà đọc. Tôi nhớ có đọc một bài mà tác giả vì xót thương Hà Nội bị chiếm đã cảm hứng viết ra. Lời thơ thật ngẹn ngào, u uất. Tác giả mong một ngày về giải phóng. Tôi đọc và cũng nhận thấy thú vị. Hiền cũng có vẻ rung động khi nghe thấy hai tiếng “giải phóng”. Tôi nghĩ đến những cuộc khám xét nhà nửa đêm của sở Công An, những lần làm rafle về chuyện động viên ở các rạp chớp bóng. Tôi bảo Hiền khi hai người đều trông thấy chiếc xe đi tuần đêm của quân đội Pháp qua nhà Hiền một hôm tôi lại ngủ nhà anh:

– Cái cảnh này thì thật chúng mình bị chiếm. Cậu ở đây chắc thỉnh thoảng được nghe những cuộc đột kích bên kia sông? Súng nghe có rõ không? Tiếng súng của ngoài ấy cũng dễ nhận thì phải?

Hiền mỉm cười:

– Thỉnh thoảng lắm mới nhận được. Mình ở đây mà có một khẩu súng nhỏ chắc chưa ra đường đã bị tước.

Tôi bảo:

– Thế còn là phúc. Tôi tưởng cậu sẽ bị cho vào bao tải mà nằm trên xe “bộ hung” là khác. Rồi tôi đọc cho Hiền mấy câu thơ của Eluard:

Que voulez-vous la rue était barrée.

Que voulez-vous nous étions désarmés.

Tôi không quên nói cho Hiền biết là nhà thơ này cũng là một nhà thơ của kháng chiến

và ông mới mất năm 1952. Hiền với tôi đôi khi có những câu chuyện nho nhỏ như trên. Những lúc ấy tôi mến Hiền hơn lên.

Chúng tôi bước ra khỏi hiệu cơm thì trời lại có mưa nhỏ. Ba người chẳng nói với nhau một lời lẳng lặng đi bên nhau. Chúng tôi cùng hướng về phía quán cà phê mà rảo bước. Một vài tiếng đại bác ì ầm vọng về từ mạn Gia Lâm. Tôi bảo hai người:

– Các cậu nghe thấy không?

Quý thân nhiên đáp:

– Các cậu hay thắc mắc lạ. Chúng nó đánh nhau thì phải có súng nổ, đó là dĩ nhiên. Tôi thì chỉ khi nào nó đánh vào tận Hà Nội thì ...

– Thì lúc đó người ta sẽ thấy ông chạy xuống Hải Phòng để rồi trốn vào ... quán Bà Mẫu!

Cả ba chúng tôi đều cười. Hiền vẫn là người thổ lộ ý khôi hài ít nhất. Tối hôm ấy tôi không thức khuya nữa vì hút nhiều thuốc lá quá thấy vương vất cả đầu nên khi chia tay nhau, tôi trở về và tắt đèn đi nằm ngay. Tôi chợt nghĩ đến Thùy và định ngày mai tôi phải xuống thăm Thùy. Tôi thường nghĩ đến cái điên của Thùy mà tội nghiệp cho Thùy. Thùy với tôi yêu nhau trong những ngày cùng học ở một tư thục. Tôi không biết tại sao Thùy bỗng điên như thế. Cách đây một năm, mỗi lần về học, tôi ra trước đứng đợi dưới một bóng cây để chờ đưa Thùy về nhà nàng dưới khu Nhà Diêm rồi mới trở lên. Những buổi chiều là những giờ phút Thùy làm cho tôi quên được nhiều điều. Hai người đi trong gió buổi chiều khởi dậy. Thùy thường mặc cái áo xanh hồ thủy thật đẹp. Tôi bảo Thủy là tôi ưa màu áo đỏ và Thủy chỉ mặc có một màu như vậy. Bỗng Thùy mắc bệnh điên. Khi tôi biết, tôi không giữ được khỏi xúc động. Tôi đi tìm Thùy giữa những nụ điên cười, khóc dưới nhà thương Bạch Mai. Câu chuyện yêu

nhau của chúng tôi Quý và Hiền đều biết. Họ cho tôi như thế là hạnh phúc lắm. Tìm được một người yêu bấy giờ cho đỡ chán chường, cho đỡ bơ vơ lạc lõng. Nhưng đến khi Thùy bị điên thì tôi không cho Quý và Hiền hay. Quý có hỏi tôi về sự vắng mặt của Thùy, tôi bảo với Quý là nàng bị bệnh tim và cần phải nằm dưỡng bệnh ở nhà thương. Một tuần lễ hai lần tôi vào với Thùy. Có lần tôi chảy nước mắt quay đi khi thấy Thùy bị nhốt bên trong những chấn song sắt. Nàng xé hết cả áo quần và gọi tôi như một kẻ lạ mặt. Tôi nghĩ đến tấn thảm kịch của nàng. Tôi chắc Thùy quên hết cả, Thùy quên không nhớ một tí gì. Thùy quên những buổi chiều nàng mặc chiếc áo màu hồ thủy đến với tôi như một nàng tiên. Tôi nhớ một lần giữa gió chiều tôi bảo Thùy:

– Thùy có bao giờ nghĩ rằng ở đời mà không còn có tiên để mình mơ thì mình hết muốn sống không?

Thùy chỉ mỉm cười nhìn tôi âu yếm. Tôi đọc khẽ, chỉ đủ thoảng bên tai Thủy câu thơ của Lamartine:

– Un seul être vous manque, tout est dépeuplé.

Đêm ấy tôi ngủ một giấc thật no. Hình ảnh Thùy tràn ngập trong giấc mơ êm ái.

Buổi sáng hôm sau tôi dậy sớm. Tôi ra cửa nhìn mọi người đang rảo chân đạp về phía trung tâm thành phố. Tôi nghĩ đến những gánh hàng từ ngoại ô đưa vào, qua muôn ngả đến họp cho đông chợ. Tôi cũng nghĩ đến những chuyến xe sớm mai lên đã phải chuyển bánh ra những khu tiền tuyến. Hành khách là những người hay nghĩ đến một tiếng nổ bất thường dưới gầm xe.

Khi ánh nắng đã vào quá nửa sân tôi mới xuống với Thùy. Bác gác về khu những người điên đối với tôi như một bà con thân thuộc.

Hôm nay đây nhà yên lặng như còn ngủ cả. Họ không kêu gào khóc cười đến khốn nạn như mọi ngày. Tôi kiếm Thùy trong lớp người khốn khổ đó. Thùy mặc chiếc quần thâm đã nhàu nát, chiếc áo cũng vậy. Thùy im lặng ngồi ôm lấy chân song ngó ra ngoài trông ngơ ngác đại khờ như một con vật. Tôi khổ tâm khi có ý nghĩ này. Tôi đem một ít trái cây xuống cho Thùy ăn. Tôi tiến lại cầm tay Thùy. Tôi tưởng Thùy sẽ rú lên hốt hoảng, nhưng Thùy lại nhìn tôi chùng chùng. Tôi bóc một quả cam đưa cho Thùy. Tôi muốn nói như Thùy của tôi khi xưa:

– Thùy ăn đi.

Thùy cầm lấy nhai ngấu nghiến thật ngon lành. Cái ngon lành của một con vật vô tri trông tội nghiệp quá chừng. Thùy ơi! Sao Thùy không nói được một lời!

Thùy ăn một lát hết trái cam. Tôi lại đưa tiếp cho nàng. Tôi đưa tay qua cửa sắt vượt

vào má Thùy và nói nhẹ nhàng:

– Thùy ơi! Sao Thùy lại thế này! Thùy đến với anh khi anh sống trong một xã hội hết cả niềm tin tưởng ở tương lai xứ sở, tương lai cuộc đời mình. Bây giờ Thùy điên Thùy hiểu làm sao được lòng anh yêu Thùy. Thùy có hiểu được nỗi đau buồn đáng thương của anh khi anh thấy Thùy không còn biết gọi được tên người yêu của mình?

Tự nhiên Thùy cười. Thùy cười nhưng tôi biết rằng Thùy chẳng hiểu gì. Mặt Thùy hốc hác, tiêu tụy. Thùy cứ cười mãi, trông thật xót thương.

Tôi sống với Thùy như thế mà cả nhà tôi lẫn nhà nàng đều không hay. Cho đến khi nghe tin chia đôi đất nước, tôi lại tìm Quý và Hiền để biết sự quyết định của hai người. Quý báo tin cho tôi anh sẽ lấy vợ trước khi di cư. Quý nói với tôi:

– Bây giờ tôi đi thật. Chắc cậu cũng đã được nghe những chuyện của cộng sản ở ngoài ấy rồi chứ? Phải đến bây giờ tôi mới hiểu thế nào là cộng sản một chút.

Về phần tôi, tôi phải lên đường. Tôi tự cảm thấy sống vẫn lơ lửng đã đến chỗ chấm dứt của nó. Người ta không thể đi về từ đầu và cuối một con đường cùng một lúc. Đã đến lúc phải thấy được cái thế đứng của mình trong giai đoạn này. Và tôi đã quyết định bỏ Hà Nội lại cho cộng sản để lên đường. Tôi nghĩ đây là một cuộc phiêu lưu, nhưng đồng thời tôi lại tin tưởng đó là một cuộc đi tìm đất mới để khai thác, để lập nghiệp, để có chỗ đứng vững chãi, để sống lại.

Tôi đi tìm Hiền để được hiểu cái thái độ của anh trước biến cố lịch sử, biến cố trọng đại nhất. Hiền đã ra khu để gặp người anh. Mẹ Hiền nói với tôi gia đình Hiền đều quyết định ở lại vì có người anh đi kháng chiến sắp trở về

Hiền cũng đã tỏ thái độ ấy cho tôi rồi. Tôi nghĩ vậy trong thâm tâm tôi. Như thế là xong. Quý sẽ lấy vợ rồi lên đường. Anh cũng đã chọn. Hiền ở lại để đón một không khí mới. Không khí mới này có thể rất ngọt ngào, cái ngòi ngọt của những kẻ bị thủ tiêu bằng bóp cổ. Hiền đã lên Việt Bắc và mai đây sẽ trở về cùng lớp người chiến thắng? Cái chiến thắng tôi cho là khởi đầu của thất bại. Cũng như khi anh hát đến cùng độ, anh sẽ khản cổ và bắt đầu hát bé rồi tắt. Như khi người ta chèo lên đỉnh đồi là người ta đã ở điểm đầu của xuống dốc.

Bây giờ chỉ còn Thùy. Tôi làm thế nào để đưa Thùy đi. Tôi không nghĩ đến cái điên của Thùy. Tôi chỉ nghĩ đến sự có mặt của Thùy cùng tôi ở miền Nam. Tôi trở xuống bệnh viện Bạch Mai lần cuối cùng. Dọc đường tôi đã có ý nghĩ đánh tháo cho Thùy – ý nghĩ khá kỳ lạ – nếu điều đình xin Thùy ra không xuôi. Nhưng khi đến nơi, tôi biết Thủy đã được gia đình nàng đón về để sửa soạn rồi bỏ Hà Nội. Thế là

Thùy cũng đã gián tiếp quyết định. Tôi sẽ gặp lại Thùy và Thùy sẽ không bao giờ chết được. Mà dù Thùy có chết ở trong Nam sau này thì cũng là chết để mà không chết. Khác nào như lời cầu khẩn của những quả phụ trong thời chiến của Eluard:

Laissez-nous tenir un fusil

Et nous mourrons contre la mort

* * *

Tôi vào Nam được hai tháng thì biết tin Thùy ở với gia đình nàng trên Thủ Đức. Thùy bây giờ đã trở lại một người thường. Tôi lên Thủ Đức để gặp Thùy và nói với nàng rằng bây giờ tôi vẫn tiếp tục mua cam, táo cho nàng nếu như nàng trở điên lại. Thùy vẫn là nàng tiên của tôi, của con đường Bà Triệu trong những buổi chiều êm đềm. Tôi lên gặp Thùy khi hai thân sinh nàng ra phố. Thùy nhìn tôi, đôi mắt bây giờ lại có được cái xúc động, ngây ngất của những ngày nàng mặc áo màu hồ thủy. Và

trong một phút cảm động, tôi cầm tay Thủy mà nói:

– Thùy vẫn là nàng tiên của anh. Màu hồ thủy bồng bênh thu hút anh suốt cả dọc đường dài không phai mờ, dù qua nghìn trùng biển cả.

Tôi nói xong mỉm cười ngó Thùy. Thùy khi ấy vì thẹn nên nàng rút bàn tay ra với chiếc áo khâu dở ở trên bàn, rồi vừa mỉm cười vừa nói:

– Gớm! Bây giờ có điên lại... thì...

Tôi lấy tay bịt vội lấy miệng nàng. Thùy để nguyên bàn tay tôi mà chỉ ngược lên nhìn âu yếm. Tôi thấy Thùy cười trong mắt của nàng đẹp hơn nụ cười trong lòng bàn tay tôi.

Mùa xuân năm đó tôi cưới Thùy. Quý cùng vợ anh có về dự lễ. Tôi chỉ ân hận là đã không có mặt Hiền ở đây. Bộ ba của chúng tôi đã bị sút mẻ. Tôi tưởng tượng như chúng tôi

đã chụp chung nhau một bức ảnh ba người, và theo dị đoan, phải có một người chết trước. Tự nhiên tôi coi Hiền đã chịu số phận của kẻ đó.

MAI TRUNG TĨNH

BAO GIỜ EM LẤY CHỒNG

Tôi biết rồi đây em cũng đi,

Như bao người gái đến xuân thì.

Mỗi đêm say tỉnh vài cơn mộng,

Trở giấc, lòng ơi! buồn làm chi?

Ôi biết bao giờ em lấy chồng?

Đâu thu hay cuối một mùa đông?

Bên người có ánh trăng, đèn mới,

Em nhận thơ lòng tôi nữa không?

Hoa nở cô đơn, bóng động rèm,

Vườn xưa còn thoảng chút hương em.

Xót xa lá cỏ vương mùi tóc,

Tà áo bay về, nhớ suốt đêm.

Em cũng như làn hương phấn kia,

Gió về rồi đến buổi chia ly.

Nhớ trong khung cửa, mong ngoài ngõ,

Như kẻ xưa buồn lối phượng đi.

Nhớ buổi người yêu, kẻ hững hờ,

Em là thực nữ chỉ mê thơ,

Còn lòng tôi đó, em không biết,

Chẳng đến dò thăm, chẳng muốn ngờ.

Mà chẳng tình chung cũng hẹn nhiều,

Lời em bay bướm tưởng rằng yêu!

Vì ai làm đẹp mây trời thế?

Tôi đợi tin thu sớm lại chiều.

Em ướp hương vào những giấy thư

Tôi hôn lên chữ một đôi tờ.

Nghĩ rằng: Em gửi hôn thơm đấy,

Là bởi lòng kia đã ước mơ.

Mơ ước hiền như truyện trẻ thơ,

Hoài nghi từng ánh mực hoen mờ.

Chữ Yêu lượn nét hoa kiều diễm,

Tưởng thấy nghìn đuôi mắt hẹn hò.

Vàng trắng vừa ngả bóng chung đôi,

Em đã xa như Dĩ Vãng rồi!

Tình cũng quan san từ đáy mắt

Một hàng mi lặng: mấy trùng khơi?

Nghe động bàn chân, nắng tỏa hương,

Mong manh từng gợn phấn còn vương.

Em đi, nửa gối hoa tàn mộng,

Thương nhớ bay cùng mây viễn phương.

ĐINH HÙNG

NGUỒN

Anh nói chắc rằng chưa một lần nào bước chân dẫm lên đây,

Có nhiều con đường giao duyên mà hai lẽ là hoa hồng vừa độ nở.

Những con đường rộng thênh thang không tiếng còi xe ngăn trở,

Một thành phố rất xa.

Trời có màu áo của em – màu tím hai mươi nay đã sang màu xanh hy vọng – choàng rộng trên đầu.

Đón từng mái tóc trắng phau của cha mẹ già
nua,

Cũng có thể là những chiếc nệm bông tinh
khiết của những cặp vợ chồng sắm trước tối
tân hôn.

Anh đang nghĩ về nhau.

Dù chỉ là một đám mây đưa.

Anh nói chắc rằng thành phố đẹp.

Một công viên xanh mượt cỏ, có giải nước chạy
ngang làm gương cho lưng cầu trang điểm.

Chiếc ghế dài màu nhung thảm cho nơi hò
hẹn mùa xuân.

Và con đường trải lá cuối mùa dẫn đến nơi xa,
nơi vừa chấm dứt ở điểm đứng chân em.

Hương đi diu dặt,

Anh yên lòng chờ em mà không sợ cuộc đời
quấy phá.

Chẳng tiếng động nào xui nên rời bỏ khi em
nằm trong cánh tay anh. Chẳng bắt gặp nào
xui nên thêm khát khi môi tìm về đôi mắt
trong xanh.

Sẽ nói bên nhau lời tha thiết nhất,

Rằng mình sẽ đi trốn những mái nhà, những
khu chợ, những trung tâm điểm của xe bốn
phương về.

Rằng mình sẽ chỉ có hai đứa làm chủ lấy những
con đường giao duyên mà hai bên lễ hoa hồng
vừa độ nở.

Những con đường rộng thênh thang không
tiếng còi xe ngăn trở.

Cùng với chim hát khi bóng mát vào trưa,

Và dòng mây hoa huệ đi mãi những bước đời
lang thang.

Khi áo em làm nên màu trời xanh lơ,

Em sẽ hiện trên ghế nhung màu thẫm có gã si
tình đứng đợi từ lâu.

Trên môi chợt nở đóa hoa vừa hé nhụy cho
anh làm con bướm dại khờ đến nhận phần
hương thơm.

Rồi thời gian đọng lại qua đôi khung cửa sổ
linh hồn vì quá khứ đã thành hôm nay và
tương lai chẳng bao giờ xưa hiện tại.

Anh nói chắc rằng một đô thị đúng với ước
mơ vừa trở về tự tiềm thức sâu xa.

Có đôi khi mưa bụi về cho lỏng sát nhau hơn
giữa một chút gió vào mùa.

Nhưng bỗng nhiên mưa thu thành gió bắc và
giông tố tràn ngập công viên.

Chiếc cầu yêu vừa gãy gục và anh kịp giữ em trong tiếng sợ kinh hoàng.

Bất chợt phút giây, anh không nở lòng oán trách vì suốt bốn mùa sao tránh được phong ba.

Mà chỉ lay gọi em trong tiếng hải hùng của trăm vạn hành tinh đang thi đua làm sấm sét gió mưa.

Đôi mắt em vẫn đi vào vô vọng mà chung quanh thì không một tiếng đáp lại giọng yêu cầu.

Bơ vơ đến lạ lùng.

Bầu trời xanh chợt tối với tiếng chim hát tắt nghẹn tự lúc nào.

Những tàn cây lớn đổ ngọn lưng chừng, dáng cong cong hình nắm mộ không người chăm.

Và con đường rộng thênh thang đầy cây cảnh
rơi rụng như chân tay một thể xác tan tành.

Anh cúi mặt khóc, đọc một lời cầu xin chơi
với.

Nước mắt anh rơi trên màu trinh khiết lên da
và mắt em chợt mở cho sống lại một nụ cười.

Nhưng nụ cười không còn vĩnh cửu như chính
nỗi mừng tan biến giữa lòng anh.

Vì em chỉ nhìn một lần để ngậm ngùi theo câu
nói. Ta chỉ mới có hai người, rồi xa cách ngàn
thu.

Anh đưa em cùng cỏ hoa làm thành một nắm
mộ bên đồi, đứng trên đồi nhìn xuống bờ vờ.

Nhớ lời nuối tiếc, ta mới chỉ có hai người, chợt
thấy trở về tự một giấc mơ.

Có phải thế không em, linh hồn vừa trở lại.

Linh hồn anh vừa trở lại báo tin,

Cho đến khi em về với mãi mãi sẽ có tiếng gọi
vào bầu và bàn tay đưa đón bế bồng.

Tiếng anh vang đi cùng có lời vọng lại chân
thành.

Con đường bên dưới vẫn rộng chiều sa mạc,
không một cành hoa còn nở, thật đau thương.

Màu xanh hy vọng lại trở về sắc tím ưu tư, bầu
trời hun hút.

Rồi núi đồi thu nhỏ vòng vây.

Và anh hỡi hùng nức nở nghe chứng máu ng-
hẹn qua tim.

Ánh sáng vào đêm dẫn anh về lối cũ,

Thành phố sớm lên đèn cho một bầu chim
nhìn lại gửi lời chào trên đường về xóm thôn.

Có cặp vợ chồng dạo phố và người con gái giữ tình nhân đứng trước mặt bàn tay người hành khất đưa lên.

Tiếng trống bãi trường trẻ nài đổ tiếng cười của đàn trẻ đại thơ ngậy ra giữa hoàng hôn.

Và trước mặt anh năm bảy con đường gặp gỡ.

Để tiếng còi xe vang lên rộn rã như tiếng gã chần cừ gọi lại đàn cừu khi nắng hết giữa đồng xanh.

Chiếc xe dừng lại bên lề cho người bộ hành trú ngụ để sớm thấy bên nhà đang chờ đợi một bóng dáng thân yêu.

Anh chấp tay cầu nguyện.

Thành phố có công viên, có suối nước, có con lộ rộng thênh thang dành riêng cho hai đứa đã thành cô độc suốt đời cũng vì chỉ tìm nhau sống có hai đứa mà thôi.

Rồi bước vội lên xe khi báo hiệu khởi hành.

Người tài xế nghiêng đầu lịch thiệp đón chào anh.

Cô gái hàng rong mở lời mời, niềm hy vọng chất đầy trong khóe mắt đã đến tuổi ân tình.

Mà bỗng nhiên anh chợt hiểu.

Khi thấy người ngồi trong chuyến tàu đi có cả em.

Em của anh.

Những con đường dài rộn tiếng cuộc đời, đón chuyến xe đi vào giữa thị thành.

Cùng qua những giải đồng xanh.

DUY NĂNG

BÀI CA HAI MƯƠI

Tôi đau niềm đau thế kỷ,

Sợ sao là sự tầm thường.

Muốn về nằm trong mộ chí,

Cho ai nhỏ lệ mười phương.

Hỡi một hai mươi và những hai mươi.

Dù là anh đang thờ phụng một Gandhi bên
phù sa, Hằng Hà nóng bỏng,

Dù là anh còn say sưa hình mộng dưới một
Sombrero,

Thì hãy về đây, bằng cánh đại bàng hay nường

mình theo sóng

Để cùng tôi. Chúng ta nắm lấy tay nhau mà
hét thật to:

Đừng bắt tôi đeo mặt nạ mùa giữa đời cho
người ta tưởng tôi như thế.

Đã đến lúc phải giải thoát tôi, đập vỡ xiềng
xích cho tôi kêu lên: đây hai mươi!

Cho tôi vươn lên định nghĩa một danh từ,

Mà lâu nay người ta bịt miệng không cho thở.

Đây là phút “tôi thứ hai” cởi mở.

Tôi thích gì? Một khung vải trắng với một tảng
màu tàn nhẫn vút lên.

Bóng như lưng con cá voi bật lên giữa biển
sữa.

Điệu Boléro dưới bầu trời sao với những âm thanh chất chứa muôn vàn.

Thèm một con đường rộng thênh thang, không có chân trời che mắt và tôi sẽ phóng đi rất nhanh cho tốc độ làm tan nát hình hài.

Xin đừng nhìn tôi kính ngạc, vì tôi - là - một - hai - mươi.

Tôi yêu ai? Người con gái đi trước tôi mà bỗng dừng gập vào một chiều nhạt nắng.

Muốn bên em bằng cả trận cuồng phong nhưng yêu em hơn cả khi em quay lưng lại.

Lắm lúc ngờ vực rằng nếu anh là người khác chắc gì em đã yêu anh?

Làm sao cho em hòa vào anh. Để em nói mà anh không chua xót. Để em đừng cười trong lúc anh lặng im.

Em dỗi nghiêng đầu nửa mặt nhúng vào bóng tối.

Thôi em tha lỗi cho anh, vì anh - là - hai - mươi,

Tôi sợ gì? Những buổi chiều kéo nhau chạy sau triền núi và nhìn lại phân số cuộc đời mà phân tử tăng dần theo đau khổ.

Một thân người nằm ườn bên họng súng, dây xích chiến xa nghiền nát những nụ cười.

Da diết làm sao khi tưởng “những hai mươi”, mà người ta làm bản kẽm sản xuất bán sỉ cho công trường.

Đứng ngấm tôi bằng cặp mắt đau thương, vì dù sao tôi vẫn hai mươi tuổi.

Đ. MINH

MÁI ĐẦU NHỮNG HÀ NỘI

NGUYỄN SỸ TẾ

CÂU chuyện mà tôi kể hầu các ngài sau đây, theo tài liệu của một người bạn, xảy ra vào mùa đông 50 tại thủ đô Áo quốc. Họ là một bọn người sinh viên trẻ măng, có người chỉ chừng 16 tuổi, nam có nữ có, đủ màu da đủ gương mặt. Họ từ thủ đô tứ xứ lại trong đoàn người tình nguyện cứu trợ dân tị nạn Hung-gia-Lợi. Họ làm việc tại một quán sơ sinh viên tạm thời đổi thành trạm tiếp nhận những người vượt tuyến. Chỉ trong mấy ngày công tác bên nhau họ đã mặc nhiên trở nên một đoàn người thân thiết.

Buổi tối hôm ấy trời rét căm căm và tuyết rơi không ngớt bên ngoài những ô cửa kính mờ. Từng cơn gió rít, cuốn tung những bụi tuyết trắng xóa. Những ngọn đèn âm sâu ngủ trên đỉnh những cột đèn lối cổ. Trời đã về khuya, hoạt động đã ngừng, tiếng động đã lắng xuống, căn phòng khách của quán sở rộng mênh mông và la liệt những người nằm ngổn ngang trên những đồng cỏ khô hoặc trên những bụi gỗ. Bọn người thanh niên quốc tế của chúng ta, trong đó tất nhiên có cả sinh viên sở tại và sinh viên lánh nạn, vẫn còn ngồi quây quần chung quanh chiếc bàn chơi bi ở góc phòng, bên một ngọn lửa gậy bập bùng cháy ở trong lò. Họ ngồi im lặng đốt hết điếu thuốc là này đến điếu thuốc lá khác và uống rượu “bia” trong những chiếc cốc lớn. Như vậy không biết đã bao lâu. Họ muốn làm quen với nhau hơn, nhưng rồi hình như họ sợ lời nói hoặc có ý đợi chờ một người khởi xướng. Tiếng chuông một nhà thờ kế cận buông 12 tiếng trong tịch mịch.

Tới một lúc kia, chừng không nén nổi mỗi xúc động của mình trong một cơn hồi tưởng, người con gái Hung-gia-Lợi, con người trẻ nhất trong nhóm, bật lên một tiếng khóc và ôm đầu gục xuống cuối bàn. Kính trọng nỗi đau đớn của cô ta, chưa ai nói một lời nào. Một anh bạn ngồi ở một góc bàn và là người có vẻ cao niên nhất trong bọn, từ từ rút cái điều ngậm ra khỏi miệng nói một câu buông xuôi:

– Nhưng mà những lời than khóc của chúng ta liệu có làm nên cái gì không đã?

Tức thì lời nói đó có cái hiệu lực làm cho cô gái Hung thôi khóc, ngừng đầu lên nhìn đăm đăm trước mặt. Một đường gân nhỏ nổi lên trên trán cô bé. Câu chuyện đã bắt đầu nhóm lên. Một anh bạn nói:

– Chúng ta sinh nhằm một thời đại quay cuồng xáo trộn từ ngoài vào trong. Chiến tranh thế giới chấm dứt thì nhân loại lại lao

đầu vào một cuộc xô xé lẫn nhau triệt để hơn và thâm bội phần. Con người trở nên tất cả và chẳng là một cái gì hết. Và chúng có! Tai họa chẳng? Vinh dự chẳng?

Một bạn trẻ nói chậm rãi:

– Tôi thì tôi cho đó là một điều đáng nhận mặc dầu có tai hại ở hơn một phương diện. Sự hồi sinh chỉ được vững bền khi bắt nguồn từ một sự hủy diệt trọn vẹn.

Một người tiếp:

- Tấn thảm kịch của chúng ta là ở chỗ đó.
- Tấn thảm kịch của những người hai mươi.
- Nhưng tấn thảm kịch của chúng ta còn là tấn thảm kịch của những thủ đô thời mới.

Một lúc câu chuyện trở nên náo nhiệt lạ

thường. Người ta nói để không kịp nghe nhau: Giả sử có sự nhưng tay của đế quốc? — Không thành vấn đề! — Mọi cuộc nổi loạn bản nhiên đều đẹp...

Bây giờ câu chuyện chuyển sang giai đoạn tâm tình với những giọng điệu u-trầm và chậm chạp hơn. Người ta lần lượt lắng nghe nhau nói. Một anh bạn cao lớn, vạm vỡ, đồ sộ trong chiếc áo bành tô dui mạnh mầu đuôi điều thuốc lá xuống chiếc gạt tàn, xoay đi xoay lại vài vòng để được tin chắc rằng điều thuốc lá đã tắt, bắt đầu câu chuyện của anh ta:

– Tôi sinh trưởng tại một thủ đô đã khét tiếng một thời như là thần tượng của một dân tộc, của một lý tưởng. Nhắc lại làm chi những câu chuyện đã quá lỗi thời, mà xưa kia chính tôi cũng không chuẩn nhận? Chúng tôi đã trả nợ cái “cũng gọi là lỗi lầm” của chúng tôi bằng một giá đắt đỏ... Nhưng xin các bạn hãy cho phép tôi kể những chuyện gần hơn và nói

nhân danh kinh thành quê hương tôi.

“Tôi là một thủ đô bị phân chia bởi một đường ranh giả tạo. Bên đây phố một sắc cờ, bên kia phố một sắc cờ. Một giải đất đều đặn, hai thế giới thù nghịch. Không khí lạnh mùi thép hay khét mùi thuốc súng. Những hàng rào thép gai và đồn lũy được lập nên khắp nẻo, Bầy con sinh sống trên tôi phân đông vẫn là bầy con cái cũ, nhưng tâm tư chúng thì hầu như không còn dấu vết xưa. Tình thương chuyển thành mối thù. Những con mắt nhìn nhau hằn học. Một người vợ đi tìm chồng mất dạng phải chịu cực hình. Một đứa cháu nhất định không tìm về với ông mặc dầu cách ngăn một khoảng ngắn. Hai anh em gọi nhau nguyên rửa qua hai làn sóng điện. Những người đột nhiên biến mất trong đêm. Những xác người tìm thấy trên sông hay ngoài nội. Ô hay! Bầy con cái tôi, chúng đã quên tôi và quên chúng rồi sao? Nhất thời, có lẽ, nhưng vĩnh cửu, tôi tin rằng không... Tôi là một kinh thành bị sâu

xé đến can tràng”.

Anh bạn đó còn toàn nói tiếp, thì anh bạn ngồi bên đã nổi lời:

– Tâm tư của anh cũng chính là tình cảnh của tôi cách đây không lâu. Chúng tôi cũng đã trải qua những ngày chia rẽ u-uất đó. Nếu ngày nay chúng tôi được cái vinh dự đón tiếp các bạn trong tình cảnh này, đó cũng chẳng qua là một sự tình cờ lịch sử, nói ra cũng chẳng hay ho gì.

Đến đây một anh bạn đứng dậy khỏi bàn. Hai tay đút túi quần, anh vừa đi đếm bước dọc bàn, vừa nói:

– Tôi là người từ xa lại. Tôi chỉ gia nhập hàng ngũ các bạn Hung và đến đây mà thôi. Vì lý do gì, các anh đã biết. Lý do đó ít nhất cũng chứng tỏ rằng có một sự đoàn kết rộng rãi giữa những người cùng lý tưởng và tất cả những hàng rào giả tạo mà người ta lập nên

cuối cùng vẫn sụp đổ.

“Các bạn vừa phàn nàn về chỗ kinh thành các bạn bị phân chia sâu xé. Nhưng phân chia sâu xé còn hơn là chết, bởi sâu xé còn là một tình trạng đợi chờ, một giai đoạn chuyển tiếp, và trong những điều kiện nào đó là một bước đường đáng mong. Nơi chúng tôi không thể. Chỉ có tháng năm trong vũ trụ mà chẳng có mùa màng trong lòng người. Các bạn đừng bắt tôi tả một cái gì ở ngoài hết. Chúng tôi nhìn nhau mà ít trông thấy nhau. Chúng tôi sống trong một cơn mơ thiếu ánh sáng, một cuộc sống đều đặn, lăm lăm, nông cạn, giả tạo đến nản người. Chúng tôi rất đông mà mỗi chúng tôi lại cực kỳ cô độc. Đó là một sự thực, không phải là một « thắc mắc trưởng giả ». Có thể nói chúng tôi chán ghét ngay cái mà người ta bảo là vinh quang của chúng tôi. Vinh quang hay ngục tù nhỉ? Và chán ghét từ mình trở đi. Mỗi chúng tôi là tù nhân của chính mình. Tôi là người thoát thân duy nhất, có lẽ. Tôi nghĩ

đến những người ở lại. Tôi tin tưởng nhiều người sẽ ra đi sau này. Tôi là một thủ đô chết, chết trong sự mai vong tới hủy diệt của tâm hồn ».

Dứt lời anh ta đến dán mũi vào cửa kính nhìn ra ngoài. Trốc đầu anh, một ô nền trời màu tro xám với muôn ngàn vì sao lấp lánh như những bông hoa tuyết lạnh một cách thấm thía. Ở bàn hội họp, một anh bạn vóc người nhỏ bé nhưng rắn chắc cũng vừa cất tiếng lên:

– Nói đến chết cũng có nhiều thứ. Có cái chết để thúc đẩy sự tái sinh, nhưng cũng có cái chết chỉ để mà hủy diệt. Tôi sợ cái hủy diệt thứ hai này. Thà làm nạn nhân của một cái chết đau đớn uất hận, nhưng khỏe mạnh và làm cao cả con người.

« Tôi là một thủ đô rộng lớn, đông đảo và tráng lệ vào hàng nhất nhì thế giới. Tôi cũng đã trải qua một thời cuồng nhiệt như một bạn

nói ban đầu. Và nếu tôi không lầm thì chúng ta đã là đồng minh với nhau trong một thời gian. Thần tượng đã hạ bệ. Lỗi lầm đã thất bại. Có điều bạn trả nợ lỗi lầm một cách khác, tôi một cách khác. Và cách của tôi thì hổ nhục làm sao! Cuộc sống phơi bày lên tất cả, hời hợt, giả tạo, hối hả. Con người sợ những phút suy tư hay phản tỉnh. Dường như người ta cay cú với thời gian, với hạnh phúc tức thì. Hí trường mọc lên nhiều hơn học đường. Ánh sáng có nhiều màu và chan hòa hơn vẫn không sưởi ấm lòng ai. Đời có tiện nghi nhưng hồn người thì trống rỗng một thứ trống rỗng mênh mông. Những tiếng khóc bịt ngán trong tiếng cười. Những cảnh lố lăng điên đảo làm đau lòng từ trẻ con. Danh từ quê hương xứ sở đã mất nhiều ý nghĩa. Một phần con cái tôi chạy theo ngoài vì phong trào, vì quên hay không biết quá khứ, một phần nữa bán rẻ thân mình vì sinh kế. Tôi là một thủ đô bại trận, sống trong tinh thần chủ bại trên cái dốc của sa đọa, tội lỗi. Tôi thương và yêu quê hương tôi hơn đâu

hết ».

– «Tôi ở trong một trường hợp khác hẳn, — một chị bạn kể cận lên tiếng sau nhiều chờ đợi. Tôi là một thủ đô bên ngoài có cái vẻ an bài trong số phận. Không phải là cái cảnh tàn lụi như một bạn nói lúc này. Bấy con cái tôi vẫn ngoan ngoãn sống cuộc đời xếp định của chúng đều đặn như mùa màng xứ sở. Nói như thế không có nghĩa là không có thay đổi quan trọng. Những đổi thay đó được thi hành không phản ứng như thể không có đổi thay vậy. Những chuyển biến thất thường trong tác phong, luật lệ, chế độ hầu như không làm ai xúc động. Mặt trời cứ ngủ mỗi ngày ở gần cầu sông cái và người bán hàng sách báo ra về nặng gánh đeo vai, dáng u buồn. Không biết người ta suy nghĩ những gì trong đầu óc mà quên chào hỏi, nói năng, bàn tán. Mà không phải là người ta quên nhau. Hãy hỏi một người đi đường xem hẳn có biết gì về thời cuộc. Hẳn không nói đâu, nhưng con mắt của hẳn chúng

tỏ rằng hẩn biết, hẩn biết tới ý nghĩa sâu xa của mỗi sự việc. Nói rằng hẩn sợ thì không đúng. Tôi tin tưởng ở lương tri, thiện chí và lòng quả cảm của con cái tôi. Và chẳng cần phải vận dụng tới cái năng khiếu tế nhị đồ chùng sự vật của người đàn bà, tôi cũng linh cảm thấy một điều gì không thuận. Tôi là một thủ đô hứa hẹn một dao động lớn nhưng hiện đang nín câm trong một niềm im lặng hải hùng ».

– « Tôi thành thật phàn nàn cho tất cả các bạn, – một anh bạn người cao lênh đênh vỗ ngực nói thế. Chúng tôi cũng đau đớn lắm, nhưng là một thứ đau đớn từ ngoài vào, một tai họa nhất thời từ xa đến. Chúng tôi không bị sâu xé nội bộ, không tàn lụi trong sự chết dần, không buông mình trên dốc sa ngã, không đắm mình trong im lặng kinh hoàng. Chúng tôi không có tham vọng làm bá chủ một ai về bất luận một phương diện nào. Là một dân tộc trẻ sớm mất quyền tự chủ, chúng tôi chỉ có một lý tưởng đơn giản nhưng chính đáng,

thực tế, gần gũi vô cùng. Chúng tôi không có gì để tự trách. Hàng người này gục xuống đã có hàng người khác đứng lên. Cám dỗ không làm lóa mắt, vuốt ve chẳng làm sồn lòng, bom đạn không làm lui bước. Biết bao tàn bạo đã diễn ra như khó có thể tin tưởng được trong thời đại mới. Con cái tôi máu đã ngập ruộng đồng. Nhưng tàn bạo thì thổ thì lại có tàn bạo trả lời. Kẻ nào có chính nghĩa trong tay rồi cuộc sẽ thắng. Đó là chân lý muôn đời. Dao găm thay súng, lựu đạn thay bom, chúng tôi tin tưởng và chúng tôi say mê chém giết. Tôi là một thủ đô trong cơn chiến đấu. Tôi kiêu hãnh, tôi mũi lòng hay cầm hờn...

Một chị bạn ngồi bên nắm lấy cánh tay anh ta và âu sầu kể lể:

– « Bạn ơi! Hãy tha thứ chúng tôi về những điều mà chúng tôi đã làm đối với bạn. Bạn hãy tin rằng nếu có kẻ lỗi lầm thì cũng có người sáng suốt. Chúng tôi biết rõ tình cảnh

của chúng tôi lắm. Không phải là tôi nhất đán bệnh vực quê hương. Chúng tôi đã, đang và còn sẽ trả nợ lỗi lầm. Tấn thảm kịch của tôi là thế. Tôi là một thủ đô đã quá quen thuộc để khỏi phải giới thiệu. Điều mà bạn phàn nàn, tôi cho là một bệnh thái của tôi. Có điều một bệnh thái kỳ quặc, đã quá kéo dài và tệ hại không biết mấy! Bên cạnh bệnh thái được cố gắng bít giấu đó là cả một mớ hỗn tạp khôi hài có vinh có nhục, có mỹ lệ, có xấu xa, có cao cả, có thấp hèn... Uyên nguyên của một vài luồng sáng xa xưa, trong bao cơn thăng trầm của lịch sử hay trong bao xoay chiều đổi hướng có vội vàng, tôi hầu như sắp tắt, nếu không có một cái gì kích động mạnh. Tôi thương và mong đợi. Tôi là một kẻ già nua, tôi là một thủ đô không màu sắc ».

– « Tôi là một kẻ già nua mới đúng, – một chị bạn khác nói lời. Bạn chỉ là một người già trước tuổi mà thôi. Nhưng nào có hề chi sự phân biệt đó. Chúng ta cùng một bệnh: già

nua và không màu sắc. Tầm thường, trống rỗng, già nua, không màu sắc, buồn biết bao nhiêu! »

– Tôi cũng thế, già nua không màu sắc!

Một người khác nhắc lại:

– « Còn tôi, tôi không già nua mà cũng không màu sắc!

Rồi câu chuyện ngưng lại trong một sự im lặng nào nề. Gót giày của một toán tuần tiểu khua vang đường phố rồi cũng im bật. Hồi lâu, một anh bạn tầm thước ngồi sát cạnh cô gái Hung, nối tiếp câu chuyện:

– « Tôi thấy ai trong chúng là cũng có ít nhiều điều để phàn nàn hay nguyên rửa quê hương. Và đây là cái « thông điệp » của thủ đô quê hương tôi. Xin kể hầu các bạn một câu chuyện.

Ngày ấy tôi còn là một chú nhí đồng nhỏ bé. Vì một sự tình cờ, tôi được U già kể cho tôi câu chuyện bi thương về một ông anh họ. Tôi vốn chỉ được biết lơ mờ rằng trong dòng họ tôi có một người tên gọi là Hai vào hàng anh tôi nhưng trạc tuổi chú tôi. Người ta ít khi nhắc nhở đến tên ông. Và tôi cũng chưa hề đến chơi nhà ông ta một lần nào. Khi tôi bắt đầu đi học thì ông ấy không còn ở quê nhà nữa.

Ông Hai là một người hiền lành chăm chỉ. Ông lập gia đình và đi làm việc nhà nước từ trước 20 tuổi. Ông sinh hạ được ba người con, hai trai một gái. Phần đông ai cũng mến ông. Tật xấu duy nhất của ông là thói đam mê cờ bạc. Cái tai họa của gia đình ông là ở chỗ đó. Mặc dầu vợ ông là một người đảm đang, gia đình ông vẫn khốn đốn về tiền bạc. Có những tháng ông không đưa được một đồng lương nào về. Và nhất là cái không khí lạnh lẽo trong gia đình. Những ngày nghỉ, ngày lễ ông khô-

ng ở nhà, ông còn đi thâu đêm nữa. Trở về nhà người ông bơ phờ như mất hồn. Vợ ông rầy la, họ hàng khuyên bảo ông không hề có phản ứng nhưng rồi vẫn chứng nào tật ấy. Sau nhiều năm như thế, hy vọng ông hồi cải tiêu tan, vợ ông Hai héo hon rồi lâm bệnh mà chết.

“Cái chết của người thân đã làm cho ông Hai tỉnh ngộ. Tiếc rằng sự tỉnh ngộ đó có hơi muộn màng. Và từ muộn màng nó biến thành cực đoan. Ông Hai tỏ dấu hối hận vô cùng. Ông cho rằng mình đã giết vợ. Sau mấy tháng rờn rã âu sầu, ông thôi việc nhà nước, gọi họ hàng lại phân phát hết chút tài sản còn lại và dắt díu ba đứa con ra đi. Ông mua một con thuyền. Ông đặt các con xuống đó. Ông chèo ngược dòng sông lên rừng. Và tới một quãng vắng kia, trong khi ba đứa con ông đang nô rồn với nhau ở trong khoang, ông đập mạnh con thuyền về một phía. Con thuyền chòng chành rồi lật úp. Bốn bố con ông ngâm xác giữa dòng sông... »

Một tiếng xì xào chạy quanh bàn họp. Anh bạn của chúng ta nói tiếp:

– Ban đầu tôi cho đó là một câu chuyện không thể tin được. Tôi không dám nghe U gia kể một lần thứ hai. Và tôi cũng không dám một mình ôn lại với mình câu chuyện đó. Với tuổi trời, tôi được đọc, được nghe và được chứng kiến những sự việc bị thương và quái đản gấp bội. Nói đâu xa, đây là một câu chuyện thông thường cùng tính cách. Một người chồng bị vợ ngoại tình, một người vợ muốn chiều theo ý muốn quái gở của tình nhân đã không ngại ngần nói dối con để bắn nó vào tim hay đẩy nó xuống nước. Và các bạn thử tưởng tượng xem đứa con phản ứng ra sao. Nó gục vào lòng cha, nó níu lấy cánh tay mẹ. Nó còn biết làm gì hơn? Nó không tưởng rằng nó chết, nó không ngờ và cũng không biết ai giết nó. Và giả thử nó có biết thì nó cũng không thể làm khác được.

«Thưa các bạn, qua mấy câu chuyện lạc đề trên, tôi chỉ muốn nói một điều. Chúng ta ai nấy đều có thể nguyên rửa quê hương, nhưng rồi rút cục trong thâm tâm ai nấy đều xót thương, gắn bó với quê hương. Lời thóa mạ có khi phải hiểu là hình thức biểu lộ của tình yêu. Hơn nữa, theo ý tôi, xót thương quê hương chính là ý nghĩa của cuộc gặp gỡ rộng rãi và thân thiết của ta hôm nay vậy ».

Những lời nói cuối cùng của anh bạn mất hút vào trong sự dậy dàng của ban mai non vừa hé. Lửa lụi ở trong lò. Những vì sao đã rơi xuống thành hoa tuyết. Nền trời đổi từ màu tro xám sang màu hồng đục. Tia nắng đầu tiên rọi qua cửa kính căn phòng. Các bạn sinh viên lục tục đứng dậy. Có tiếng người chạy từ trên lầu xuống reo lên:

– Nhờ các bạn Y khoa một tay. Một thiếu phụ tị nạn vừa lâm bồn! Một thiên thần giáng thế!

Người ta chạy và lên cầu thang. Bốn hay năm anh bạn còn lại vẫn nhỏ to tiếp tục câu chuyện bỏ dở.

- Mai tôi đi Ba Lê.
- Tôi xin sang Luân Đôn.
- Mời anh qua xứ tôi.
- Tôi đến Nam Mỹ,
- Có lẽ tôi sẽ đi Tân Tây Lan.

Thưa các ngài, câu chuyện vẫn chưa hết. Sở dĩ tôi phải dài dòng kể lể những điều trên đây là vì tôi vừa nhận được một lá thư của một anh bạn. Lá thư nhàu nát đã chuyển qua nhiều tay mới đến được tay tôi. Nó thì dài dòng. Sau đây là đoạn cuối:

Thế rồi tôi gặp lại P. ở thủ đô Hòa Lan như đã ước hẹn. Sáu tháng trời là bỏ quê hương

đã biến P. thành một cô gái can tràng, không còn hay khóc như dạo nào nữa. Tôi thương hại và yêu P. vô cùng. Đôi phen P. có âu sầu nhưng rồi hăng hái học tập và hoạt động hơn lúc nào hết. Chúng tôi ở Hòa Lan qua mùa hè rồi cùng sang Úc châu.

« Ở Canberra, chúng tôi nghỉ ngơi ít lâu rồi làm việc trở lại. Một mặt chúng tôi xin vào tiếp tục học tập ở mấy trường chuyên nghiệp, một mặt chúng tôi hoạt động cho lý tưởng. Ngoài ra còn phải kiếm kế sinh nhai nữa chứ. Vì dầu sao chúng tôi cũng không muốn ăn nhờ ai lâu. Một thời gian chúng tôi rất khổ sở phải làm quen với khí hậu mới. Sau đó tôi đã mừng khi thấy P. lấy lại được sức khoẻ và rắn rỏi khác xưa. Mặc dầu những bực bội hằng nhật, chúng tôi vẫn tin tưởng, hăng hái, vui đầu vào công việc và xây nhiều mộng lắm.

“Như thế được non một năm trời với bao nhiêu biến chuyển trong quốc tế. Cuộc đời

của chúng đã đi lần vào cái nếp nhất định. Cho tới một ngày kia chúng tôi bỗng bắt gặp thấy mình hoảng sợ một điều gì. Không phải là chúng tôi vỡ mộng; đó là điều công bằng cần phải nói lên. Chúng tôi lo sợ cho thời gian, cho cái tuổi 20 của mình thì đúng hơn. Chúng tôi tự xét không thể kiên nhẫn đợi chờ được. Chúng tôi thấy cần phải làm một cái gì, một cái gì to lớn khác thường ít nhất cũng để tự chúng tỏ mình, dầu có phải trả bằng cái tuổi hoa niên của chúng tôi.

«Bây giờ thì P. đã trở lại quê hương. Bằng đường lối nào, tôi không biết. Và tôi cũng không biết cả cái số phận của nàng ra sao nữa,

« Thật là tấn thảm kịch của chúng tôi, những người đã muốn điều tuyệt đối. Tai họa chẳng? Vinh dự chẳng? Tôi vẫn thường muốn tin rằng đó là dấu hiệu của một trưởng thành đáng mong mặc dầu có tai hại ở hơn một phương diện.

* Vĩnh biệt người bạn của tôi. Đừng tìm cách viết thư cho tôi vô ích. Khi anh đọc những dòng này có lẽ tôi cũng chẳng còn ở Tân Tây Lan nữa ».

NGUYỄN SỸ TẾ

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

TƯ THỰC TRUNG HỌC ĐỆ NHỊ CẤP TRƯỜNG SƠN

155A Tự Đức — Dakao — Saigon.

các lớp đệ Nhị A.B.C và đệ Nhất A.B.C

Hiệu trưởng: Nguyễn Sỹ Tế

Giới thiệu các báo bạn:

ĐẠI HỌC

Nguyệt san nghiên cứu văn hóa
và triết học của viện Đại Học Huế
do Nguyễn Văn Trung chủ trương.

TRUYỆN PHIM

Tuần báo điện ảnh — kịch trường đề cập tới mọi vấn đề chính yếu và mới lạ nhất của màn bạc, sân khấu Việt Nam và Quốc Tế.

CHÍNH LUẬN

Tập san nghiên cứu chính trị — xuất bản hàng tháng – do Đoàn Tường chủ trương với sự cộng tác của Nguyễn Sơn Nam, Hồ Xuân Tịnh v. v...

RẠNG ĐÔNG

Tuần báo văn học, nghệ thuật, xã hội, chính trị xuất bản tại Huế.

Chủ nhiệm: Lê Hữu Mục

Chủ bút: Võ Long Tê.

HỘP THƯ

GỬI CHUNG BẠN ĐỌC SÁNG TẠO

Số báo này đến tay bạn đọc chậm hơn thường lệ vì giai phẩm đặc biệt đã đòi hỏi một thời gian sửa soạn và ấn loát lâu hơn những số thường, lý do thứ hai khiến chúng tôi quyết định lùi ngày phát hành lại là để những bạn ở xa có đủ thời gian gửi bài và tòa soạn.

Rồi nhiều sáng tác về Hà Nội của bạn đọc đã gửi về để đăng vào số đặc biệt. Nhưng mặc dầu đã hết sức cố gắng, khuôn khổ tạp chí vẫn chỉ có hạn, cho nên chúng tôi bắt buộc phải gác lại một số sáng tác hay để đăng dần vào những số báo sau. Cũng trong số sau, mục Hộp Thư sẽ lại trả lời riêng từng bạn một, và tạp chí sẽ lại phát hành như thường lệ, nghĩa là ngày mùng 5 mỗi tháng.

Thân ái chào các bạn

MAI THẢO

Bạn Lưu Trung Khảo (Saigon): Ông Quốc Sỹ tác giả “Em yêu anh trong tự do” đăng trong tuần báo Rạng Đông (xuất bản tại Huế) không phải là Doãn Quốc Sỹ tác giả *Sợ lửa* — *U hoài* — *Gánh xiếc* và những sáng tác đăng trong *Sáng Tạo*.

